CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

CTY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN(SSI)

www.ssi.com.vn
Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84 8 38242897 - Fax: +84 8 38242997

Designed and Produced by Aquarius

TẦM NHÌN

Chúng ta cùng thành công

SSI hoạt động dựa trên tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công". Điều cốt lõi ở các sản phẩm và dịch vụ của SSI là nỗ lực đem lại thành công cho khách hàng, cộng sự và các đối tác. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng.

SỨ MỆNH

Kết nối vốn và cơ hội đầu tư

SSI được thành lập với mục đích gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính.

Sứ mệnh này luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sẵn sàng giải pháp: Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

Sâu sát chuyên môn: Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kĩ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kì vọng ở SSI.

In dấu sáng tạo: Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.



MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 02
Các mốc thời gian phát triển 06
Ngành nghề kinh doanh chính 08
Một số chỉ tiêu tài chính 10
Môi trường kinh doanh & Triển vọng 12
Dịch vụ Chứng khoán 24
Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư 28
Quản Lý Quỹ 32
Đầu tư & Nguồn vốn 36
Phân tích & Tư vấn đầu tư 38
Bộ máy tổ chức 42
Công nghệ thông tin 54
Vận hành 57
Quản trị nguồn Nhân lực 58
Quản trị Rủi ro 60
Trách nhiệm cộng đồng 64
Báo cáo tài chính 66
Thông tin khác 114
Mạng lưới hoạt động 122

THÔNG ĐIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thưa các Quý vị,

Trong báo cáo đã được gửi đến quý vị vào đầu năm 2010, chúng tôi có nhấn mạnh rằng mặc dù tiềm năng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam khá lạc quan trong dài hạn, nhưng SSI vẫn luôn thận trọng về tình hình kinh tế thời hậu khủng hoảng. Sự phụ thuộc vào các chính sách kinh tế vĩ mô và nguy cơ lạm phát cao trở lại khiến nền kinh tế Việt Nam phải có những bước đi thận trọng hơn trong việc tăng trưởng. Và đúng như chúng tôi dự đoán, trong năm 2010, mặc dù GDP tăng trưởng 6,78% cao hơn so với kế hoạch đề ra, những thách thức như lạm phát, tỷ giá, lãi suất, cũng như hiệu quả sử dụng vốn đầu tư vẫn còn tồn đọng.

Trong năm 2010, tổng nguồn vốn huy động qua thị trường chứng khoán (TTCK) tăng gấp 3 lần so với năm 2009 nhưng những quan ngại về chính sách vĩ mô, tỷ giá và lạm phát đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự tăng trưởng của TTCK. VN-Index đã đóng cửa phiên cuối năm tại mức 484,66 điểm, giảm 2,04% so với cùng kỳ 2009. Thanh khoản trên thị trường giảm 1,1% so với 2009 do các nhà đầu tư nước ngoài thận trọng hơn trong việc giải ngân vốn.

Hoạt động trong bối cảnh khó khăn phân tích trên, SSI đã không đạt được kế hoạch đặt ra đầu năm 2010 mặc dù vẫn duy trì vị thế công ty chứng khoán có kết quả kinh doanh tốt nhất trong ngành. Doanh thu 2010 của SSI đạt 1.503,4 tỷ đồng, tăng 34% so với năm 2009 nhưng thấp hơn 5% so với kế hoạch đặt ra từ đầu năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 902,8 tỷ đồng, giảm 5,5% so với năm 2009 và thấp hơn 25% so với kế hoạch.

Tuy không đạt được kế hoạch đề ra cho năm 2010 nhưng các bộ phận kinh doanh của SSI đã gặt hái được nhiều thành công, cụ thể:

- Dịch vụ Chứng khoán tiếp tục dẫn đầu về thị phần môi giới khách hàng tổ chức nước ngoài, chiếm hơn 30% giá trị toàn thị trường và môi giới SSI đã trở lại vị trí số 1 về thị phần tại HOSE kể từ tháng 6 năm 2010. SSI tiếp tục là Công ty có doanh thu hoạt động môi giới cao nhất thị trường

- Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đạt doanh thu cao kỷ lục 119 tỷ đồng với tổng số 206 hợp đồng ký kết trong năm, tiếp tục khẳng định vị trí hàng đầu của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư trên thị trường Việt Nam. Kết quả vượt bậc này thể hiện uy tín và thành công của SSI trong việc đưa ra các sản phẩm và dịch vụ mới

- Mặc dù việc huy động vốn đầu tư mới trên thị trường rất khó khăn, nhưng trong năm 2010 Công ty Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM) đã tăng tổng tài sản thêm 760 tỷ đồng trong đó 360 tỷ đồng huy động được cho Quỹ Đầu tư thành viên SSI để đầu tư vào bất động sản ở thị trường Mỹ. Quỹ Tầm nhìn SSI (SSIVF) tiếp tục là một trong những quỹ nội địa hoạt động an toàn nhất

- Đầu tư và Nguồn vốn tại SSI được thực hiện an toàn và hiệu quả với tiêu chí đầu tư thận trọng, đầu tư giá trị và vào những ngành mang tính phòng thủ, đồng thời tận dụng được cơ hội thị trường

- Sản phẩm của Phân tích và Tư vấn đầu tư SSI tiếp tục được các khách hàng đánh giá rất cao, đặc biệt là các tổ chức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và 2010 là năm đầu tiên Tư vấn đầu tư ký kết thành công hợp đồng tư vấn đầu tư dài hạn cho Quỹ Daiwa Vietnam Mother Growth Fund tại Việt Nam.

Tháng 11/2010, SSI đã tổ chức thành công sự kiện “Gateway to Vietnam 2010” - hội nghị thường niên của SSI với mong muốn kết nối các nguồn vốn trong và ngoài nước với các cơ hội đầu tư. Với chủ đề “Khu vực kinh tế tư nhân, động lực tăng trưởng kinh tế Việt Nam”, hội nghị đã thu hút sự tham gia của hơn 600 nhà đầu tư tổ chức trong nước, quốc tế, và đã mang đến cho các nhà đầu tư cái nhìn tổng thể về tiềm năng của thị trường Việt Nam và khối doanh nghiệp tư nhân.

Cũng trong năm 2010, SSI nằm trong Top 10 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế nhiều nhất và 2010 cũng là năm SSI thực hiện ý tưởng xây dựng trường học kiên cố kết hợp làm nơi tránh bão, lũ tại Hà Tĩnh trong chương trình từ thiện “Lá lành đùm lá rách” dành cho đồng bào các tỉnh miền Trung bị lũ lụt.



SSI kiên trì với quan điểm đầu tư thận trọng và đầu tư giá trị, bảo vệ tối đa quyền lợi nhà đầu tư và cổ đông

Là năm bản lề tiếp theo năm 2009 với thông điệp **"Tầm nhìn mới Diện mạo mới"**, năm 2010 SSI đưa ra thực hiện kế hoạch **Từ tầm nhìn đến hành động** chuẩn bị cho thời kỳ phát triển mới của Công ty.

Với kế hoạch **"Từ tầm nhìn đến hành động"**, năm 2010 đã là một năm cải tổ mạnh mẽ ở SSI để đạt được các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn. Ngắn hạn, SSI đã thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ để giữ vững vị trí hàng đầu trên tất cả các mảng kinh doanh, mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ và giải pháp phù hợp nhất với tình hình thị trường, đồng thời kết hợp với những hoạt động đầu tư có chiều sâu vào hạ tầng công nghệ thông tin, vận hành, hoàn thiện bộ máy tổ chức nhân sự, củng cố hoạt động kiểm soát tuân thủ, cơ chế quản trị rủi ro và nâng tầm quản trị tài chính. Dài hạn, SSI đặt mục tiêu tiếp tục phát triển các thế mạnh cốt lõi của mình với tư cách là định chế tài chính trung gian hàng đầu trong việc tư vấn, môi giới, tạo lập thị trường, và quản lý tài sản. Cụ thể các khối kinh doanh của SSI đều có những bước hoàn thiện về chiều sâu để sẵn sàng cho thời kỳ phát triển mới:

- Khối Dịch vụ Chứng khoán được tách thành môi giới khách hàng tổ chức và hệ thống bán lẻ bao gồm mạng lưới các chi nhánh. Phân tích và Tư vấn đầu tư được sát nhập vào môi giới khách hàng tổ chức để nâng tầm vị thế nhà môi giới tổ chức số 1 và đồng thời bộ phận phân tích dành riêng cho nhà đầu tư cá nhân được thành lập để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đặc thù của phân khúc khách hàng này

- Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư tổ chức lại bộ máy và bổ sung nhân sự cao cấp để phục vụ các đối tượng khách hàng doanh nghiệp trong các ngành cơ bản của nền kinh tế và đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với nhu cầu đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tăng cường và mở rộng hoạt động tư vấn M&A

- Công ty Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM) cũng đầu tư về nguồn nhân lực và công nghệ để đáp ứng nhu cầu đa dạng các quỹ với các mục tiêu đầu tư khác nhau và chuẩn bị hạ tầng cho quỹ mở. Năm 2010, SSI cũng đưa ra quyết định quan trọng giảm dần hoạt động tự doanh và chuyển dần toàn bộ danh mục đầu tư sang Công ty Quản Lý Quỹ SSIAM để khẳng định cam kết hoàn toàn minh bạch với các hoạt động kinh doanh phục vụ khách hàng.

Bước sang năm 2011, chúng tôi cho rằng các chính sách thắt chặt tiền tệ sẽ tiếp tục được đẩy mạnh tuy nhiên những áp lực về lạm phát vẫn hiện diện trong những ngày đầu năm. Chính vì vậy, chúng tôi tin rằng môi trường kinh doanh trong năm 2011 sẽ đối diện nhiều khó khăn về nguồn vốn đầu tư, về lạm phát, lãi suất và tỷ giá. Trước những dự đoán bối cảnh kinh tế chung đó, SSI kiên trì với quan điểm đầu tư thận trọng và đầu tư giá trị, bảo vệ tối đa quyền lợi nhà đầu tư và cổ đông. Đồng thời SSI tin tưởng vào thành công của việc đầu tư cho tương lai và cam kết tiếp tục thực hiện sứ mệnh kết nối vốn và cơ hội đầu tư, trung thành với sứ mệnh của nhà tư vấn, nhà tạo lập thị trường, nhà quản lý quỹ, tổ chức đầu tư tài chính và đồng đầu tư.

Tôi đánh giá cao sự đóng góp của toàn thể nhân viên trong năm qua vì sức cống hiến, sự sáng tạo và tinh thần đoàn kết.

Tôi thật sự biết ơn quý cổ đông, quý khách hàng và đối tác đã luôn ủng hộ SSI trong suốt thời gian qua. Và thay mặt cho toàn thể nhân viên SSI, tôi cam kết SSI sẽ làm tốt hơn nữa trong năm 2011 để tiếp tục mang lại lợi ích cho cổ đông, khách hàng và đồng thời góp phần đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế và sự thinh vượng chung của cộng đồng xã hội.

Xin cảm ơn các Quý vị,

TP. Hồ Chí Minh ngày 15/03/2011

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

NGUYỄN DUY HƯNG

CÁC MỐC THỜI GIAN PHÁT TRIỂN

1999 — 2010

1999-2000

30/12/1999:
SSI được thành lập với trụ sở chính tại TP. HCM.

2 nghiệp vụ: Dịch vụ chứng khoán và Tư vấn đầu tư.

Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ

2001

02/2001:
SSI tăng vốn điều lệ lên 9.000.000.000 VNĐ

07/2001:
SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ

Có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư, Dịch vụ chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký chứng khoán.

2002

09/07/2002:
Thành lập Chi nhánh tại Hà Nội, mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc.

2004

04/2004:
SSI tăng vốn điều lệ lên 23.000.000.000 VNĐ

2005

02/2005:
SSI tăng vốn điều lệ lên 26.000.000.000 VNĐ

Mở rộng hoạt động với 5 nghiệp vụ chính: Tư vấn đầu tư, Dịch vụ chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký chứng khoán và Quản lý danh mục đầu tư.

06/2005:
SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ

6 nghiệp vụ với nghiệp vụ bảo lãnh phát hành được bổ sung.



2006

02/2006:
SSI tăng vốn điều lệ lên 120.000.000.000 VNĐ

05/2006:
SSI tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 VNĐ

09/2006:
Vốn điều lệ đạt 500.000.000.000 VNĐ

15/12/2006:
Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2007

02/2007:
Chi nhánh Trần Bình Trọng (Hà Nội) được thành lập.

04/2007:
Chi nhánh Nguyễn Công Trứ (TP. HCM) được thành lập.

05/2007:
Chi nhánh Hải Phòng được thành lập.

06/2007:
Khai trương PGD 3/2.

07/2007:
SSI tăng vốn điều lệ lên 799.999.170.000 VNĐ

03/08/2007:
Công ty Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM), Công ty TNHH Một Thành Viên của SSI được thành lập.

29/10/2007:
SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh).

2008

01/2008:
Khai trương PGD Hồng Bàng.

SSI được Tạp chí danh tiếng FinanceAsia trao giải "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam".

03/03/2008:
SSI tăng vốn điều lệ lên 1.199.998.710.000 VNĐ

16/04/2008:
SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ

05/2008:
Chi nhánh Vũng Tàu được thành lập.

2009

30/01/2009:
SSI tăng vốn điều lệ lên 1.533.334.710.000 VNĐ

SSI được FinanceAsia trao giải "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" và "Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam" lần thứ 2 liên tiếp.

12/2009:
Chi nhánh Nha Trang được thành lập.

2010

01/2010:
Chi nhánh Quảng Ninh được thành lập.

SSI nằm trong danh sách 10 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế nhiều nhất.

SSI được FinanceAsia trao giải "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam", "Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam" lần thứ 3 liên tiếp và là Công ty đầu tiên được nhận giải "Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam".

Công ty Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM) trở thành công ty quản lý quỹ đầu tiên nhận giải thưởng "Best Vietnam Onshore Fund House" của tạp chí danh tiếng Asian Investor.

03/03/2010:
SSI tăng vốn điều lệ lên 1.755.558.710.000 VNĐ

18/05/2010:
SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ

09/2010:
Chi nhánh Mỹ Đình (Hà Nội) được thành lập.

NGÀNH NGHỀ
KINH DOANH CHÍNH

SẢN PHẨM/DỊCH VỤ CỐT LÕI	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Dịch vụ Chứng khoán

SSI luôn cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tư vấn tài chính đến mọi đối tượng khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước:

Sản phẩm, dịch vụ cơ bản gồm mở tài khoản giao dịch chứng khoán, môi giới tư vấn giao dịch chứng khoán, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán, thanh toán tiền, lưu ký chứng khoán, môi giới tư vấn và hỗ trợ chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết

Sản phẩm dịch vụ tài chính hợp tác đầu tư chứng khoán và hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán được xây dựng dựa trên những nhu cầu thực tế của khách hàng và đáp ứng chính sách quản trị rủi ro cho khách hàng và Công ty

Sản phẩm dịch vụ giao dịch điện tử gồm Smart Trading, Web Trading, Contact Center, SMS hỗ trợ khách hàng giao dịch nhanh, thuận tiện và hiệu quả

Báo cáo nhận định thị trường, phân tích ngành, phân tích cổ phiếu, tổ chức đi thăm các công ty niêm yết, tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư.

Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cơ bản để phục vụ hiệu quả và làm hài lòng tối đa nhu cầu khách hàng

Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu của khách hàng, lịch sử giao dịch với khách hàng, sự phát triển của thị trường về mặt sản phẩm, dịch vụ để thiết kế những sản phẩm tài chính hợp tác đầu tư ưu việt hơn

Luôn đi trước và ứng dụng hiệu quả công nghệ tiên tiến vào sản phẩm dịch vụ giao dịch điện tử, hướng đến các tiêu chí thuận tiện, dễ sử dụng, tốc độ nhanh, an toàn và hiệu quả tối ưu cho khách hàng

Mở rộng danh mục cổ phiếu phân tích và tư vấn đầu tư, thiết kế những báo cáo phân tích riêng biệt dành cho khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

SSI cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính đa dạng, bao gồm:

Tư vấn tài chính doanh nghiệp: định giá doanh nghiệp, tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, mua bán & sát nhập (M&A), chia tách giải thể doanh nghiệp…

Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước bao gồm thị trường chứng khoán và thị trường nợ: tư vấn cổ phần hóa, tư vấn & bảo lãnh phát hành (phát hành lần đầu ra công chúng, phát hành riêng lẻ), tư vấn niêm yết, tư vấn phát hành các sản phẩm cấu trúc và phái sinh.

Tiếp tục tập trung vào các doanh nghiệp có quy mô lớn, uy tín, tiềm năng phát triển bền vững nằm trong các ngành cơ bản của nền kinh tế

Đa dạng hóa sản phẩm tăng vốn, nợ, hybrid, structured nhằm phù hợp với nhu cầu đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước

Tăng cường và mở rộng hoạt động tư vấn M&A, phối hợp với các đối tác Ngân hàng Đầu tư quốc tế để nắm bắt tối đa các thương vụ M&A xuyên quốc gia

Tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực, phát triển các công cụ hỗ trợ hiệu quả, hướng tới nâng cao chất lượng dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM)

SSIAM cung cấp đa dạng các sản phẩm quản lý tài sản cho khách hàng cá nhân cũng như dịch vụ quản lý quỹ:

Quỹ đầu tư bao gồm huy động và quản lý các quỹ đầu tư thành viên trong nước, các quỹ đầu tư nước ngoài với thời hạn trung và dài hạn

Quản lý danh mục đầu tư gồm danh mục đầu tư toàn bộ và danh mục đầu tư chỉ định cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước

Quản lý tài sản cho khách hàng cá nhân có giá trị tài sản lớn

Và các dịch vụ giá trị gia tăng, hiệu quả cho nhà đầu tư.

Củng cố và phát triển các yếu tố tạo thành công, duy trì bền vững các lợi thế cạnh tranh nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra

Tiếp tục xây dựng các chiến lược đầu tư khác biệt, đa dạng các sản phẩm và dịch vụ quản lý tài sản để thu hút khách hàng tổ chức trong và ngoài nước

Kết hợp với Khối Dịch vụ Chứng khoán chào bán dịch vụ quản lý tài sản đến các đối tượng khách hàng cá nhân có giá trị tài sản lớn

Chuẩn bị sẵn sàng đón đầu cơ hội Quỹ mở.

Phân tích và Tư vấn đầu tư

Các sản phẩm phân tích gồm:

Báo cáo phân tích công ty: báo cáo phân tích ban đầu và báo cáo cập nhật định kỳ hoặc theo từng sự kiện

Báo cáo phân tích thị trường: tập trung phân tích, cập nhật diễn biến nền kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán theo ngày/tuần/tháng

Báo cáo SSI 30: tập hợp 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất và có tính đại diện nhất thành một bộ chỉ số, nhằm phân tích và dự đoán được diễn biến của toàn bộ thị trường

Báo cáo Ngành (Sector Watch): phân tích sâu sắc, quan điểm nhận định khách quan về triển vọng ngành, cũng như đưa ra các khuyến nghị để giúp khách hàng tổ chức và cá nhân có sự lựa chọn trong việc cơ cấu lại danh mục cho phù hợp với thị trường

Và các báo cáo khác như *Phân tích kỹ thuật, phân tích Due Diligence* và các gói báo cáo theo đơn đặt hàng.

Khối Phân tích & Tư vấn đầu tư tách thành 2 bộ phận chuyên biệt nhằm phát triển những sản phẩm phân tích phù hợp nhất với nhu cầu của các đối tượng khách hàng khác nhau, gồm:

- Phân tích và Tư vấn đầu tư phục vụ khách hàng tổ chức
- Phân tích và Tư vấn đầu tư phục vụ khách hàng cá nhân

Tăng số lượng các công ty niêm yết được nghiên cứu và tiếp tục đưa ra các sản phẩm phân tích mới.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU
TÀI CHÍNH

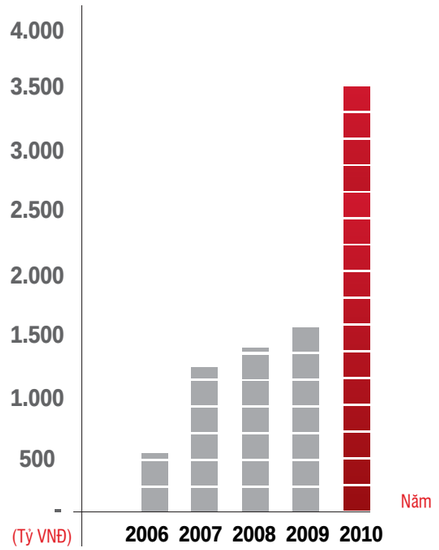
KẾT QUẢ KINH DOANH	2008	2009	2010
Doanh thu thuần (VNĐ)	1.054.634.146.677	1.121.526.055.660	1.503.366.689.880
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán (VNĐ)	308.952.319.713	881.789.621.544	899.895.527.639
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	277.819.245.792	955.711.514.448	902.819.486.257
Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	250.516.970.757	804.079.895.938	688.587.115.937

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN	2008	2009	2010
Tổng tài sản (VNĐ)	5.620.878.354.598	7.076.985.421.509	8.792.894.565.983
Vốn điều lệ (VNĐ)	1.366.666.710.000	1.533.334.710.000	3.511.117.420.000
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	134.740.180	153.322.201	350.711.972
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	3.896.903.303.327	4.818.501.330.788	5.459.312.028.182

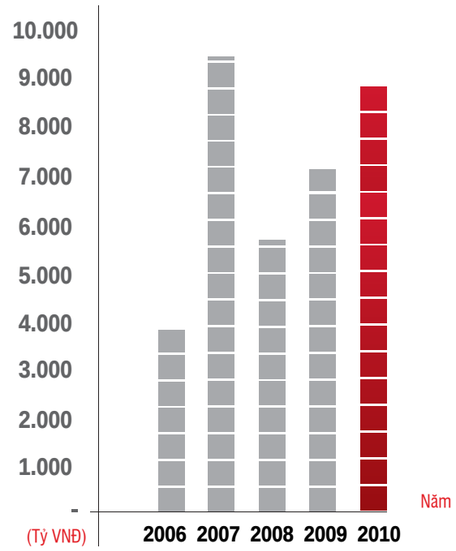
CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	2008	2009	2010
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	50,39%	66,25%	72%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	49,61%	33,75%	28%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	30,67%	31,48%	37%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	69,33%	68,52%	62%

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN	2008	2009	2010
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	4,46%	11,36%	7,80%
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	6,43%	16,58%	12,60%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	18,33%	52,44%	19,6%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	23,75%	71,70%	45,80%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) (VNĐ)	1.868	5.360	1.982

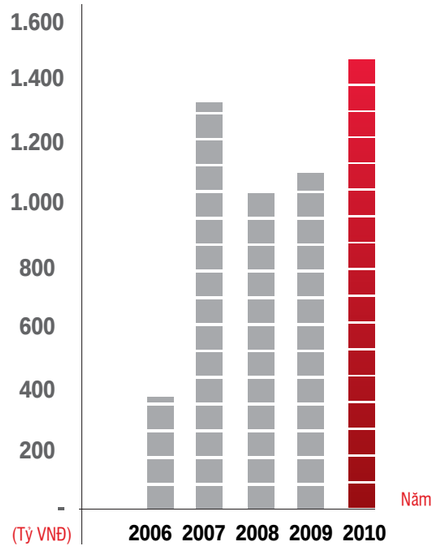
Vốn điều lệ



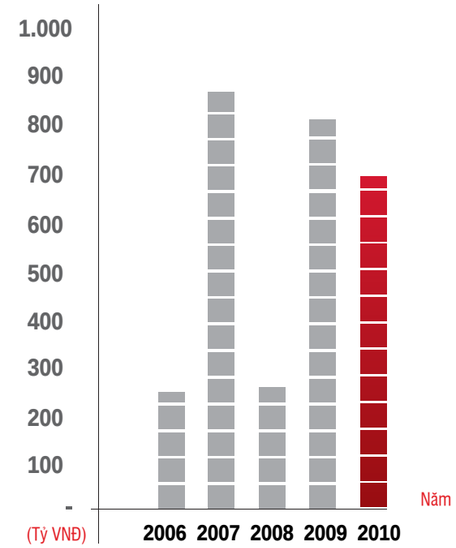
Tổng tài sản



Doanh thu thuần

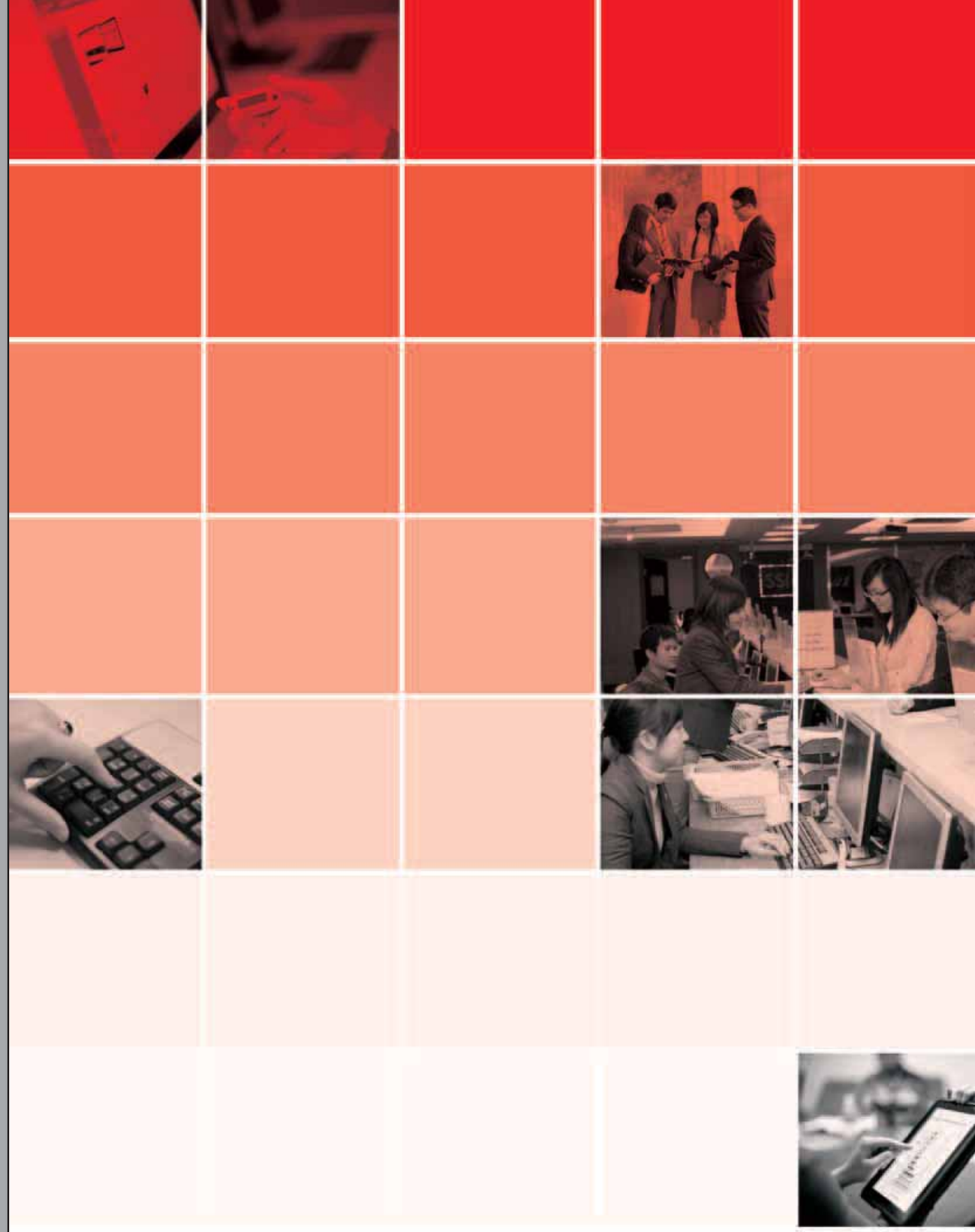


Lợi nhuận sau thuế



Chú thích: *Các số liệu trên được tính toán dựa trên số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của SSI*

Môi trường KINH DOANH & TRIỂN VỌNG



KINH TẾ 2010



Kinh tế Việt Nam trong năm 2010 nhìn chung vẫn giữ được đà tăng trưởng khá

KINH TẾ VĨ MÔ

Tăng trưởng GDP năm 2010 đạt 6,78%, cao hơn so với kế hoạch đề ra là 6,5%, với mức tăng trong nửa cuối năm 2010 có diễn biến tích cực hơn hẳn so với cùng kỳ năm trước. Khu vực công nghiệp và dịch vụ đều có mức tăng trưởng tốt. Xuất khẩu tăng 25,5% lên mức 71,63 tỷ USD, cao hơn tốc độ tăng của nhập khẩu là 20,1% (84 tỷ USD) trong khi giải ngân FDI đạt 11 tỷ USD (cao hơn khoảng 10% so với năm ngoái). Giá trị xuất khẩu của Việt Nam (ngoại trừ dầu thô) tiếp tục tăng trưởng ở mức cao (tăng 26,8% trong cả năm 2010). Gần một nửa kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam là các sản phẩm có nhu cầu cao và ổn định từ thị trường thế giới, như gạo, thủy sản và hàng hóa tiêu dùng.

Tiêu dùng trong nước tiếp tục tăng trưởng tốt (tăng 24,5% cả năm 2010) nhờ nhu cầu tiếp tục tăng của một quốc gia có dân số trẻ. Trong năm 2010, Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình và nhu cầu về hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng dự kiến sẽ tăng nhanh trong các năm tới.

Tăng trưởng GDP Việt Nam nửa cuối năm 2009 và 2010

Tăng trưởng	6 tháng cuối năm 2009	6 tháng cuối năm 2010
GDP	4,92%	6,70%
Khu vực Nông nghiệp	2,01%	2,85%
Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	4,71%	7,59%
Khu vực Dịch vụ	6,37%	7,40%

Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam (GSO)

Song nền kinh tế còn nhiều vấn đề khó khăn

Bên cạnh những kết quả nêu trên, kinh tế Việt Nam năm qua vẫn còn rất nhiều vấn đề khó khăn. Có thể dễ dàng nhận thấy điều này qua việc các tổ chức quốc tế đã hạ mức định giá tín nhiệm của Việt Nam, với các lý do liên quan tới lạm phát, dự trữ ngoại hối, nợ quốc gia, thâm hụt cán cân thanh toán, nhập siêu… Kỳ vọng về một năm đột phá với mức tăng trưởng mạnh song hành với sự hồi phục của nền kinh tế thế giới cuối cùng đã không xảy ra, khi mà sự hồi phục tỏ ra khá chậm chạp và các vấn đề nội tại của nền kinh tế ngày càng được bộc lộ rõ nét, như hoạt động kém hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp, rủi ro lạm phát thường trực.

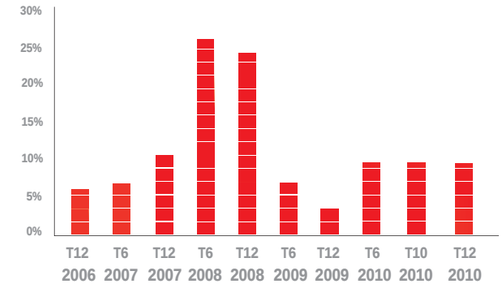
Theo quan điểm của Khối Phân tích & Tư vấn đầu tư tại SSI, các vấn đề đáng quan tâm của Việt Nam trong năm 2010 bao gồm

Lạm phát chưa được kiểm soát

Tám tháng đầu năm 2010, lạm phát được giữ ở mức thấp do Chính phủ hạn chế tăng giá một số hàng hóa thiết yếu và từ nguyên nhân nhập khẩu lạm phát cũng thấp. Nhưng từ tháng 9 năm 2010, chỉ số CPI tăng mạnh chủ yếu do giá cả lương thực và hàng hóa trên thế giới leo thang. Một số nguyên nhân khác tác động lên lạm phát bao gồm ảnh hưởng từ chính sách hướng về tăng trưởng, yếu tố mùa vụ và tiền đồng mất giá so với USD trong khi USD cũng bị mất giá do chính sách nới lỏng của Ngân hàng Trung ương Mỹ.

Kết quả cho thấy, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2010 tăng 11,75% so với cùng kỳ. Trong năm 2010, các nhóm hàng có mức tăng trên 10% bao gồm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (tăng 16,18%), nhà ở và vật liệu xây dựng (15,74%), giáo dục (19,38%); trong đó ảnh hưởng lớn nhất là nhóm hàng lương thực vốn có quyền số lớn nhất trong rổ CPI. Những con số này cho thấy các biện pháp mạnh về kiềm chế lạm phát của Chính phủ vào cuối năm 2010 vẫn cần có thêm thời gian để tác động được lên lạm phát.

Diễn biến chỉ số CPI

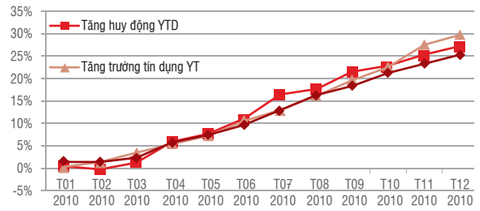


Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam (GSO)

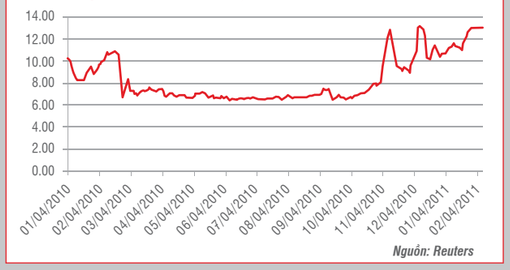
Chuyển hướng chính sách từ thúc đẩy tăng trưởng sang ổn định vĩ mô: Chính sách tiền tệ gặp nhiều thách thức

Lãi suất: Áp lực lạm phát gia tăng từ cuối quý III/2010 đã khiến Chính phủ chuyển từ chính sách thúc đẩy tăng trưởng sang ưu tiên ổn định vĩ mô. Đây là một bước đi đúng hướng nhưng đặt ra rất nhiều thách thức cho chính sách tiền tệ. Vào thời điểm cuối năm, nhu cầu huy động vốn trong hệ thống ngân hàng tăng cao và thanh khoản giảm của một số ngân hàng nhỏ đẩy lãi suất tăng mạnh, đặc biệt lãi suất tiền gửi ngắn hạn lên đến 17,5%/năm và ở một số thời điểm cụ thể còn ở mức cao hơn. Mặt khác với diễn biến giá vàng tăng liên tục người dân đã tiếp tục mua vàng vật chất để phòng chống lạm phát, thay vì gửi tiết kiệm, và việc này đã ảnh hưởng đến thanh khoản trong hệ thống ngân hàng. Sự cạnh tranh lãi suất giữa các ngân hàng khiến cho mặt bằng lãi suất tăng lên mức quá cao, hệ lụy là hầu hết các doanh nghiệp rất khó tiếp cận được vốn vay. Kết quả cùng với tác động từ áp lực tăng vốn điều lệ, khối ngân hàng đã có một

Tăng trưởng huy động & tăng trưởng tín dụng 2010

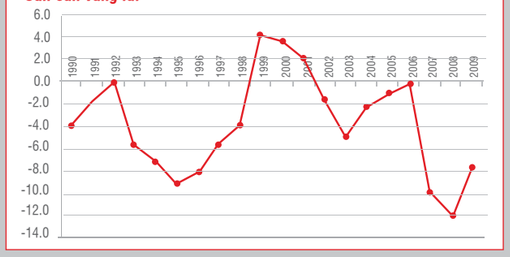


Lãi suất qua đêm (VNIBOR O/N)

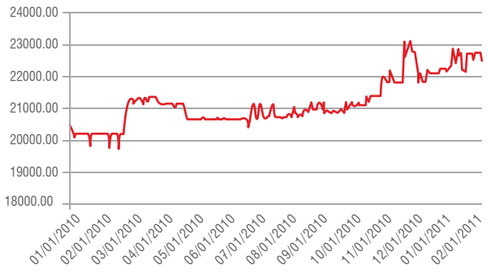


Nguồn: Reuters

Cán cân vãng lai



NDF kỳ hạn 1 năm



năm rất khó khăn; tâm lý thị trường yếu và lãi suất cao cũng gây ảnh hưởng tiêu cực tới ngành bất động sản và làm trì hoãn các kế hoạch đầu tư trong nhiều ngành khác.

Những vấn đề trên đã khiến Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phải có các biện pháp hỗ trợ thanh khoản, đáng chú ý nhất là việc tăng cường hoạt động thị trường mở trong những tháng cuối năm 2010 cũng như đầu năm 2011.

Tỷ giá: Đồng Việt Nam là một trong những đồng tiền bị xuống giá nhiều nhất trong số các nước mới nổi trong năm 2010, trong khi đó phần lớn các đồng tiền Châu Á khác tăng giá so với USD. Hai lần quyết định giảm giá và nới rộng biên độ giao dịch tỷ giá của NHNN là một biện pháp nhằm điều chỉnh sự chênh lệch giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá thị trường tự do, dưới áp lực của cán cân thanh toán bị thâm hụt. Tỷ giá thị trường tự do biến động phản ánh tâm lý đầu cơ trong bối cảnh nhập siêu tiếp tục ở mức cao, FDI giải ngân tuy tăng nhưng Việt Nam cũng đã bắt đầu thực hiện các dự án đầu tư ra nước ngoài nên tác động chung vào cán cân không còn cao. Giá vàng và CPI đều tăng cũng là những yếu tố không nâng đỡ cho tỷ giá. Ngoài ra, trên cán cân thanh toán các khoản sai số ở mức khá cao nên nhà đầu tư thiếu thông tin chính xác về thực trạng cán cân thanh toán và thường giả định là thâm hụt.

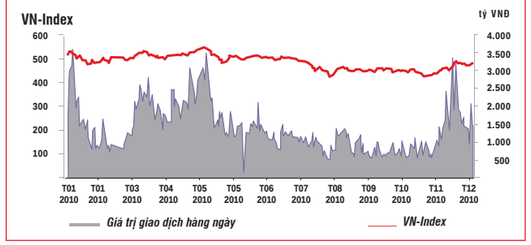
Mặc dù sự giảm giá của tỷ giá VNĐ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ tốt cho các ngành xuất khẩu, nhưng sẽ gây các ảnh hưởng xấu tới các khoản nợ nước ngoài của Việt Nam, cả ở tầm quốc gia và doanh nghiệp

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2010

Thị trường cổ phiếu đi ngang trước không ít thăng trầm

Năm 2010 là một năm thăng trầm của thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam trước những ảnh hưởng từ thị trường quốc tế và trong nước. Sự thật này hoàn toàn khác với những dự báo đầy lạc quan của một số tổ chức và chuyên gia cuối năm 2009. Xuyên suốt 2010, thị trường chứng kiến tình trạng đi ngang trong thời gian rất dài của chỉ số giá. Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12/2010, VN-Index đạt 484,66 điểm, giảm 2,04% so với cùng kỳ 2009. Mức đáy thấp nhất của VN-Index được xác lập vào ngày 25/08/2010, song mức đáy này cũng đã tăng gần 80% so với mức đáy của năm 2009 là 235,5 điểm. Mức đỉnh thử thách cao nhất của VN-Index là 549,51 điểm được xác lập ngày 06/05/2010, thấp hơn mức đỉnh của năm 2009 là 624,10 điểm, tương đương giảm 12%.

VN-Index & Giá trị giao dịch 2010



Trong nhiều giai đoạn của năm qua, chỉ số VN-Index đã không còn phản ánh chính xác thực chất thị trường khi chỉ cần một vài bluechip tăng điểm đã giữ được "màu xanh" của chỉ số. Trước bối cảnh đó, nhà đầu tư đã chuyển hướng quan tâm nhiều hơn tới chỉ số HNX-Index khi diễn biến trên sàn Hà Nội dường như phản ánh thật hơn cung-cầu trên thị trường.

Với 136 phiên tăng điểm của VN-Index và 117 phiên tăng điểm của HNX-Index (tính đến ngày 31/12), tổng giá trị giao dịch tại thời điểm cuối năm 2010 toàn thị trường là 620.312,3 tỷ đồng, tương đương với 20.578,5 triệu cổ phiếu giao dịch.

	HOSE			HNX			Tổng Hose & HNX	
	VN-Index	KLGD (tr.cp)	GTGD (tỷ VNĐ)	HNX-Index	KLGD (tr.cp)	GTGD (tỷ VNĐ)	KLGD (tr.cp)	GTGD (tỷ VNĐ)
2010	484,66	11.823,8	378.618,6	114,24	8.754,7	241.693,7	20.578,5	620.312,3
2009	494,77	11.057,87	429.672,10	168,17	5.759,83	197.356,91	16.817,7	627.029,01
Tăng/giảm 2010 so với 2009	-2,04%			-32,07%			22,4%	-1,1%

Dù thị trường năm 2010 trải qua không ít khó khăn, song vẫn duy trì những điểm sáng đáng ghi nhận. Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài liên tục mua ròng, tổng giá trị mua ròng trong năm 2010 đạt 16.000 tỷ đồng, là lực đẩy chính cho thị trường, tính thanh khoản được cải thiện kể từ tháng 10 và đã xuất hiện những đợt sóng nhỏ tạo cơ hội sinh lời cho một số nhà đầu tư. Giá giảm mạnh trở về tiêu chí đầu tư theo cơ bản, loại bỏ dần những tiêu chí đầu tư mang tính "cờ bạc", thị trường phân hóa danh mục mạnh tạo cơ hội cho các nhà đầu tư tổ chức mua vào để tích lũy và xuất hiện những nhà đầu tư mới đầu tư theo giá trị.

Về tình hình niêm yết, theo thống kê cho thấy năm 2010 chứng kiến sự niêm yết ồ ạt của các doanh nghiệp mới. Tổng số lượng công ty chứng khoán niêm yết mới trên TTCK Việt Nam là 189 doanh nghiệp. Trong đó, trên sàn Hà Nội là 113 mã, sàn Hồ Chí Minh là 76 mã. Số cổ phiếu mới đăng ký giao dịch trên UPCOM là 92 mã.

Xét về hiệu quả của việc huy động vốn qua TTCK, tốc độ tăng huy động vốn qua TTCK năm 2010 gấp 3 lần so với năm 2009, đạt 114.000 tỷ đồng, trong đó 83.000 tỷ đồng huy động từ phát hành cổ phiếu, còn lại là trái phiếu và các hình thức khác[1]. Điều này chứng tỏ TTCK ngày càng trở thành kênh huy động vốn chính cho doanh nghiệp.

Do tình trạng thanh khoản thấp trên thị trường vốn, lãi suất tiền gửi cao, nên các đợt phát hành trên thị trường phần lớn nhằm vào đối tượng là các cổ đông hiện hữu với mức chiết khấu lớn, có khi tới 50%. Thị trường năm qua chứng kiến các đợt IPO lớn nhưng không thành công và hấp dẫn nhà đầu tư như: Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi, Tổng Công ty Thiết bị Điện Việt Nam, Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas)…

Thị trường trái phiếu kém thanh khoản song ghi dấu nhiều thành công

Tuy phải đối diện với thực tế đầy khó khăn của nền kinh tế, song thị trường sơ cấp đã đạt nhiều thành tựu đáng kể. Khối lượng trái phiếu Chính phủ (TPCP) phát hành thành công đạt kỷ lục gần 110.000 tỷ đồng, khối lượng trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đạt trên 47.000 tỷ đồng. Đồng thời, Việt Nam cũng đã phát hành thành công 1 tỷ USD trái phiếu ra thị trường quốc tế. Chất lượng hàng hóa của thị trường TPCP theo đánh giá của Kho bạc Nhà nước là khá tốt, đẩy mạnh phát hành trái phiếu lô lớn với khoảng 40 mã trái phiếu mới được hình thành, trong đó có những mã trị giá 3.000 – 4.000 tỷ đồng.

Mức lãi suất TPCP dao động từ 10 đến 12%/năm, 6 tháng đầu năm ở mức ngang với lãi suất tiền gửi ngân hàng; 6 tháng cuối năm, lãi suất TPCP thấp hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng một cách tương đối. Tuy nhiên, trái phiếu dường như không thu hút được sự quan tâm lớn đối với nhà đầu tư nước ngoài, sau 2009 họ chưa quay trở lại thị trường trái phiếu VN do có sự quan ngại nhất định về sự mất giá của VNĐ so với USD.

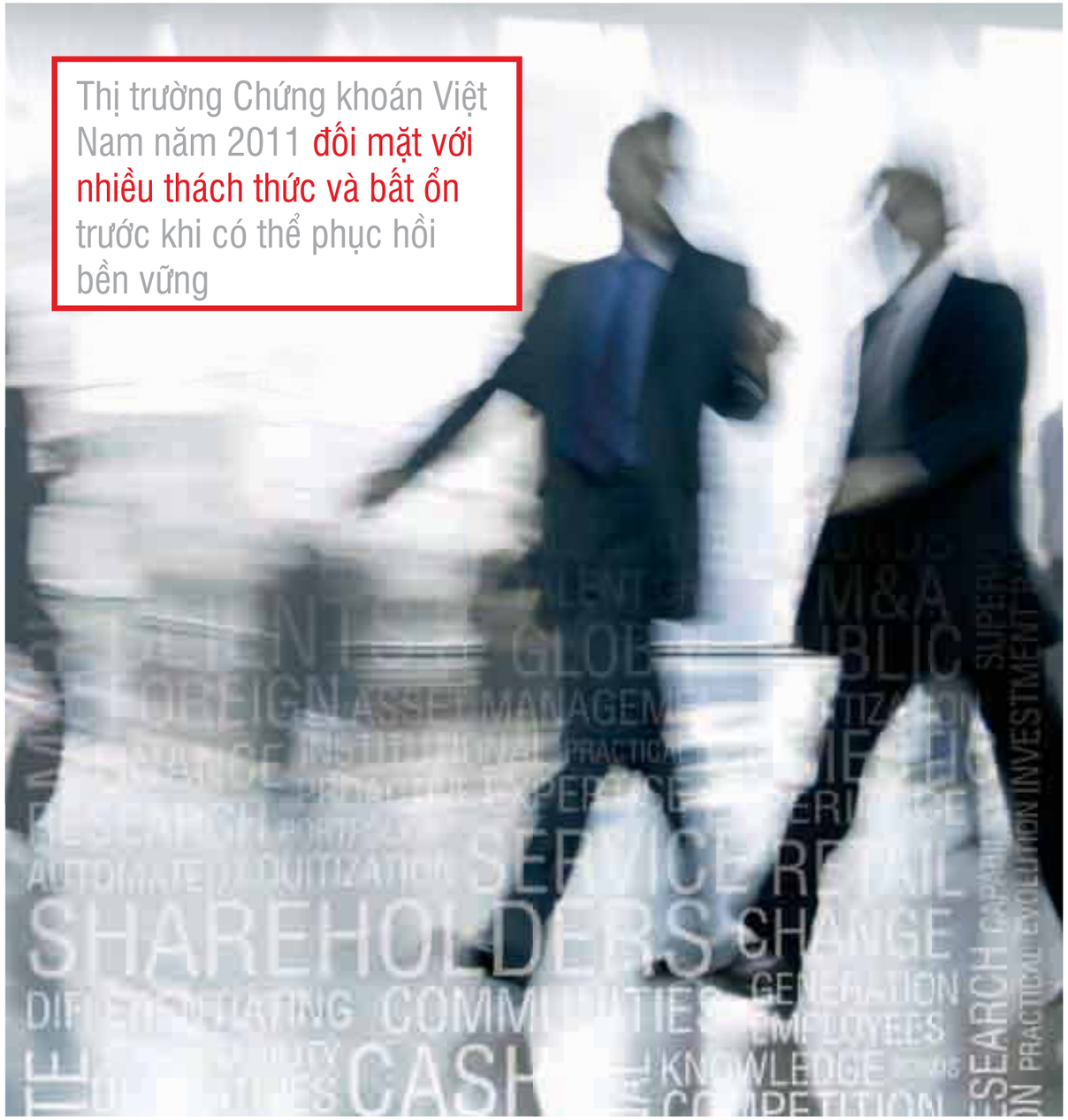
Một năm đánh dấu quản trị doanh nghiệp được củng cố

Từ khi Luật Doanh nghiệp (2005) và Luật Chứng khoán (2007) ra đời, năm 2010 được đánh dấu với vụ điều tra của giao dịch nội bộ tại các công ty đại chúng và vấn đề nội bộ tại các công ty nhà nước. Điều này là một bước đi tích cực của Chính phủ nhằm củng cố quản trị công ty tại các doanh nghiệp nhà nước và các công ty đại chúng.

Khối Phân tích & Tư vấn đầu tư của SSI cho rằng đây là một dấu hiệu tốt cho cả thị trường chứng khoán và nhiều diễn biến tương tự sẽ giúp nâng cao niềm tin của các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước vào thị trường Việt Nam.

[1] Theo Báo Đầu tư chứng khoán, số 04 (944) ngày 10/01/2011 - "Từ 01/07, điều kiện phát hành sẽ khắt khe hơn"

TRIỂN VỌNG
2011



KINH TẾ VĨ MÔ
Lạm phát vẫn là rủi ro lớn nhất cho 2011

Chỉ số CPI của Việt Nam trong thời gian gần đây biến động khá bất thường chủ yếu do yếu tố lương thực và thực phẩm (chiếm 39,93% rổ hàng hóa tính CPI). Các yếu tố chính tiếp tục đặt áp lực lên CPI trong năm tới bao gồm giá cả hàng hóa leo thang (cùng chung với áp lực tăng giá hàng hóa trên thế giới), thời tiết bất ổn ảnh hưởng tới nguồn cung lương thực, lộ trình tăng giá than và điện sẽ được thực hiện, và cuối cùng là đồng Việt Nam tiếp tục mất giá. Yếu tố tỷ giá cũng là một nhân tố gây ảnh hưởng quan trọng lên lạm phát khi nhu cầu nhập khẩu để sản xuất và tiêu dùng vẫn tiếp tục tăng, đồng thời việc duy trì một tỷ giá ổn định và lấy lại niềm tin vào VNĐ cũng vẫn là một thách thức đối với cơ quan quản lý.

Về chính sách tài khóa, Chính phủ đã có định hướng rõ ràng là thắt chặt, cụ thể là giảm các dự án đầu tư chưa cần thiết, tăng thu, giảm chi ngân sách, đưa mức bội chi ngân sách về dưới 5%. Với việc đầu tư công vẫn luôn là một động lực quan trọng của tăng trưởng, có thể thấy việc thắt chặt chính sách tài khóa, một bước đi khá mạnh trong việc kiểm soát lạm phát, sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến tăng trưởng chung của nền kinh tế. Chính sách thắt chặt tiền tệ và tài khóa sẽ gây nhiều thách thức cho sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Tiếp nối những khó khăn của 2010, với áp lực lạm phát tiếp tục duy trì trong đầu năm 2011, chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục gây nhiều thách thức cho kế hoạch tăng trưởng của nền kinh tế, được đặt ra ở mức 7-7,5% cho 2011, cao với mức tăng trưởng GDP của năm 2010.

Với áp lực lạm phát đang là thách thức trước mắt, chính sách tiền tệ vẫn đang đi theo hướng đảm bảo ổn định vĩ mô. Tuy nhiên chưa thể nói trước thời điểm nào lạm phát sẽ được kiềm chế ổn định để có thể dẫn tới một sự chuyển hướng trong chính sách và chừng nào mặt bằng lãi suất còn ở mức cao, doanh nghiệp sẽ rất khó tiếp cận vốn để sản xuất và đầu tư, hoặc phải chịu một chi phí vốn rất cao bên cạnh giá hàng hóa đầu vào tăng lên. Bài toán tăng trưởng sẽ có thể không được ưu tiên như trước và không để lạm phát cao kéo dài hoặc tái diễn trong năm tới.

Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư của SSI cho rằng mặt bằng *lãi suất* cao sẽ còn duy trì trong một thời gian nữa và sau đó có thể giảm, tuy nhiên giảm ở mức độ nào còn phụ thuộc vào các biện pháp của NHNN, tình hình chung của hệ thống ngân hàng và khả năng của Chính phủ trong việc thực hiện kế hoạch cắt giảm chi ngân sách đã đưa ra.

Tỷ giá: Đúng như kỳ vọng, ngày 11/02, NHNN đã tiến hành nâng tỷ giá bình quân liên ngân hàng VNĐ/USD từ 18.932 VNĐ lên 20.693 VNĐ, với biên độ giao dịch thu hẹp từ +/-3% xuống còn +/-1%. Mức độ điều chỉnh lớn (trên 9%) được coi là bước đi mạnh dạn của NHNN nhằm đưa tỷ giá chính thức sát lại với tỷ giá trên thị trường tự do, vốn đã bị kéo căng trong một hai tháng vừa qua, qua đó giúp tỷ giá thị trường chính thức phản ánh sát hơn cung cầu cũng như kỳ vọng của thị trường.

Như vậy ngay từ đầu năm, bài toán tỷ giá đã được giải quyết một phần, giúp củng cố niềm tin vào VNĐ và kỳ vọng tỷ giá sẽ có thể được duy trì ổn định trong một thời gian nữa. Tuy nhiên, nhập siêu vẫn tiếp tục gây áp lực trong những năm tới, nhu cầu thanh toán USD vào thời điểm cuối năm và khả năng tăng cường dự trữ ngoại hối vẫn là một dấu hỏi khiến cho tỷ giá tiếp tục là một vấn đề vĩ mô đòi hỏi sự theo dõi sát sao của cơ quan quản lý để có quyết định điều chỉnh tỷ giá thêm trong năm nữa hay không.

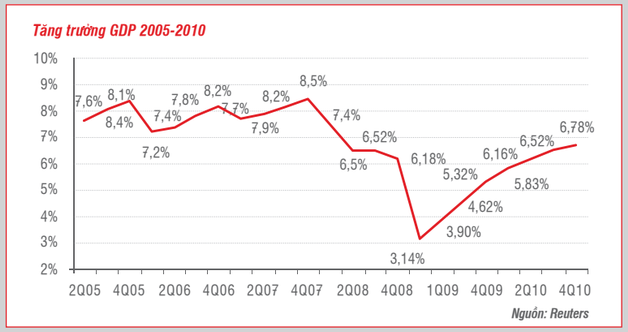
Mặc dù vậy, Khối Phân tích và Tư vấn Đầu tư của SSI cũng cho rằng mức độ nhập siêu của 2011 có thể bớt căng thẳng hơn nhờ vào kỳ vọng hỗ trợ từ gia tăng kiều hối và tăng dòng tiền từ việc giải ngân các nguồn vốn ODA, FDI và FII. Riêng đối với cán cân thương mại, dù tiếp tục nhập siêu, nhưng việc sản phẩm của nhà máy lọc dầu Dung Quất được đưa vào sử dụng rộng rãi hơn và hoạt động xuất khẩu được hưởng lợi từ đồng VNĐ yếu, nên có khả năng nhập siêu sẽ giảm nhẹ trong năm 2011 so với 2010, và cùng với việc điều chỉnh tỷ giá, sẽ làm giảm bớt áp lực lên cán cân thanh toán.

Thách thức đối với kỳ vọng tăng trưởng

Chỉ tiêu tăng trưởng của năm 2011 được đặt ra cao hơn năm 2010 ở mức 7-7,5%. Với những khó khăn nêu trên của nền kinh tế, Khối Phân tích và Tư vấn Đầu tư của SSI cho rằng tăng trưởng GDP của 2011 khó có thể đạt được chỉ tiêu này. Động lực của tăng trưởng 2011 sẽ là:

(1) Sự hồi phục của tiêu dùng toàn cầu năm 2011 sẽ thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam. Nhập khẩu nhiều khả năng sẽ tăng nhưng mức tăng sẽ thấp hơn các năm trước đây, khi nhà máy lọc dầu Dung Quất hoạt động hết công suất và các sản phẩm của nhà máy sẽ được phân phối trong nước.





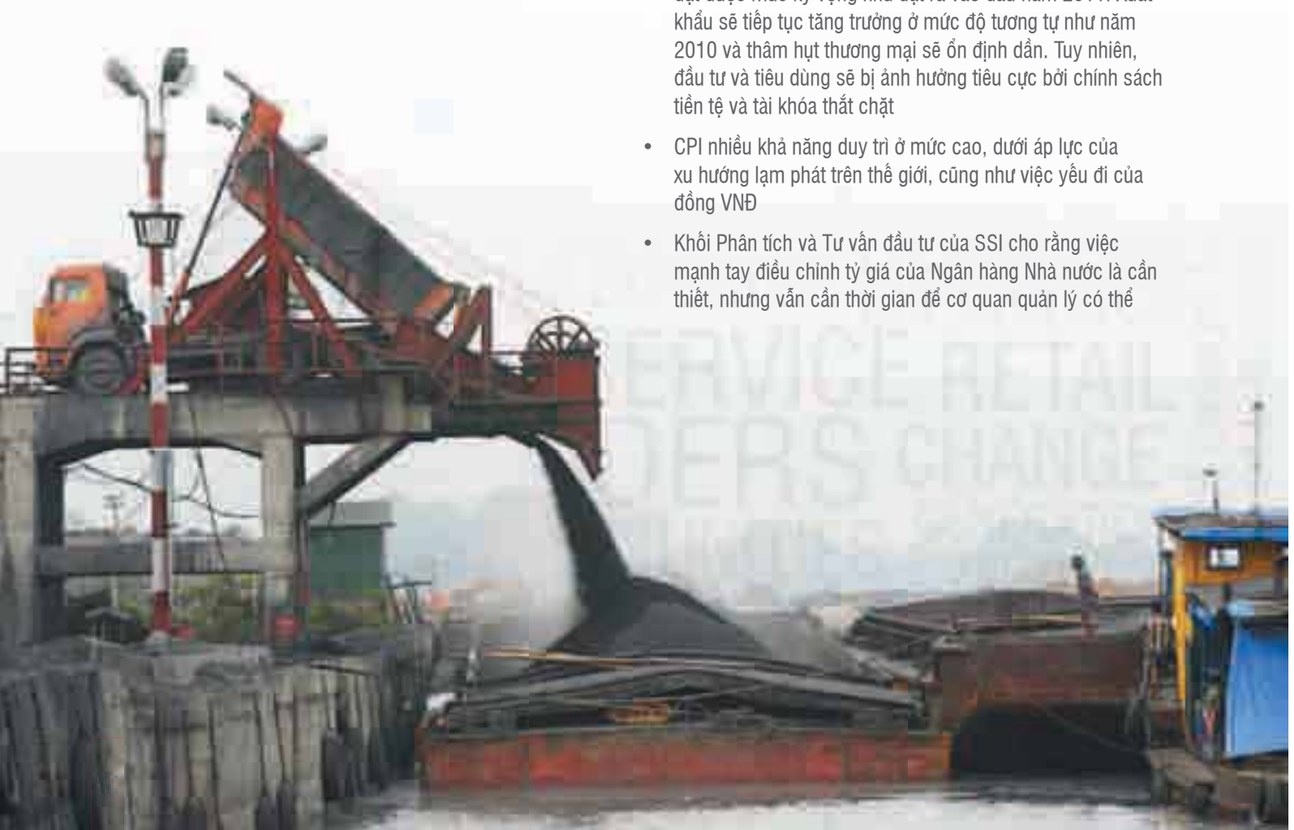




(2) Đầu tư nước ngoài có nhiều khả năng trở lại Việt Nam cùng với sự hồi phục của nền kinh tế thế giới, và theo đó sẽ có nhiều khoản đầu tư gián tiếp từ các nước phát triển.

(3) Tiêu dùng trong nước sẽ tiếp tục là đầu tàu tăng trưởng, với sự gia tăng của tầng lớp có mức thu nhập trung bình và dân số trẻ có xu hướng chi tiêu hơn là gửi tiết kiệm.

Tuy vậy, với việc lạm phát có xu hướng gia tăng trong quý I/2011, các biện pháp thắt chặt tiền tệ và tài khóa sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng trong ngắn hạn, mặc dù vậy thì chúng tôi vẫn cho rằng các biện pháp này là cần thiết để hướng tới tăng trưởng bền vững trong dài hạn.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2011: ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU THÁCH THỨC VÀ BẤT ỔN TRƯỚC KHI CÓ THỂ PHỤC HỒI BỀN VỮNG

Trong kịch bản có xác suất cao nhất, Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư của SSI đưa ra những giả định cơ bản chính sau đây:

- Mức tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ có khả năng không đạt được mức kỳ vọng như đặt ra vào đầu năm 2011. Xuất khẩu sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức độ tương tự như năm 2010 và thâm hụt thương mại sẽ ổn định dần. Tuy nhiên, đầu tư và tiêu dùng sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi chính sách tiền tệ và tài khóa thắt chặt
- CPI nhiều khả năng duy trì ở mức cao, dưới áp lực của xu hướng lạm phát trên thế giới, cũng như việc yếu đi của đồng VNĐ
- Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư của SSI cho rằng việc mạnh tay điều chỉnh tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước là cần thiết, nhưng vẫn cần thời gian để cơ quan quản lý có thể thu hẹp được khoảng cách giữa tỷ giá niêm yết và tỷ giá thị trường tự do
- Mặt bằng lãi suất vẫn sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao trong nửa đầu năm. Trong ngắn hạn định hướng chính sách tiền tệ và tài khóa vẫn là thắt chặt, nhằm đảm bảo kiềm chế lạm phát, tăng trưởng chỉ được xét đến khi đã ổn định được kinh tế vĩ mô.

Căn cứ trên những giả định đó, Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư của SSI đưa ra một kịch bản chính bao gồm các dự báo thị trường như sau:

- P/E bình quân 2011 có thể giảm từ mức hiện tại khoảng 10x xuống 8x – theo ước tính của Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư của SSI sau khi loại trừ một số mã cổ phiếu có vốn hoá thị trường cao, mức giá đã tăng mạnh vì ảnh hưởng giao dịch của một số quỹ chỉ số nước ngoài
- Trong năm 2010, doanh thu của các công ty trong phạm vi nghiên cứu (trừ khối ngân hàng và bảo hiểm) tăng 38% so với năm 2009 còn lợi nhuận sau thuế có mức tăng khoảng 16%. Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư của SSI dự kiến tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận sau thuế của các công ty này trong năm 2011 sẽ lần lượt là 12% và 9%. Các công ty trong năm 2011 tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, trong đó lớn nhất là chi phí đầu vào tăng cao làm ảnh hưởng đến tỉ suất lợi nhuận trong khi thị trường tiêu thụ chưa thấy nhiều khả quan
- VN-Index sẽ tiếp tục biến động nhưng sẽ có khả năng điều chỉnh xuống sâu trước khi có thể phục hồi trở lại.

Tuy nhiên, tình hình thực tế có thể diễn biến tích cực hơn so với kịch bản chính nêu trên của Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư của SSI, cụ thể:

- Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định trở lại sau khi lạm phát giảm dần nhờ giá lương thực và các hàng hóa khác giảm nhanh hơn dự kiến. Ngân hàng Nhà nước sẽ chỉ duy trì mặt bằng lãi suất hiện tại và sẽ không phải tăng lãi suất lên mức cao hơn hiện nay và có thể xem xét giảm dần theo thời gian. Tỷ giá ổn định trở lại, khoảng cách giữa tỷ giá chính thức và thị trường tự do được thu hẹp.

Trong trường hợp những sự kiện trên xảy ra, thị trường chứng khoán Việt Nam có thể sẽ bước vào xu hướng phục hồi và duy trì mức tăng trưởng 20-25% so với 2010.

Hoạt động KINH DOANH











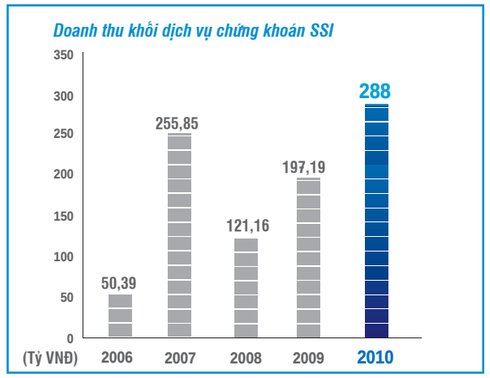




DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

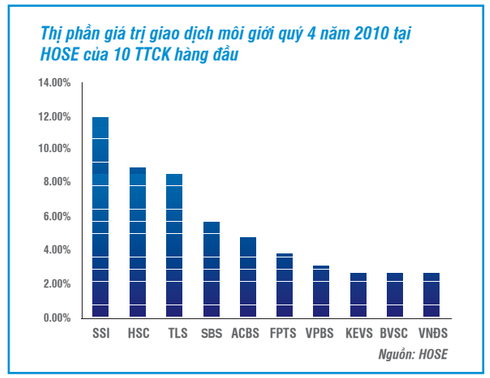
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2010 được đánh giá là một năm đầy thăng trầm với kết quả đạt được không khả quan như dự đoán trước đó, Dịch vụ Chứng khoán SSI tiếp tục những bước đi vững chắc, khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động, doanh thu đạt 288 tỷ đồng tăng 45% so với năm 2009 và là mức doanh thu cao nhất từ khi thành lập đến nay.



Tiếp tục duy trì vị trí số 1 về thị phần môi giới giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, và lấy lại vị trí dẫn đầu về thị phần môi giới 6 tháng cuối năm 2010 tại HOSE

Khi các công ty chứng khoán khác luôn trồi sụt về thị phần thì SSI vẫn duy trì giá trị giao dịch ổn định nhờ lượng khách hàng tổ chức nước ngoài và khách hàng cá nhân có giá trị giao dịch lớn, thực hiện giao dịch thường xuyên. Thị phần công ty xoay quanh mức trên 10% tại HOSE và trên 4% tại HNX, đặc biệt kể từ tháng 10 đến nay thị phần môi giới tại HOSE đang ở mức gần 12%. Nếu xét riêng thị phần môi giới giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, SSI chiếm hơn 30% giá trị toàn thị trường.



Quy mô khách hàng tăng trưởng ổn định cả về số lượng tài khoản và giá trị giao dịch

Tính đến cuối năm 2010, tổng số tài khoản lũy kế mở tại SSI đạt 54.000 tài khoản, trong đó có gần 300 tài khoản tổ chức trong nước và hơn 250 tài khoản tổ chức nước ngoài.

CON SỐ VÀ SỰ KIỆN NỔI BẬT

- LUÔN DẪN ĐẦU VỀ THỊ PHẦN MÔI GIỚI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI, CHIẾM HƠN 30% GIÁ TRỊ TOÀN THỊ TRƯỜNG
- TRỞ LẠI VỊ TRÍ SỐ 1 VỀ THỊ PHẦN MÔI GIỚI TẠI HOSE KỂ TỪ THÁNG 6 NĂM 2010
- DOANH THU HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG
- NĂM THỨ BA LIÊN TIẾP, DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN SSI VINH DỰ NHẬN GIẢI THƯỞNG "NHÀ MÔI GIỚI TỐT NHẤT VIỆT NAM" DO TẠP CHÍ DANH TIẾNG FINANCE ASIA BÌNH CHỌN

Với lợi thế về thương hiệu và tiềm lực tài chính mạnh, SSI tiếp tục thu hút sự quan tâm của các khách hàng tổ chức nước ngoài và các khách hàng cá nhân có giá trị giao dịch lớn. Tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư trong nước đạt hơn 53.032 tỷ đồng, chủ yếu từ các khách hàng cá nhân có giá trị giao dịch lớn và 1 số khách hàng tổ chức trong nước là các công ty niêm yết, công ty bảo hiểm và quỹ đầu tư. Tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 27.445 tỷ đồng, đến từ khách hàng của SSI là những định chế tài chính hàng đầu thế giới như Deutsch Bank London, Vaneck, KITMC, Daiwa, Templeton, Horizon, Credit Suisse, Lion Capital, Prudential VN, Société Générale, Morgan Stanley, HSBC, Manulife VN... Điểm nổi bật về giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2010 là sự xuất hiện những giao dịch theo sản phẩm ETF từ các định chế tài chính quốc tế và cũng nhờ những giao dịch này mà thanh khoản của thị trường chứng khoán chung đã cải thiện đáng kể từ tháng 10 cho đến cuối năm.

Sản phẩm, dịch vụ đa dạng đáp ứng một cách hiệu quả nhu cầu ngày càng phức tạp của phân khúc khách hàng cá nhân

Luôn đặt mục tiêu trọng tâm ở mảng khách hàng cá nhân, SSI tiếp tục nghiên cứu và phát triển đa dạng các dịch vụ, thể hiện 3 mảng chính: dịch vụ cơ bản, dịch vụ tài chính và dịch vụ trực tuyến.

Ở mảng dịch vụ cơ bản, SSI không ngừng đưa ra các tiện ích mới trong việc mở tài khoản, lưu ký chứng khoán niêm yết, quản lý cổ đông, thanh toán tiền. Giá trị mang lại cho khách hàng thể hiện bằng việc giảm thời gian chờ đợi và đơn giản hóa tối đa thủ tục giao dịch, chất lượng dịch vụ đồng đều trên toàn hệ thống.

Các sản phẩm tài chính hợp tác đầu tư cổ phiếu được thiết kế dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa nhu cầu của khách hàng và chính sách an toàn rủi ro cho cả khách hàng và Công ty đã mang lại những kết quả khả quan xét trên phương diện doanh thu và số lượng khách hàng sử dụng.



Dịch vụ trực tuyến của SSI với các tiêu chí đặt ra như tốc độ nhanh, giao diện thân thiện, dễ dàng sử dụng đã thu hút được sự quan tâm các nhà đầu tư thuộc phân khúc khách hàng năng động. Bên cạnh sản phẩm giao dịch trực tuyến đặt lệnh vào hệ thống giao dịch thông qua việc sử dụng Token (Smart Trading) với số lượng khách hàng giới hạn, SSI tiếp tục cung cấp đến khách hàng sản phẩm giao dịch trực tuyến đặt lệnh thông qua trang Web của SSI (Web Trading) với nhiều tiện ích nổi bật và không giới hạn số lượng khách hàng. Ngoài việc đặt lệnh, khách hàng có thể thực hiện chuyển tiền, ứng tiền trực tuyến và trong tương lai có thể sử dụng các dịch vụ đặt lệnh có điều kiện. Dịch vụ Contact Center (Trung tâm chăm sóc khách hàng) là trọng tâm của Dịch vụ trực tuyến SSI. Với các tính năng hiện đại, Contact Center đã thực sự làm hài lòng khách hàng sử dụng bởi sự đa dạng về hình thức sử dụng như đặt lệnh, chuyển tiền, đăng ký nhận bản tin, sao kê tài khoản giao dịch chứng khoán…

Bên cạnh những mảng dịch vụ chính, SSI không ngừng cung cấp đến khách hàng những *dịch vụ giá trị gia tăng* như tư vấn trực tiếp khách hàng thông qua việc trao đổi, cung cấp thông tin trước và trong suốt quá trình giao dịch; tổ chức hội thảo giới thiệu các cơ hội đầu tư; tổ chức tham quan (company visit) và tìm hiểu hoạt động của các công ty niêm yết.

Mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch
Trong năm 2010, SSI tiếp tục khai trương thêm một Chi nhánh mới tại Mỹ Đình - Hà Nội, tổng số lượng Chi nhánh và Phòng giao dịch hiện tại là 11 Chi nhánh và Phòng giao dịch. Song song với việc phát triển về số lượng, Công ty tập trung vào gia tăng hiệu quả hoạt động tối đa của mỗi Chi nhánh bằng việc xây dựng và phát triển mô hình vận hành bán lẻ, đảm bảo tiêu chuẩn hoạt động đồng bộ trên toàn hệ thống.

LỢI THẾ CẠNH TRANH

Hơn 10 năm xây dựng và phát triển, trải qua các bước thăng trầm của thị trường chứng khoán, SSI luôn giữ vững vị trí là Công ty Chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, là địa chỉ tin cậy của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế muốn tìm kiếm cơ hội đầu tư vốn tại Việt Nam. SSI đã khẳng định những lợi thế cạnh tranh nổi trội so với các công ty khác trong lĩnh vực hoạt động, cụ thể:

Môi giới khách hàng tổ chức
Các khách hàng lâu năm hoặc những khách hàng mới đến với SSI đều khẳng định SSI có lợi thế về *khả năng tiếp cận doanh nghiệp cũng như tìm kiếm các cơ hội đầu tư tiềm năng.* Đối với các nhà đầu tư nước ngoài, việc tự tìm kiếm thông tin về một doanh nghiệp Việt Nam là một điều không dễ dàng và SSI đã thực sự mang lại cho nhà đầu tư những thông tin hữu ích về doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư tiếp cận thực tế hoạt động của các doanh nghiệp và hỗ trợ giao dịch thành công những thương vụ lớn.

Báo cáo phân tích của SSI được các tổ chức nước ngoài đánh giá rất cao và cũng trở thành một lợi thế cạnh tranh tiếp tục giữ chân và thu hút các nhà đầu tư tổ chức. Các báo cáo đưa ra những phân tích, nhận định khách quan về tình hình kinh tế vĩ mô, hoạt động doanh nghiệp và trở thành công cụ đắc lực hỗ trợ ra quyết định đầu tư.

Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, trẻ, năng động, có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn tốt được đào tạo bài bản từ nước ngoài luôn hỗ trợ và tư vấn khách hàng.

Môi giới khách hàng cá nhân
Song song với những lợi thế cạnh tranh trong mảng môi giới khách hàng tổ chức, SSI vẫn từng bước duy trì và củng cố vị thế hàng đầu trên thị trường ở mảng môi giới khách hàng cá nhân bằng những thế mạnh riêng.

Thương hiệu mạnh trong lĩnh vực hoạt động với nền tảng tài chính vững chắc được khẳng định là một lợi thế vượt trội của SSI so với các công ty chứng khoán khác. Đa số các nhà đầu tư đều nhìn nhận họ cảm thấy thực sự yên tâm khi thực hiện giao dịch tại SSI bởi SSI luôn duy trì năng lực tài chính mạnh và minh bạch. SSI là Công ty có mức vốn hóa thị trường lớn nhất và luôn đạt mức lợi nhuận cao nhất trong lĩnh vực hoạt động.

Thêm vào đó, *các báo cáo vĩ mô, phân tích cơ bản* là công cụ hỗ trợ nhà đầu tư cá nhân hiệu quả trong việc ra các quyết định đầu tư. Những phân tích khách quan, những dự đoán khá chính xác tiếp tục thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư cá nhân và tạo nên những đặc thù riêng trong các báo cáo của SSI.

Khi thị trường xảy ra những biến cố và nhiều nhà đầu tư cá nhân trên thị trường trải nghiệm những thiệt hại tài chính lớn trong hoạt động đầu tư, thì *chính sách an toàn bảo vệ nhà đầu tư, hạn chế rủi ro tối đa trong các sản phẩm tài chính* của SSI trở thành một điểm mạnh và thu hút sự quay lại của rất nhiều nhà đầu tư cá nhân. SSI hiểu rõ nhu cầu của các nhà đầu tư cá nhân khá phức tạp và thay đổi nhanh, do vậy, mỗi sản phẩm và dịch vụ SSI đưa ra đều hướng tới mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng, đồng thời bảo vệ khách hàng trong những thời điểm thị trường biến động bên cạnh những yếu tố đáp ứng nhanh, đúng thời điểm và đúng nhu cầu.

CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG

Duy trì và củng cố vững chắc vị trí số 1 về thị phần môi giới khách hàng tổ chức nước ngoài tại Việt Nam
SSI tiếp tục duy trì và củng cố vị thế dẫn đầu trong mảng môi giới khách hàng tổ chức dựa trên yếu tố cốt lõi "năng lực nghiên cứu phân tích nổi trội dựa trên ý tưởng và chiều sâu" đi kèm với "chính sách phát triển và chăm sóc khách hàng ưu việt" và "hệ thống giao dịch lệnh tối ưu". 03 chiến lược này tạo nên sức mạnh tổng thể giúp SSI khẳng định vị thế.

Phát triển *mô hình quản lý khách hàng ưu việt* hướng tới mục tiêu gia tăng tối đa mức độ hài lòng của khách hàng cũ và tạo sự thu hút mạnh với khách hàng mới. SSI nghiên cứu nhu cầu và đặc thù của từng đối tượng khách hàng, thực hiện nhóm các đối tượng khách hàng trên các tiêu chí cụ thể để hình thành nên những chính sách phát triển và chăm sóc khách hàng hoàn hảo với các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu cơ bản nhất kèm theo là những gói dịch vụ giá trị gia tăng khác biệt.

Sản phẩm nghiên cứu khác biệt, nổi trội thể hiện ở mức độ bao trùm các ngành nghề đa dạng, các công ty với giá trị vốn hóa khác nhau và đặc biệt những sản phẩm phân tích thiết kế riêng theo từng yêu cầu của khách hàng. Với lợi thế am hiểu thị trường Việt Nam sâu sắc, mạng lưới quan hệ rộng với các doanh nghiệp trên thị trường, kết hợp với kiến thức, kinh nghiệm quốc tế của các chuyên gia phân tích, SSI hướng tới mục tiêu thiết kế ra các sản phẩm nghiên cứu đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Hệ thống giao dịch lệnh tối ưu với tốc độ xử lý lệnh nhanh, chính xác cũng là một trong những chiến lược trọng tâm của mảng môi giới khách hàng tổ chức. SSI tiếp tục nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ mới để xây dựng một hệ thống với đầy đủ các tính năng cần thiết, hỗ trợ tối đa các nhà đầu tư tổ chức thực hiện giao dịch lệnh, khai thác thông tin thị trường một cách thuận tiện nhất.



Phát triển hệ thống bán lẻ và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ khách hàng cá nhân
Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt không chỉ từ các công ty chứng khoán trong nước mà còn sự gia nhập của các công ty chứng khoán nước ngoài, mảng môi giới khách hàng cá nhân của SSI xác định rõ chiến lược phát triển với từng bước đi cụ thể.

Mở rộng quy mô khách hàng dựa trên sự đa dạng hóa các gói sản phẩm, dịch vụ được thiết kế riêng cho từng phân khúc khách hàng cá nhân là chiến lược trọng yếu đầu tiên SSI tập trung thực hiện. Khẳng định rõ phân khúc khách hàng cá nhân khá phức tạp, yêu cầu đa dạng, SSI thận trọng trong từng bước đi từ phân đoạn khách hàng, phân tích hành vi hiện tại và dự đoán nhu cầu tương lai của từng nhóm đối tượng, đến việc thiết kế những gói sản phẩm chuyên biệt dựa trên nhu cầu của khách hàng, chính sách an toàn, hạn chế rủi ro cho khách hàng và Công ty.

SSI hướng tới xây dựng chính sách khách hàng hoàn hảo thể hiện ở sự kết hợp của gói dịch vụ cơ bản, sản phẩm tài chính ưu việt, tính thuận tiện và ưu đãi trong phương thức giao dịch và các dịch vụ giá trị gia tăng kèm theo và đây chính là giá trị cốt lõi giúp SSI thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng hiện có và thu hút thêm số lượng lớn khách hàng mới.

Hoàn thiện mô hình vận hành bán lẻ chuẩn mực cho Dịch vụ chứng khoán để đáp ứng nhu cầu đa dạng trên quy mô khách hàng ngày càng gia tăng, sản phẩm dịch vụ ngày càng đa dạng là một chiến lược quan trọng trong bước đi khẳng định vị thế của SSI. Nghiên cứu những mô hình vận hành tiên tiến trên thế giới, phân tích thực trạng và điều kiện sẵn có để chọn lọc và từng bước ứng dụng mô hình thành công là những mục tiêu SSI đã và sẽ hoàn thiện trong thời gian sắp tới. Mô hình này hướng tới cung cấp cho khách hàng sản phẩm đúng nhu cầu, nhanh và kịp thời, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, giảm thiểu rủi ro, tạo nên một năng lực cạnh tranh nổi trội, lâu bền.

Nâng cấp và phát triển hệ thống giao dịch trực tuyến hiện đại nhằm thu hút thêm phân khúc khách hàng mới, năng động bên cạnh đối tượng khách hàng truyền thống. Dự đoán trước xu thế vận động của thị trường cũng như nhu cầu của đối tượng khách hàng năng động, SSI sẽ tiếp tục đưa ra các phiên bản mới của Web Trading với các tính năng ưu việt như đặt lệnh điều kiện, quản lý danh mục đầu tư theo các chiến lược tùy chọn, cảnh báo… nhằm đến sự thuận tiện, dễ dàng khi sử dụng, giao diện thân thiện, tốc độ tối ưu cho nhà đầu tư. Bên cạnh đó, SSI sẽ phát triển ứng dụng cho các thiết bị cầm tay như điện thoại di động, máy tính bảng giúp nhà đầu tư có thể thực hiện giao dịch nhanh chóng, mọi lúc, mọi nơi.

Không ngừng nâng cao năng lực của đội ngũ chuyên viên Dịch vụ chứng khoán thông qua các khóa đào tạo tại chỗ, các chuyến đi học tập kinh nghiệm thực tiễn tại các đối tác quốc tế chiến lược của SSI, tạo mọi điều kiện tối ưu để phát huy khả năng cống hiến, sáng tạo là tiền đề tạo thành công cho việc thực hiện các chiến lược trên.



DỊCH VỤ
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Không chỉ vững vàng giữ vị trí số một trong suốt thời gian hoạt động từ khi thành lập, các sản phẩm Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư của SSI cung cấp cho khách hàng đã vượt ra khỏi các sản phẩm truyền thống như phát hành chứng khoán, niêm yết chứng khoán, IPO, mua bán sát nhập, tái cấu trúc… SSI luôn là nhà tiên phong trong các sản phẩm mới vừa đáp ứng nhu cầu huy động vốn của khách hàng vừa phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư cũng như xu hướng phát triển của các doanh nghiệp trên thị trường, ví dụ như Trái phiếu chuyển đổi đầu tiên được bắt đầu từ cuối năm 2009 cho Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Tập đoàn Hòa Phát, chào mua công khai của Công ty Cổ phần Hùng Vương mua công khai Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang…

Các loại hình dịch vụ SSI tư vấn ngày càng được đa dạng về chủng loại và chuẩn hóa về chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm mang lại giá trị gia tăng cao cho doanh nghiệp bao gồm tư vấn huy động vốn dưới hình thức đầu tư trực tiếp và gián tiếp trên thị trường vốn trong nước và huy động vốn trên thị trường vốn nước ngoài.

Khẳng định vị thế dẫn đầu trong sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường

Luôn phải cạnh tranh với gần 100 công ty chứng khoán cùng hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng đầu tư, SSI còn phải chia sẻ thị phần với những tổ chức Ngân hàng Đầu tư hàng đầu thế giới như JP Morgan, Goldman Sachs, Credit Suisse… trên một quy mô thị trường vốn khá nhỏ ở Việt Nam. Bên cạnh đó, các sản phẩm tư vấn trong khuôn khổ pháp lý còn hạn chế, văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng cộng với các chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô (lạm phát, lãi suất) đã ảnh hưởng phần nào đến nhu cầu đầu tư vào thị trường của các nhà đầu tư.

Tuy nhiên, năm 2010 được đánh giá là năm đặc biệt thành công của SSI trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng đầu tư với tổng doanh thu tăng 200% đạt mức 119 tỷ đồng so với 59,3 tỷ đồng năm 2009.

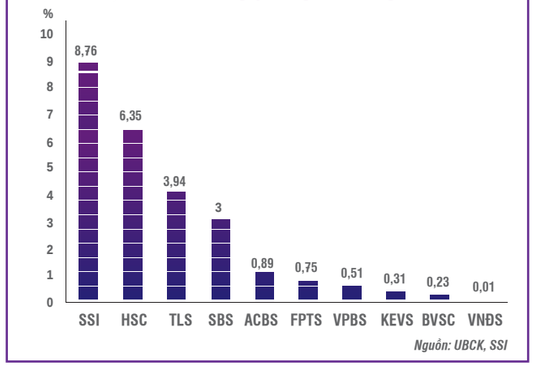
Mảng dịch vụ tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành, tư vấn mua bán & sáp nhập (M&A) là những mảng dịch vụ nòng cốt đem lại doanh thu chính cho năm 2010. Tổng số lượng hợp đồng dịch vụ tư vấn trong năm 2010 lên tới 206 hợp đồng, cụ thể:

- *Dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng cho các doanh nghiệp (corporate)* với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 2.873 tỷ đồng, chiếm 8,8% tổng giá trị thị trường với nhiều đợt phát hành cho các doanh nghiệp lớn như Công ty CP Dabaco Việt Nam (DBC-HNX), Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam PV Gas D (PGD-HOSE), Quốc Cường Gia Lai (QCG-HOSE), Intresco (ITC-HOSE)… Kết quả đạt được trong năm 2010 tiếp tục khẳng định vị trí số 1 của SSI ở mảng tư vấn này.

CON SỐ VÀ SỰ KIỆN NỔI BẬT

- KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ DẪN ĐẦU TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VIỆT NAM
- NĂM THỨ HAI LIÊN TIẾP NHẬN GIẢI THƯỞNG "NHÀ TƯ VẤN TỐT NHẤT VIỆT NAM" VÀ GIẢI THƯỞNG "NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ TỐT NHẤT VIỆT NAM", GIẢI THƯỞNG LẦN ĐẦU TIÊN TẠP CHÍ DANH TIẾNG FINANCE ASIA BÌNH CHỌN CHO MỘT CÔNG TY VIỆT NAM

Thị phần giá trị phát hành cho doanh nghiệp (Non-bank) 2010 của 10 công ty chứng khoán hàng đầu



Nguồn: UBCK, SSI

- *Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu chuyển đổi cho các doanh nghiệp* trên thị trường với tổng giá trị huy động 4.603 tỷ đồng cho các doanh nghiệp uy tín như Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG - HOSE), Công ty CP Tasco (HUT - HNX), Công ty CP Kho vận giao nhận ngoại thương (TMS - HOSE), Công ty CP Đại Thiên Lộc (DTL - HOSE)… Ở mảng dịch vụ này, SSI tự hào đã duy trì hoạt động hiệu quả nhất so với các công ty cùng ngành

- *Dịch vụ tư vấn phát hành riêng lẻ* đặc biệt thành công với việc huy động hơn 7.000 tỷ đồng và một trong những giao dịch thành công kể đến là huy động 1.175 tỷ đồng cho Công ty CP Xây dựng và phát triển Nhà Hoàng Anh (Hoàng Anh Land) với mức giá đáp ứng kỳ vọng của chủ sở hữu

- SSI luôn nằm trong danh sách các nhà *tư vấn M&A* hàng đầu Việt Nam với hàng chục giao dịch M&A thực hiện trong năm 2010. SSI cũng là tổ chức tư vấn và thực hiện đợt chào mua công khai đầu tiên trên thị trường giữa Công ty CP Hùng Vương (HVG – HOSE) và Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGF - HOSE), mở ra hướng mới về M&A tại Việt Nam

- *Dịch vụ tư vấn tái cấu trúc vốn doanh nghiệp:* Với mục tiêu đi lâu dài với các doanh nghiệp tiềm năng, SSI đã thành công trong việc hỗ trợ xây dựng thương hiệu, quy mô các doanh nghiệp tiềm năng trở thành các tập đoàn quy mô lớn như Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG - HOSE), Công ty CP Quốc Cường Gia Lai (QCG – HOSE), Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (Elcom) (ELC – HOSE), Công ty CP Dabaco Việt Nam (DBC – HNX)...

- *Với Dịch vụ tư vấn niêm yết cổ phiếu trên thị trường,* SSI đã tư vấn thành công 20 doanh nghiệp với tổng giá trị thị trường gần 5.000 tỷ đồng.

Đẩy mạnh triển khai các mảng dịch vụ tư vấn tái cấu trúc vốn, tư vấn M&A trong bối cảnh thị trường khá trầm lắng

- Trong năm 2010, mảng dịch vụ tư vấn tái cấu trúc vốn đặc biệt được chú trọng. Với thị trường rộng lớn là các doanh nghiệp tư nhân tiềm năng, SSI là sự lựa chọn hàng đầu trong việc tái cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, xây dựng lộ trình vốn và kế hoạch kinh doanh cũng như lộ trình thương hiệu đáp ứng nhu cầu nhà đầu tư, tối đa hóa giá trị chủ sở hữu. Mảng dịch vụ này mang tính dài hạn với chiến lược luôn song hành cùng doanh nghiệp từ quy mô nhỏ tới khi trở thành tập đoàn và là mảng hỗ trợ hiệu quả cho các dịch vụ khác như phát hành, niêm yết và hoạt động đầu tư của Công ty Quản Lý Quỹ SSI

- Mảng tư vấn M&A trong năm vừa qua cũng phát triển mạnh với hàng chục thương vụ được triển khai. Trầm lặng nhưng hiệu quả, các thương vụ M&A do SSI tư vấn đã đem lại sự cộng hưởng lớn trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sau M&A. Thị trường trầm lắng với khối lượng giao dịch thấp đã và đang mở ra cơ hội cho hoạt động M&A tại Việt Nam cả trên thị trường OTC lẫn niêm yết, giữa các doanh nghiệp trong nước và cả sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài. Cùng với việc lập bộ phận M&A và tuyển dụng các chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm và mạng lưới nhà đầu tư nước ngoài, SSI xác định Mảng tư vấn M&A là mảng nòng cốt trong năm 2010 và 2011.

LỢI THẾ CẠNH TRANH

- SSI đã tạo được vị thế vững chắc trên thị trường với vai trò là đơn vị dẫn đầu thị trường trong hoạt động cung cấp các Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư. Uy tín và chất lượng sản phẩm của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI được khẳng định qua sự lựa chọn của các khách hàng lớn như HAG, PVF, CTG… và sự đánh giá của tạp chí danh tiếng trong lĩnh vực tài chính Finance Asia

- Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI quy tụ đội ngũ nhân sự xuất sắc được đào tạo bài bản từ các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, có bề dày kinh nghiệm từ các tập đoàn lớn quốc tế và nội địa, cộng thêm định hướng chiến lược đúng đắn từ Ban lãnh đạo Công ty đã tạo nên năng lực cạnh tranh nổi trội cho SSI trong lĩnh vực hoạt động

- Với mạng lưới đối tác trong và ngoài nước rộng khắp, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI tự hào là kênh kết nối vốn hiệu quả tới các doanh nghiệp Việt Nam trong năm qua.

CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG

Tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu về mảng tư vấn

- Tập trung vào các mảng dịch vụ chuyên nghiệp, có giá trị gia tăng cao với khách hàng tiềm năng là các doanh nghiệp quy mô lớn hoặc có hiệu quả, tiềm năng lớn như dịch vụ tái cấu trúc vốn, M&A và tư vấn phát hành, bảo lãnh phát hành. Xác định giá trị hợp đồng và thương hiệu khách hàng đóng vai trò quan trọng thay vì số lượng hợp đồng

- Tiếp tục thiết kế sản phẩm huy động mới phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước và năng lực tài chính của khách hàng, tận dụng dòng vốn thị trường quốc tế.

Tăng cường và mở rộng hoạt động M&A, đặc biệt tư vấn M&A từ tổ chức chào mua là nhà đầu tư nước ngoài phối hợp với các tổ chức nước ngoài cùng lĩnh vực hoạt động

- Mảng doanh nghiệp tư nhân sẽ vẫn tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt hoạt động M&A tại Việt Nam. Dựa trên nền tảng đã thiết lập, chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ và khả năng tiếp cận những doanh nghiệp tư nhân trong nước

- Với lợi thế về kiến thức, kinh nghiệm sâu rộng về thị trường Việt Nam và mối quan hệ gắn kết với các doanh nghiệp tư nhân trong nước, chúng tôi sẽ đẩy mạnh phát triển quan hệ với các đối tác nước ngoài, đặc biệt là các Ngân hàng Đầu tư nhằm nắm bắt tối đa các thương vụ M&A xuyên quốc gia.

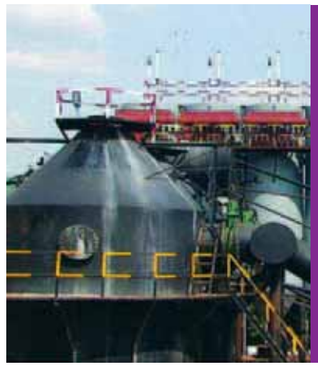
Không ngừng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tiếp tục vận hành theo mô hình chuẩn mực Ngân hàng Đầu tư quốc tế

Yếu tố con người là yếu tố quan trọng nhất tạo nên giá trị và lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính nói chung và dịch vụ ngân hàng đầu tư nói riêng. Nắm bắt xu thế phát triển của dịch vụ ngân hàng đầu tư, SSI hướng trọng tâm vào việc đào tạo con người với đầy đủ năng lực chuyên môn sâu, kỹ năng mềm của một chuyên gia Ngân hàng Đầu tư (banker) tiêu chuẩn quốc tế kết hợp với sự am hiểu chuyên sâu thị trường trong nước.



2010
Cty CP Hùng Vương
(HVG - HOSE)
Cty CP Xuất nhập khẩu
Thủy sản An giang (AGF - HOSE)
Tư vấn Chiến lược M&A
(Chào mua công khai)

Tổ chức chào mua: HVG
Công ty mục tiêu: AGF
Giá trị chào mua: 135.000.000.000 đồng
Sau khi mua, HVG chiếm 51% giá trị vốn AGF, giúp HVG mở rộng thị trường sang Mỹ và tăng doanh thu xuất khẩu. Đối với AGF, doanh thu tăng lên khi tiếp nhận kỹ năng quản lý từ HVG



2010
Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai
(HAG – HOSE)
Tư vấn Phát hành trái phiếu chuyển đổi

Tổ chức phát hành: HAG
Giá trị phát hành: 1.100.000.000.000 đồng
Thời điểm phát hành: Q3/2010
Kỳ hạn: 1 năm
Giá chuyển đổi (đã điều chỉnh): 44.916,67 đồng/cổ phần
Nguồn vốn thu được sẽ đầu tư vào các ngành nghề kinh doanh mới mang lại sự tăng trưởng lâu dài và ổn định cho HAGL



2010
Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIC)
Tư vấn IPO

Vốn điều lệ: 660.000.000.000 đồng
Khối lượng bán đấu giá: 11.512.091 cổ phần tương đương 115.120.910.000 đồng (theo mệnh giá)
Giá đấu thành công bình quân: 11.225 đồng/cổ phần
Khối lượng huy động: 129.222.661.900 đồng
Ngày đấu giá: 05/08/2010
Giao dịch bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng để chuyển đổi BIC thành Công ty cổ phần



2010
CTCP Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh (Nhà Hoàng Anh) – Công ty con của HAGL
Tư vấn phát hành cổ phiếu

Tỉ lệ sở hữu của HAGL trước giao dịch: 99,95%
Khối lượng chào bán ra bên ngoài: 23.500.000 cổ phần
Giá phát hành: 50.000 đồng
Thời điểm thực hiện giao dịch: 07/2010
Giao dịch chào bán bớt phần vốn trong công ty con là một phần của chiến lược tái cấu trúc mà HAGL đang thực hiện



QUẢN LÝ QUỸ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Khó khăn của thị trường chứng khoán trong năm 2010 đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của SSIAM. Doanh thu SSIAM đạt 32 tỷ, dưới mức kế hoạch đầu năm đặt ra do sự sụt giảm của thị trường niêm yết dẫn tới sự suy giảm giá trị của các danh mục quản lý. Trong bối cảnh khó khăn chung đó, SSIAM vẫn nỗ lực thu hút thêm tài sản mới, quản lý hiệu quả nguồn tài sản hiện có. Thêm vào đó, Công ty tập trung vào củng cố nhân sự, xây dựng và phát triển các chiến lược đầu tư khác nhau, hoàn chỉnh quy trình vận hành, đầu tư cơ sở hạ tầng, chuẩn bị sẵn sàng nội lực để đón đầu các cơ hội mới

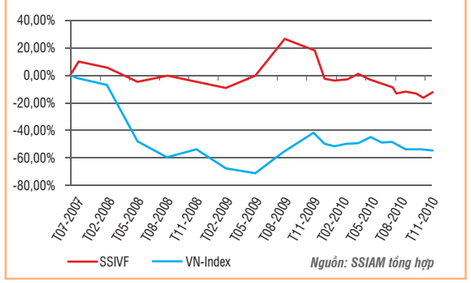
Tiếp tục thu hút thêm tài sản mới và quản lý hiệu quả nguồn tài sản hiện có

SSIAM đã cùng Daiwa SMBC Capital huy động thành công thêm 400 tỷ đồng tăng tổng giá trị của quỹ DSCAP-SSIAM Vietnam Growth Fund lên 600 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2010.

Trong năm 2010, SSIAM cũng đã huy động thành công Quỹ đầu tư thành viên SSI để đầu tư bất động sản ở thị trường Mỹ. Tổng tài sản của Quỹ đầu tư thành viên SSI tính đến cuối năm 2010 đạt xấp xỉ 365 tỷ đồng và đã bắt đầu thực hiện giải ngân.

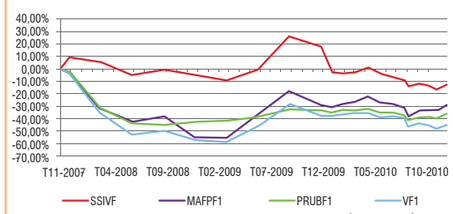
Mặc dù kết quả của Quỹ Tầm nhìn SSI (SSIVF) trong năm 2010 không đạt được như mong muốn do bị ảnh hưởng trực tiếp từ thị trường chứng khoán Việt Nam, nhưng SSIVF vẫn là một trong những quỹ nội địa hoạt động hiệu quả nhất tính trên tăng trưởng giá trị tài sản ròng (NAV).

Tăng trưởng NAV của SSIVF so với VN-Index



Nguồn: SSIAM tổng hợp

Tăng trưởng NAV của SSIVF so với các quỹ đầu tư nội địa tại Việt Nam



Nguồn: SSIAM tổng hợp

CON SỐ VÀ SỰ KIỆN NỔI BẬT

- CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DUY NHẤT ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI
- TĂNG TỔNG TÀI SẢN THÊM 760 TỶ ĐỒNG TRONG NĂM 2010 (400 TỶ CHO DSCAP VIETNAM GROWTH FUND VÀ 360 TỶ ĐỒNG CHO QUỸ ĐẦU TƯ THÀNH VIÊN SSI)
- QUỸ TẦM NHÌN SSI (SSIVF) VẪN LÀ MỘT TRONG NHỮNG QUỸ NỘI ĐỊA HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ
- ĐOẠT GIẢI "THE BEST VIETNAM ONSHORE FUND HOUSE" CỦA TẠP CHÍ DANH TIẾNG ASIAN INVESTOR, DÀNH CHO CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NỘI ĐỊA HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ NHẤT TẠI VIỆT NAM

Kết hợp với các bộ phận khác của SSI như Dịch vụ Chứng khoán, Nguồn vốn, SSIAM tiếp tục nghiên cứu và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính cung cấp đến khách hàng cá nhân

Trong năm 2010, khi nhiều tổ chức gặp khó khăn và dè dặt trong đầu tư, nhà đầu tư cá nhân trở nên linh hoạt, năng động hơn với giá trị giao dịch lớn hơn. Nắm bắt được xu thế đó, SSIAM phối hợp với các bộ phận kinh doanh khác của SSI đã thiết kế và cung cấp đến khách hàng cá nhân sản phẩm quản lý danh mục đầu tư hiệu quả và thu hút được đông đảo nhà đầu tư sử dụng.

Hoàn thiện quy trình vận hành, trong đó nhấn mạnh đến quy trình đầu tư, phát triển phần mềm quản lý quỹ tối ưu, nâng cao năng lực kiểm soát và quản trị rủi ro

Tận dụng tình hình thị trường còn chưa khởi sắc, SSIAM đã tập trung cải tổ toàn bộ quy trình hoạt động, nhân sự, bộ máy và chuẩn bị hạ tầng công nghệ.

SSIAM đặt rõ mục tiêu thiết kế các chiến lược đầu tư đa dạng, hoàn thiện quy chuẩn vận hành của một công ty quản lý quỹ. Những quy chuẩn này được xây dựng phù hợp với các quy định, pháp luật hiện hành của Việt Nam và tuân thủ chuẩn mực quốc tế.

Mỗi quỹ đầu tư, mỗi danh mục đều có những chiến lược đầu tư riêng nhưng vẫn luôn đảm bảo tuân thủ đúng trình tự các bước của Quy trình đầu tư. Cùng với việc hoàn thiện quy trình, SSIAM cũng cơ cấu lại bộ máy nhân sự để đảm nhận vai trò chuyên trách và chịu trách nhiệm chính trong mỗi bước quy trình, xây dựng nền tảng cho quá trình chuyên môn hóa khi tổng tài sản quản lý và số quỹ đầu tư, số danh mục quản lý tăng lên.

Bên cạnh Quy trình đầu tư, SSIAM không ngừng nâng cao năng lực quản trị rủi ro và kiểm soát bởi đó là then chốt tạo nên niềm tin của nhà đầu tư. Tăng cường nhân lực cho mảng kiểm soát nội bộ, tự động hóa quy trình cảnh báo rủi ro, xây dựng và hoàn thiện các bước quản trị rủi ro công ty là những mảng công việc SSIAM hoàn thiện trong năm 2010 và tiếp tục nâng cấp trong các năm tiếp theo.

Công nghệ thông tin đóng vai trò không nhỏ trong hoạt động quản lý quỹ, đặc biệt là khi các sản phẩm quỹ đầu tư ngày càng đa dạng. Hiểu rõ vai trò đó, SSIAM chú trọng vào nâng cấp hạ tầng công nghệ quản lý quỹ. Song song với việc tiếp xúc các công ty cung cấp hệ thống phần mềm quản lý quỹ hàng đầu thế giới để nghiên cứu, trao đổi, thực hiện các bước đầu tiên trong việc phân tích hệ thống, SSIAM tiếp tục đầu tư những phần mềm quy mô nhỏ, đáp ứng nhu cầu hoạt động trước mắt của Công ty và cũng tạo nền tảng để xây dựng hệ thống hoàn thiện, đạt tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng sự phát triển đa dạng của các sản phẩm, dịch vụ quản lý quỹ trong tương lai.

LỢI THẾ CẠNH TRANH

SSIAM luôn khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động kể từ khi thành lập vào cuối năm 2007. Khi các công ty quản lý quỹ nội địa khác gặp khó khăn, SSIAM vẫn duy trì khá ổn định tổng tài sản quản lý, tiếp tục tạo niềm tin cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong nước và quốc tế. Giải thưởng "Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam" do tạp chí Asian Investor bình chọn là minh chứng cho những nỗ lực phấn đấu của Công ty trong nhiều năm qua.

Để có thể xây dựng và giữ vững những thành tựu trên, SSIAM đã duy trì và tiếp tục củng cố cho mình những thế mạnh vượt trội so với những đối thủ cạnh tranh:

- *Kinh nghiệm quản lý hiệu quả quỹ thành viên nội địa có tổng tài sản lớn nhất tại Việt Nam*

- *Lợi thế cạnh tranh từ Công ty mẹ về quy mô khách hàng, mạng lưới quan hệ rộng với các doanh nghiệp tiềm năng, khả năng tìm kiếm cơ hội đầu tư và đặc biệt là kinh nghiệm chuyển giao từ các đối tác chiến lược như Daiwa Group, ANZ*

- *Đội ngũ quản lý Công ty có trình độ, nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản lý quỹ, am hiểu thị trường nội địa cũng như khả năng phát triển và tạo dựng uy tín với các đối tác trong và ngoài nước.*

CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG

Với mục tiêu trở thành công ty quản lý quỹ nội địa hàng đầu tại Việt Nam và là đối tác lựa chọn đầu tiên của các tổ chức tài chính quốc tế khi thực hiện đầu tư vào Việt Nam, cũng như là lựa chọn đầu tiên của các tổ chức đầu tư trong nước, khách hàng cá nhân, và quỹ mở, trong năm 2010 SSIAM đã đề ra các yếu tố tạo thành công cũng như chiến lược phát triển riêng cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể:

4 yếu tố tạo thành công đã bắt đầu được triển khai từ cuối năm 2010 và sẽ tiếp tục được theo đuổi trong 2011 và những năm tiếp sau đó, bao gồm:

1. Tiếp tục tuyển dụng nhân tài vào các vị trí then chốt nhằm xây dựng và phát triển các mô hình kinh doanh phù hợp để đạt được các mục tiêu đề ra



2. Không ngừng nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển đa dạng các sản phẩm đầu tư, đáp ứng tối đa nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng

3. Đẩy mạnh năng lực kinh doanh và phân phối sản phẩm, dịch vụ thông qua mạng lưới khách hàng và hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có của Công ty mẹ, song song phát triển các mối quan hệ với các đối tác tiềm năng để mở rộng kênh phân phối

4. Xây dựng và hoàn thiện quy trình đầu tư, dịch vụ khách hàng, vận hành và hệ thống nhằm tạo nên sự nổi trội và khác biệt để nắm giữ khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới.

Thu hút tài sản quản lý của các nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước bằng việc đa dạng các sản phẩm đầu tư, tăng cường năng lực kinh doanh, tiếp cận khách hàng, và nâng cấp hạ tầng công nghệ đầu tư

Các nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước luôn là mối quan tâm hàng đầu của SSIAM. Đối với các nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty hướng tới những khách hàng chuyên môn hóa vào sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ, với dòng vốn đầu tư tiềm năng nhưng không đủ mạnh về năng lực đầu tư tài chính. Đối với khách hàng mục tiêu đó, SSIAM hướng tới xây dựng riêng những chiến lược đầu tư an toàn, hiệu quả dựa trên đặc thù và yêu cầu của mỗi doanh nghiệp.

Sự am hiểu sâu về thị trường tài chính nội địa và mối quan hệ rộng với các doanh nghiệp tiềm năng sẽ là sức hút chính đối với các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. SSIAM hướng tới xây dựng đội ngũ kinh doanh nổi trội với sự am hiểu thị trường trong nước, giàu kinh nghiệm ở một số thị trường mục tiêu và có mối quan hệ rộng để xây dựng và phát triển mạng lưới khách hàng, nghiên cứu nhu cầu và thực hiện chào bán các sản phẩm quản lý quỹ đến các khách hàng mục tiêu.

Trong thời gian qua SSIAM đã xây dựng 2 sản phẩm đầu tư mới để tiếp quản một phần tài sản từ Công ty mẹ. SSIAM sẽ tiếp tục xây dựng những sản phẩm mới trong 2011 để đáp ứng được nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư.

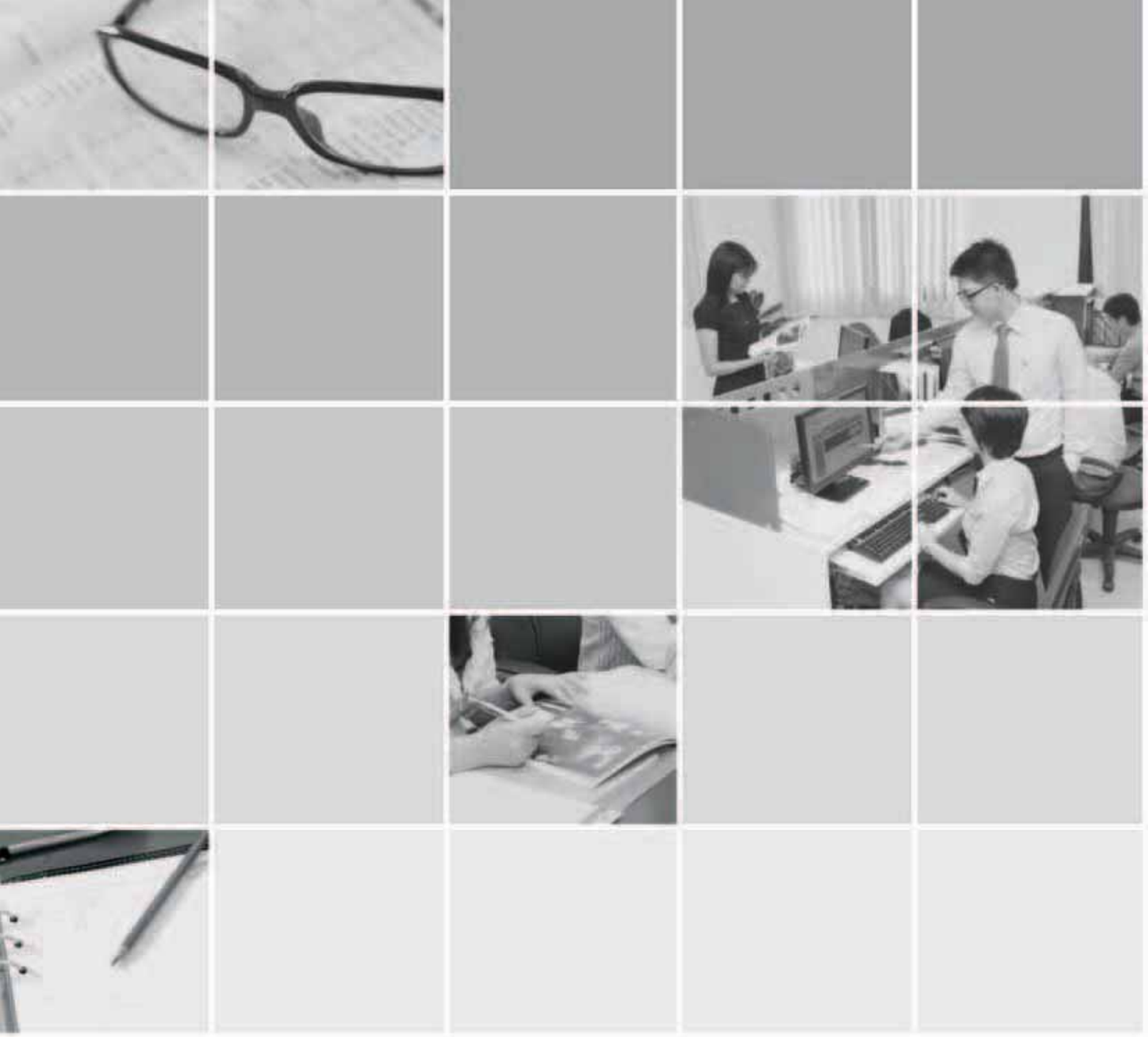


Phát triển mảng khách hàng cá nhân bằng các gói sản phẩm quản lý tài sản hấp dẫn

Trong năm vừa qua, SSIAM phối hợp với Dịch vụ Chứng khoán SSI gặt hái được những thành công nhất định trong việc chào bán dịch vụ mới đến khách hàng cá nhân. Khẳng định vai trò của khách hàng cá nhân trong việc nâng tổng tài sản quản lý cũng như xác định rõ nhu cầu phức tạp, đa dạng của đối tượng này, SSIAM tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm quản lý tài sản phổ biến tại các nước tiên tiến, thực hiện cải tiến, thiết kế lại cho phù hợp với đặc thù và nhu cầu của thị trường nội địa và đặc biệt là thiết kế những gói sản phẩm quản lý tài sản toàn diện để thu hút đối tượng khách hàng cá nhân giàu có tại Việt Nam.

Chuẩn bị sẵn sàng năng lực nội tại để đón đầu cơ hội Quỹ mở

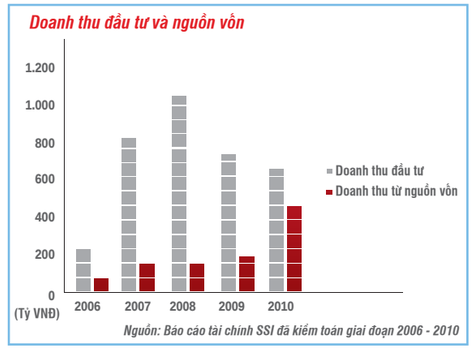
Trở thành một trong số những công ty quản lý quỹ nội địa đầu tiên được thử nghiệm sản xuất và phân phối Quỹ mở là mục tiêu chiến lược đặt ra cho SSIAM khi Quỹ mở chính thức đi vào hoạt động. Để đạt được mục tiêu này, SSIAM đã và đang nghiên cứu xây dựng các quy chuẩn vận hành Quỹ mở, hệ thống hạ tầng công nghệ tiên tiến đáp ứng các đặc thù của Quỹ mở, hệ thống phân phối chứng chỉ quỹ và hoàn thiện dần bộ máy nhân sự với những con người có đủ kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc từ việc sản xuất quỹ có mức độ thu hút lớn nhà đầu tư, đến việc chào bán, phân phối chứng chỉ quỹ và vận hành quỹ hiệu quả. Quỹ mở sẽ là một bước tiến mới không chỉ riêng đối với thị trường chứng khoán mà còn khẳng định năng lực cạnh tranh của SSIAM trong lĩnh vực hoạt động.



ĐẦU TƯ & NGUỒN VỐN



Hoạt động đầu tư và nguồn vốn của SSI năm 2010 đạt doanh thu tương ứng 641,6 tỷ đồng và 437,5 tỷ đồng.



Nguồn: Báo cáo tài chính SSI đã kiểm toán giai đoạn 2006 - 2010

ĐẦU TƯ

Kết quả hoạt động

Tình hình thị trường khó khăn trong 2010 đã làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của SSI. Tuy nhiên với chiến lược đa dạng hóa đầu tư và chiến lược đầu tư dài hạn, SSI đã tránh được nhiều rủi ro trong năm 2010. Doanh thu từ hoạt động đầu tư của SSI đạt 437,5 tỉ, vượt 11% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm. Với sự đa dạng về tiêu chí đầu tư của các danh mục, SSI đã vừa tận dụng được khó khăn của thị trường để tìm cơ hội đầu tư với giá rẻ và cũng đã hoạch toán được nhiều khoản đầu tư khi thị trường đi lên.

Đồng đầu tư và đồng hành dài hạn với doanh nghiệp vẫn tiếp tục là chiến lược kinh doanh của SSI. Tuy nhiên từ quý IV năm 2010 khi xây dựng cho mình chiến lược phát triển trong dài hạn đến 2015, SSI đã có quyết định giảm dần hoạt động đầu tư để tăng sự minh bạch giữa hoạt động đầu tư của Công ty với các hoạt động kinh doanh với khách hàng.

Chiến lược tăng trưởng

Năm 2011, SSI vẫn tiếp tục trung thành với chiến lược đồng đầu tư như đã đề ra và đa dạng hóa các sản phẩm cũng như chiến lược đầu tư để tận dụng cơ hội của thị trường. Cũng trong năm 2011, một phần lớn danh mục đầu tư sẽ chuyển sang ủy thác cho SSIAM quản lý để góp vốn vào các quỹ mới mà SSIAM đang xây dựng nhằm đa dạng hóa rủi ro đầu tư đồng thời tăng sự minh bạch giữa hoạt động đầu tư của SSI với các hoạt động kinh doanh với khách hàng.

NGUỒN VỐN

Kết quả hoạt động

Với tổng tài sản 8.793 tỷ đồng, tổng vốn chủ sở hữu 5.458 tỷ đồng, thị phần giao dịch số 1 thị trường với số lượng tài khoản lớn của nhà đầu tư, SSI là Công ty chứng khoán quản lý quy mô vốn tự có và tài sản của nhà đầu tư lớn nhất. Với mạng lưới 11 chi nhánh và phòng giao dịch tại các thành phố lớn Hà Nội, Hồ Chí Minh, Nha Trang, Vũng Tàu, Quảng Ninh, Hải Phòng, khách hàng của SSI nằm rải rác trên nhiều tỉnh thành khác nhau, nên SSI luôn coi việc đảm bảo duy trì thanh khoản và hoạt động thanh toán cho khách hàng nhanh nhất, tiết kiệm nhất là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Trong suốt 10 năm hoạt động, hàng chục nghìn tài khoản của nhà đầu tư luôn luôn được đảm bảo hoạt động thông suốt, thanh toán an toàn và nhanh chóng. SSI duy trì hàng chục tài khoản khác nhau tại các ngân hàng nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh toán cho nhà đầu tư một cách thuận tiện. Việc điều hòa nguồn vốn giữa các tài khoản và 11 chi nhánh, phòng giao dịch được duy trì tích cực và hiệu quả.

Không chỉ phục vụ nhu cầu thanh toán cho nhà đầu tư, SSI từ nhiều năm nay đã và đang cung cấp dịch vụ hỗ trợ đầu tư nhằm giúp cho khách hàng tận dụng tối đa hiệu quả sinh lời của đồng vốn ngay cả trong những lúc thị trường trầm lắng, giao dịch chứng khoán không thuận lợi. Sản phẩm Investlink (hợp tác đầu tư vốn) luôn cố gắng đem lại cho khách hàng mức lãi suất cố định hấp dẫn và linh hoạt tối đa về thời hạn đầu tư cũng như thủ tục.

Khối Nguồn vốn cũng tích cực phối hợp với Khối Dịch vụ Chứng khoán cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính hỗ trợ vốn đầu tư cho khách hàng, đảm bảo vừa đáp ứng nhu cầu vốn cho khách hàng lại vừa giúp khách hàng kiểm soát được rủi ro trong phạm vi an toàn hợp lý.

Là một CTCK thiếu sự hỗ trợ của 1 ngân hàng mẹ đứng sau như nhiều CTCK lớn khác, SSI vẫn giữ được 1 vị trí tích cực trong thị trường giao dịch trái phiếu; không chỉ linh hoạt trong việc môi giới kết nối nhu cầu mua bán trái phiếu cho nhà đầu tư, mà SSI còn tích cực tham gia các giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu vừa tạo kênh kết nối vốn, vừa góp phần tạo thanh khoản cho thị trường.

Quy mô vốn chủ sở hữu lớn nhất trong các CTCK đã đem lại cho SSI lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh vốn là 473,02 tỷ đồng, chiếm 31% tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Chiến lược tăng trưởng

Năm 2011, SSI sẽ tiếp tục phát huy kinh nghiệm quản lý vốn an toàn, hiệu quả, duy trì thanh khoản cao và đảm bảo thanh toán nhanh chóng, tiết kiệm cho nhà đầu tư. Bộ phận Nguồn vốn sẽ tích cực phối hợp với Khối DVCK hỗ trợ vốn cho nhà đầu tư với sản phẩm dịch vụ tài chính an toàn, ít rủi ro, linh hoạt và thủ tục nhanh chóng gọn nhẹ. Đồng thời sẽ tiếp tục cải thiện sản phẩm hỗ trợ nhà đầu tư đầu tư vốn nhàn rỗi có hiệu suất lợi nhuận cao, bảo toàn vốn với thời hạn linh hoạt, tận dụng tối đa vốn tự có để tối ưu hóa lợi nhuận và tiếp tục tăng cường vai trò nhà môi giới trái phiếu nhanh nhạy và linh hoạt.







PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ





Năm 2010 là một năm có nhiều biến động khó lường đối với thị trường chứng khoán Việt Nam do những ảnh hưởng của các chính sách kinh tế vĩ mô, kéo theo kết quả hoạt động kinh doanh không mấy khả quan của các công ty niêm yết và ảnh hưởng tới tâm lý nhà đầu tư. Trong khi đó, số lượng các công ty niêm yết trên hai sở giao dịch ngày càng lớn lên tới hơn 600 công ty và rất nhiều công ty chứng khoán cũng tập trung khai thác mảng phân tích khiến sự cạnh tranh trong lĩnh vực này trở nên gay gắt.

Trong sự cạnh tranh này, các sản phẩm phân tích và tư vấn đầu tư của SSI tiếp tục nhận được sự đánh giá cao, tạo được niềm tin trong cộng đồng đầu tư và là công cụ đắc lực trong việc hỗ trợ ra quyết định của các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Xây dựng quy trình phân tích và tư vấn chuẩn hóa với nhiều sản phẩm, tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm phân tích

- Trong năm 2010, với một đội ngũ gồm 15 nhân viên, SSI đã xây dựng được quy trình phân tích và tư vấn chuẩn hóa với nhiều sản phẩm phân tích cần thiết trong việc phục vụ các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân
- Về báo cáo phân tích, SSI tiếp tục duy trì và phát triển các sản phẩm về phân tích vĩ mô, phân tích ngành, phân tích công ty, bản tin sáng và bản tin hàng tuần cung cấp cho khách hàng nội bộ cũng như các khách hàng mục tiêu của SSI. Các sản phẩm này đều được các khách hàng đánh giá rất cao, đặc biệt là các tổ chức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

SSI luôn củng cố các thế mạnh riêng để tạo nên những sản phẩm phân tích thực sự khác biệt, nổi trội



Đem lại hợp đồng tư vấn dài hạn với công ty quản lý quỹ nước ngoài trong điều kiện thị trường rất khó thu hút vốn nước ngoài

Trong điều kiện thị trường rất khó thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài thì việc ký kết thành công hợp đồng giữa SSI và Công ty Quản lý Quỹ Daiwa về việc SSI cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư dài hạn cho Quỹ Daiwa Vietnam Mother Growth Fund tại Việt Nam với tổng tài sản quản lý khoảng 100 triệu USD thực sự là một điểm sáng nổi bật trong hoạt động thu hút và tư vấn cho dòng vốn nước ngoài vào Việt Nam.

Tổ chức thành công các hội thảo tài chính lớn cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân

Nối tiếp thành công của sự kiện Gateway to Vietnam được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2009, tháng 11/2010, Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư kết hợp cùng Khối Truyền thông và Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư tổ chức sự kiện **Gateway to Vietnam 2010** với chủ đề ***"Khu vực kinh tế tư nhân, động lực tăng trưởng kinh tế Việt Nam"***, thu hút sự tham gia của hơn 600 nhà đầu tư tổ chức trong nước và quốc tế. Hội nghị đã mang đến cho các nhà đầu tư cái nhìn tổng thể về tiềm năng của thị trường Việt Nam và Khối Doanh nghiệp tư nhân; đồng thời tạo cơ hội cho các nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước tiếp xúc trực tiếp và tìm kiếm cơ hội đầu tư với gần 20 doanh nghiệp tư nhân hàng đầu Việt Nam. Gateway to Vietnam đã trở thành hội nghị thường niên của SSI với mong muốn kết nối các nguồn vốn trong và ngoài nước với các cơ hội đầu tư và là sự kiện nổi bật thu hút sự quan tâm của các cá nhân và tổ chức đầu tư, đặc biệt là các tổ chức quốc tế.

Hội thảo Triển vọng ngành - Sector Watch cho nhà đầu tư là các hội thảo được tổ chức định kỳ 2 lần/năm nhằm thông tin cho nhà đầu tư quan điểm về triển vọng cũng như cơ hội đầu tư vào các ngành. Hội thảo và sản phẩm Báo cáo ngành (Sector Watch) được nhà đầu tư đánh giá cao do đã đưa ra được một bức tranh tổng thể về các ngành kinh tế và thông tin phân tích chuyên sâu.

Đạt các giải thưởng của các tổ chức quốc tế: Phân tích và Tư vấn đầu tư SSI lọt vào Top 3 Research House và Top 3 Equity Analyst trong lần trao giải đầu tiên cho Research House tại Việt Nam của Bloomberg và đạt giải nhì Equity Research House trong năm 2010 theo bình chọn của cả hai hãng thông tấn uy tín là Bloomberg và Thompson Reuteur.

LỢI THẾ CẠNH TRANH

Là một trong hai nghiệp vụ đầu tiên được cấp phép hoạt động, các sản phẩm Phân tích và Tư vấn đầu tư của SSI được xác định là sản phẩm giá trị gia tăng và được chú trọng phát triển. SSI luôn củng cố các thế mạnh riêng để tạo nên những sản phẩm phân tích thực sự khác biệt, nổi trội.

Sự hiểu biết sâu sắc về thị trường Việt Nam: 10 năm hoạt động và phát triển cùng thị trường chứng khoán Việt Nam đã giúp cho bộ phận Phân tích và Tư vấn đầu tư SSI có được sự am hiểu sâu sắc về nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn giúp các báo cáo phân tích của SSI đưa ra luôn phản ánh đúng thực trạng về Việt Nam, đồng thời đưa ra những nhận định phù hợp cho sự phát triển kế tiếp của thị trường.

Hiểu biết sâu về ngành và các công ty trực thuộc ngành: SSI khẳng định sự khác biệt trong lĩnh vực hoạt động bằng việc tập trung nghiên cứu chuyên sâu về ngành và các công ty trực thuộc ngành, đồng thời nỗ lực tăng mức độ bao phủ các công ty đưa vào phân tích.

Thông tin phân tích cập nhật nhanh, chuyên sâu: SSI xây dựng và duy trì mối quan hệ rộng với các doanh nghiệp, do đó tạo nên những lợi thế trong việc cập nhật thông tin nhanh chóng về doanh nghiệp đang nghiên cứu, và tăng độ chuyên sâu trong mỗi báo cáo phân tích.

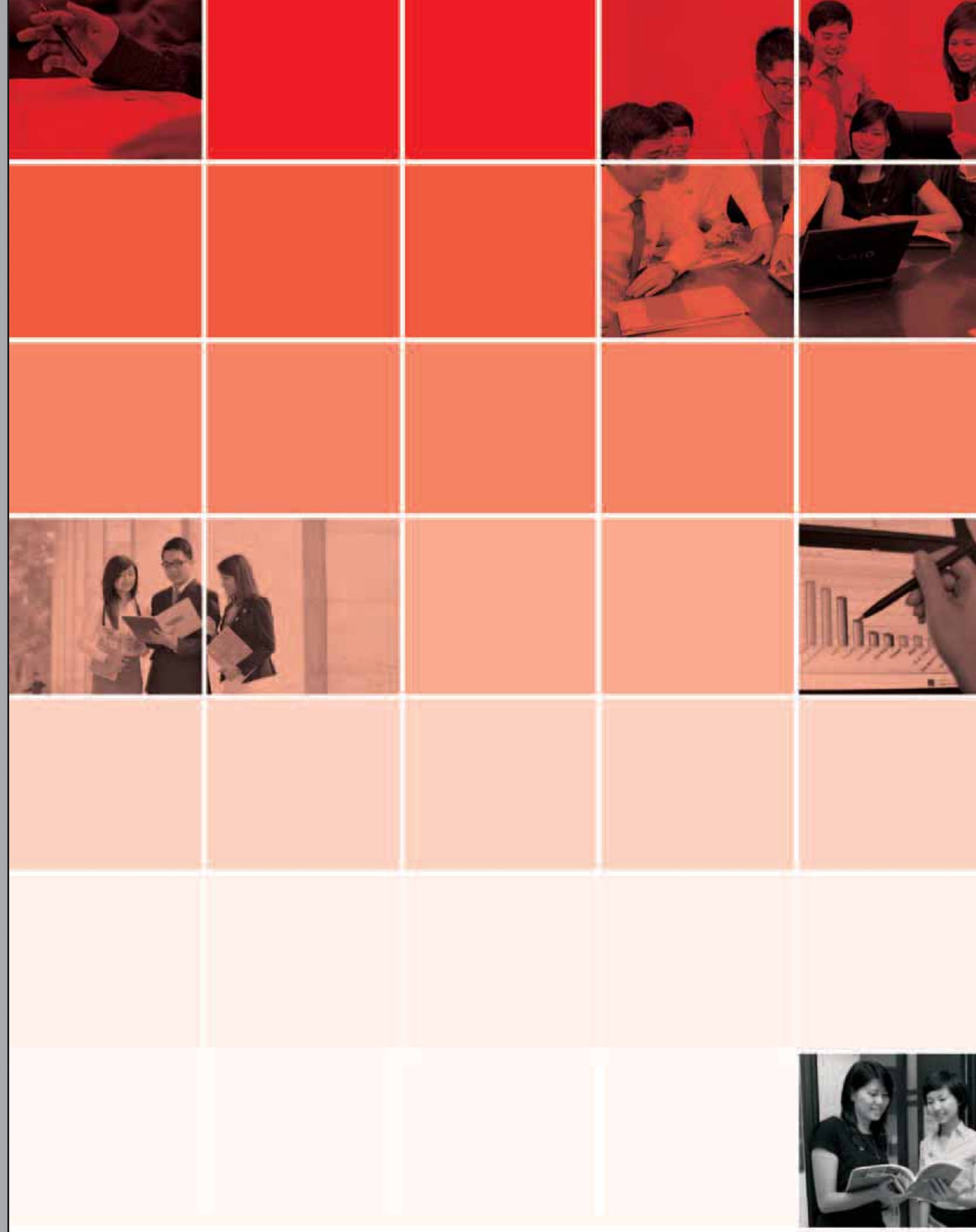
CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG

Bộ phận Phân tích và Tư vấn đầu tư đã thực hiện những bước cải tổ mới phù hợp với chiến lược phát triển chung của SSI từ cuối năm 2010 và sẽ tiếp tục trong năm 2011. Theo đó, bộ phận sẽ được tái cơ cấu và trực thuộc Khối Dịch vụ Chứng khoán thay vì là một dịch vụ hỗ trợ như trước. Đồng thời, Phân tích và Tư vấn đầu tư sẽ được tăng cường cán bộ với số lượng lớn và chia tách thành hai bộ phận chuyên biệt:

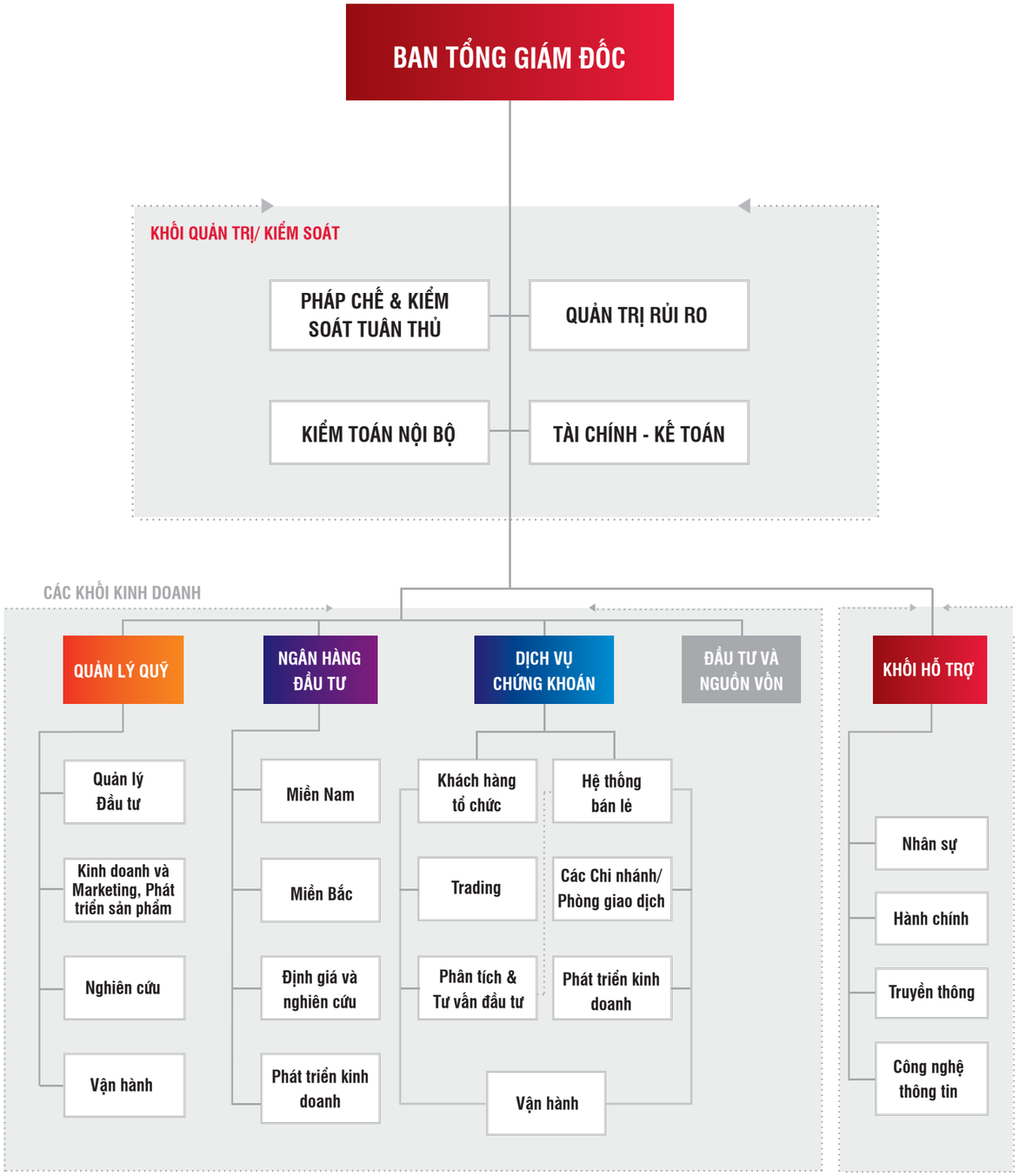
- Bộ phận Phân tích và Tư vấn đầu tư phục vụ khách hàng tổ chức (Institutional Research) sẽ kết hợp cùng Bộ phận môi giới tổ chức để đưa ra những sản phẩm phù hợp, đặc biệt là những báo cáo được thiết kế riêng theo đặc thù, yêu cầu của từng nhóm khách hàng tổ chức khác nhau. Bộ phận phục vụ khách hàng tổ chức được đặt tại TP. Hồ Chí Minh nhằm phục vụ hiệu quả số đông các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài sẽ tiếp cận khu vực kinh tế này khi tìm hiểu thị trường Việt Nam.
- Bộ phận Phân tích và Tư vấn đầu tư phục vụ khách hàng cá nhân (Retail Research): cung cấp những báo cáo phân tích ngắn gọn, súc tích, đáp ứng đúng các nhu cầu thông tin rất đặc thù của đối tượng khách hàng cá nhân.

Năm 2011 cũng là năm bộ phận đặt mục tiêu tăng số lượng các công ty niêm yết được nghiên cứu và tiếp tục đưa ra các sản phẩm phân tích mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các đối tượng khách hàng, trong đó chú trọng đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm phân tích và chiến lược đầu tư, các dịch vụ tư vấn cho các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài tương tự mô hình đã triển khai với Công ty Quản lý Quỹ Daiwa.

Bộ máy TỔ CHỨC



CƠ CẤU
TỔ CHỨC



Để thực hiện các chiến lược kinh doanh đề ra, SSI đã thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức và đang từng bước hoàn thiện đội ngũ nhân sự theo hướng:

1. Tăng cường chuyên môn hóa, xác định rõ vai trò và trách nhiệm của mỗi vị trí trong bộ máy
2. Đẩy mạnh sự phối hợp hoạt động giữa các cá nhân/bộ phận/các Khối Kinh doanh; chủ động thực hiện theo dõi và kiểm soát
3. Phát triển và duy trì năng lực chuyên môn cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động
4. Nuôi dưỡng và phát triển lớp lãnh đạo tài năng kế cận

Bộ máy SSI đã được tổ chức thành 3 khối chuyên biệt bao gồm Khối Kinh doanh, Khối Quản trị/Kiểm soát và Khối Hỗ trợ.

Quá trình tái cơ cấu của **Các Khối Kinh doanh** tập trung vào việc:

- Tổ chức hoạt động của Khối Dịch vụ Chứng khoán thành 2 bộ phận chuyên biệt phục vụ đối tượng khách hàng khác nhau là Môi giới khách hàng tổ chức và Hệ thống bán lẻ gồm các Chi nhánh và Phòng giao dịch
- Thành lập mới bộ phận Phát triển kinh doanh tiền thân là Dự án Marketing với các chức năng chính như phát triển sản phẩm, marketing, phát triển và chăm sóc khách hàng
- Sáp nhập Phân tích & Tư vấn đầu tư hiện đang đứng độc lập vào Khối Dịch vụ Chứng khoán với vai trò chuyên trách phục vụ khách hàng tổ chức và thành lập bộ phận Phân tích phục vụ riêng khách hàng cá nhân
- Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư hoàn thiện bộ máy với các Giám đốc chuyên trách
- Cải tổ cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI để sẵn sàng phục vụ nhiều quỹ đa dạng và chuyên môn hóa.

Để thống nhất các hoạt động hỗ trợ kinh doanh đảm bảo tính hiệu quả của bộ máy, SSI thực hiện nhóm các bộ phận Công nghệ thông tin, Truyền thông, Hành chính, Nhân sự vào **Khối Hỗ trợ** và bổ nhiệm Giám đốc điều hành (COO) chịu trách nhiệm trực tiếp toàn bộ hoạt động của Khối Hỗ trợ. Mỗi bộ phận hỗ trợ tiến hành xây dựng chiến lược phát triển theo các mô hình vận hành tiên tiến nhằm đảm bảo nhiệm vụ hỗ trợ tối đa các khối kinh doanh hoàn thành nhiệm vụ, phù hợp với chiến lược phát triển chung của Công ty.

Sự lớn mạnh về quy mô và mức độ phức tạp của hoạt động kinh doanh đòi hỏi SSI phải tăng cường vai trò quản trị và kiểm soát, theo đó **Khối Quản trị/Kiểm soát** được nâng tầm và bổ sung thêm các chức năng quản trị rủi ro, quản trị tài chính, giám sát tuân thủ.



HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Duy Hưng

Chủ Tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hưng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc SSI. Ông cũng là người sáng lập SSI.



Ông Ngô Văn Điểm

Ủy viên HĐQT
Ông Ngô Văn Điểm có bề dày kinh nghiệm 31 năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ. Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí như Chánh Văn phòng Uỷ Ban nhà nước về Hợp tác đầu tư, Vụ trưởng Hội đồng thẩm định nhà nước, Vụ trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam và Phó trưởng ban Ban nghiên cứu của Thủ tướng đặt tại Văn phòng Chính phủ. Ông Ngô Văn Điểm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức.



Ông Nguyễn Hồng Nam

Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Hồng Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nguyễn Hồng Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.



Bà Đàm Bích Thủy

Ủy viên HĐQT
Bà Đàm Bích Thủy hiện nay là Tổng Giám đốc Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam. Bà có nhiều năm kinh nghiệm làm Giám đốc Ban tài nguyên Thiên nhiên, cho vay tài trợ theo Dự án khu vực châu Á tại Ngân hàng Đầu tư ANZ Singapore, thành viên Tập đoàn Tài chính ANZ. Bà Đàm Bích Thủy có bằng Thạc Sỹ Quản trị Kinh doanh tại The Wharton School of Business.



Ông Bùi Quang Nghiêm

Ủy viên HĐQT
Ông Bùi Quang Nghiêm hiện nay là Giám đốc Công ty Luật Hợp danh Nghiêm & Chính, Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật sư TP. HCM. Ông Bùi Quang Nghiêm tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Halle - CHDC Đức.



Ông Yuichi Akai

Ủy viên HĐQT
Ông Yuichi Akai hiện đang là Chủ tịch Công ty Chứng khoán Daiwa Securities Capital Markets. Là thành viên kỳ cựu của ngành ngân hàng Nhật Bản, ông Yuichi Akai đã gắn bó với Công ty Chứng khoán Daiwa nhiều năm nay và đã lần lượt đảm đương nhiều vị trí. Ông Yuichi Akai có bằng cử nhân Luật tại đại học Kobe (Nhật Bản) và MBA tại Darden, trường đại học Virginia, Hoa Kỳ.



Ông Alistair Marshall Bulloch

Ủy viên HĐQT
Ông Alistair Marshall Bulloch hiện là Giám đốc điều hành và Cố vấn cao cấp khu vực châu Á - Thái Bình Dương, châu Âu và Mỹ của ngân hàng ANZ. Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng.

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu cử ngày 01 tháng 11 năm 1999 Bầu lại ngày 27 tháng 09 năm 2003 Bầu lại ngày 28 tháng 04 năm 2010
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu cử ngày 21 tháng 04 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu cử ngày 01 tháng 11 năm 1999 Bầu lại ngày 24 tháng 04 năm 2009
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Được bầu cử ngày 24 tháng 04 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Được bầu cử ngày 24 tháng 04 năm 2009
Ông Yuichi Akai	Ủy viên	Được bầu cử ngày 28 tháng 04 năm 2010
Ông Alistair Marshall Bulloch	Ủy viên	Được bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2010 (bổ nhiệm tạm thời theo đề cử của cổ đông Ngân hàng ANZ)

HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty hoạt động theo 3 nguyên tắc:

- Cùng với Ban Điều hành vì quyền lợi tối cao của các cổ đông;
- Chịu trách nhiệm cao nhất trước các cổ đông trong việc lãnh đạo, kiểm tra giám sát và điều hành hoạt động của Công ty;
- Tôn trọng lợi ích của những người có liên quan đến Công ty thông qua việc tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và các quy tắc đạo đức kinh doanh.

Năm 2010, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty có một số thay đổi về mặt nhân sự nhằm duy trì và củng cố hoạt động điều hành Công ty. Cụ thể, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tháng 04/2010, Đại hội đã bầu lại ông Nguyễn Duy Hưng, và bầu bổ sung các thành viên HĐQT độc lập gồm các ông/ bà:

- Ông Yuichi Akai (bầu bổ sung thay thế ông Akihiko Kanamura xin từ nhiệm)
- Ông Alistair Marshall Bulloch (bổ nhiệm tạm thời thay thế ông Mark David Whelan xin từ nhiệm)

Với 7 thành viên, trong đó có 5 thành viên không điều hành là những nhân sự quản lý cấp cao của các tổ chức lớn, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp luật và quản trị tài chính, các thành viên đã đóng góp rất nhiều cho việc hoạch định chính sách, phương hướng hoạt động của Công ty trong giai đoạn thị trường có nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt.

HĐQT rất nỗ lực trong các hoạt động của mình nhằm tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin giữa các thành viên. Báo cáo hoạt động hàng tháng của HĐQT được lập và gửi cho các thành viên HĐQT trước ngày 10 của mỗi tháng với nội dung về triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, những chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT đối với Ban Điều hành và thực hiện giám sát kế hoạch hoạt động của tháng tiếp theo. Qua đó cung cấp những thông tin về sự chỉ đạo hoạt động của HĐQT, sự điều hành của Ban Điều hành một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời cho các thành viên HĐQT để các thành viên HĐQT nắm được hoạt động của Công ty, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện sự đánh giá khách quan, trung thực về hoạt động của Công ty, góp phần nâng cao năng lực cho hoạch định kế hoạch, chiến lược, chính sách phát triển của Công ty. Trong năm 2010, HĐQT giám sát sát sao đối với các hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động vận hành của Công ty, các Chi nhánh và Phòng giao dịch. Ngoài ra, HĐQT cũng có buổi làm việc với Ban Kiểm soát về việc phối hợp hoạt động để tăng cường vai trò chủ động của Ban Kiểm soát khi thực hiện quyền của mình. Năm 2010 cũng là một năm nội bộ SSI có nhiều chuyển biến với chương trình chuyển đổi được thực hiện đồng nhất trong toàn bộ Công ty với mục đích nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của các bộ phận trong Công ty, củng cố vị thế trên thị trường. HĐQT đã chỉ đạo & giám sát việc truyền thông nội bộ về chương trình chuyển đổi, triển khai dự án tái cơ cấu các bộ phận theo định hướng phát triển mới.

Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cũng cho phép các Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc với bất kỳ thành viên nào của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được phân công và chuẩn bị ý kiến cho cuộc họp. Khi làm việc, thành viên HĐQT có thể chất vấn, trao đổi, yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu trên cơ sở tôn trọng quyền điều hành của Tổng Giám đốc.

Trong năm 2010, HĐQT đã họp định kỳ vào cuối mỗi quý và họp đột xuất để thảo luận tình hình thị trường, định hướng hoạt động cho Ban Tổng Giám đốc, ban hành 04 Nghị Quyết và 04 Quyết Định liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.



BAN
KIỂM SOÁT



Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2010 tiếp tục góp phần vào sự thành công của công ty. Ban Kiểm soát với ba thành viên đều là thành viên độc lập và có kinh nghiệm quản lý, có trình độ cao về kế toán, tài chính đã phát huy vai trò là cơ quan giám sát HĐQT và Ban Điều hành để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật, tuân thủ Điều Lệ, Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Quy chế quản trị công ty cũng đã có những quy định thiết thực nhằm tạo điều kiện cho các thành viên Ban Kiểm soát có đủ điều kiện thực hiện hết các chức năng, quyền hạn của mình cả về cơ sở vật chất hoạt động và cách thức thu thập thông tin, báo cáo.

Các cuộc họp HĐQT đều có đại diện Ban Kiểm soát tham dự hoặc giám sát thông qua tài liệu họp được gửi cùng khi Công ty gửi thư mời họp HĐQT.

Với đặc thù là một công ty chứng khoán, Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ bắt buộc theo quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Hệ thống kiểm soát nội bộ với đội ngũ nhân viên có đủ điều kiện, đủ chứng chỉ hành nghề thực hiện việc kiểm soát việc tuân thủ quy trình, quy chế của Công ty và kiểm toán nội bộ. Hệ thống Kiểm soát nội bộ tuy không trực thuộc Ban Kiểm soát những cũng được xem như cánh tay nối dài của Ban Kiểm soát trong việc duy trì sự giám sát hàng ngày. Các báo cáo kết quả kiểm soát của hệ thống Kiểm Soát Nội Bộ cũng là nguồn thông tin quan trọng giúp cho Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Hàng năm, Công ty đều lập Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ để gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Ban Kiểm soát.

THAY ĐỔI
NHÂN SỰ

Thay đổi nhân sự trong HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế Toán trưởng:

- Trong năm 2010 có sự thay đổi thành viên HĐQT, miễn nhiệm ông Akihiko Kanamura ngày 28/04/2010 và ông Mark David Whelan ngày 19/10/2010, đồng thời bầu bổ sung ông Yuichi Akai và bổ sung tạm thời ông Alistair Marshall Bulloch.



NHÂN SỰ
CHỦ CHỐT

BAN TỔNG Giám đốc



Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ Tịch kiêm Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hồng Nam
Phó Tổng Giám đốc

KHỐI QUẢN TRỊ KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật & Kiểm Soát Nội Bộ



Ông Trần Dương Anh Việt
Giám đốc Kiểm Toán Nội Bộ



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài Chính



Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương
Phó Giám đốc Tài Chính



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế Toán trưởng

QUẢN LÝ QUỸ



Bà Lê Thị Lệ Hằng
Tổng Giám đốc SSIAM



Ông Nguyễn Khắc Hải
Phó Tổng Giám đốc SSIAM



Ông Phạm Trường Sơn
Phó Tổng Giám đốc SSIAM

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Bà Nguyễn Thanh Hương
Giám đốc Khối



Bà Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc phụ trách phía Bắc



Ông Peter Sorensen
Giám đốc Phát triển
Kinh doanh

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN



Ông Bùi Thế Tân
Giám đốc Khối



Ông Mai Hoàng Khánh Minh
Phó Giám đốc Khối
Phụ trách Khách hàng tổ chức



Bà Hoàng Thị Xuân
Phó Giám đốc Khối
Phụ Trách Nghiệp Vụ
Giám đốc GD ĐT



Ông Lại Tuấn Cường
Phó Giám đốc GD ĐT



Bà Đỗ Thị Thanh Thúy
Giám đốc Marketing

PHÂN TÍCH & TVĐT



Ông Phạm Ngọc Bích
Giám đốc Khối



Ông Nguyễn Đức Hùng Linh
Giám đốc TVĐT



Bà Hoàng Việt Phương
Giám đốc Phân tích Cổ phiếu

ĐẦU TƯ & NGUỒN VỐN



Bà Vũ Thị Thanh Hà
Giám đốc

CÁC KHỐI KINH DOANH



Ông Nguyễn Thanh Tùng
Giám đốc Đầu Tư



Ông Lê Việt Hà
Giám đốc Đầu Tư



Ông Đinh Thế Anh
Giám đốc

KHỐI HỖ TRỢ



Bà Thân Hiền Anh
Giám đốc Điều Hành
Giám đốc Khối Truyền Thông



Bà Đặng Hồng Ngọc
Quyền Giám đốc Nhân Sự



Bà Ngô Thị Thanh Tâm
Phó Giám đốc Khối
Truyền Thông



Ông Bùi Việt Dũng
Giám đốc CNTT



Ông Nguyễn Văn Hoa
Phó Giám đốc CNTT

ĐỘI NGŨ NÒNG CỐT TẠI CÁC Chi nhánh & PHÒNG GIAO DỊCH



Bà Trần Thị Thúy
Giám đốc
Chi nhánh Hà Nội



Ông Nguyễn Chí Trung
Giám đốc
Chi nhánh Hải Phòng



Bà Đào Nhật Mai
Giám đốc
Chi nhánh Nguyễn Công Trứ



Ông Lê Công Đạo
Phó Giám đốc
Chi nhánh Quảng Ninh



Ông Huỳnh Thành Nam
Giám đốc
Chi nhánh Vũng Tàu



Ông Nguyễn Duy Tuân
Giám đốc
Chi nhánh Hàm Long



Ông Phan Ngọc Sơn
Phó Giám đốc
Chi nhánh Nha Trang



Ông Vũ Văn Hoan
Phó Giám đốc
Chi nhánh Mỹ Đình

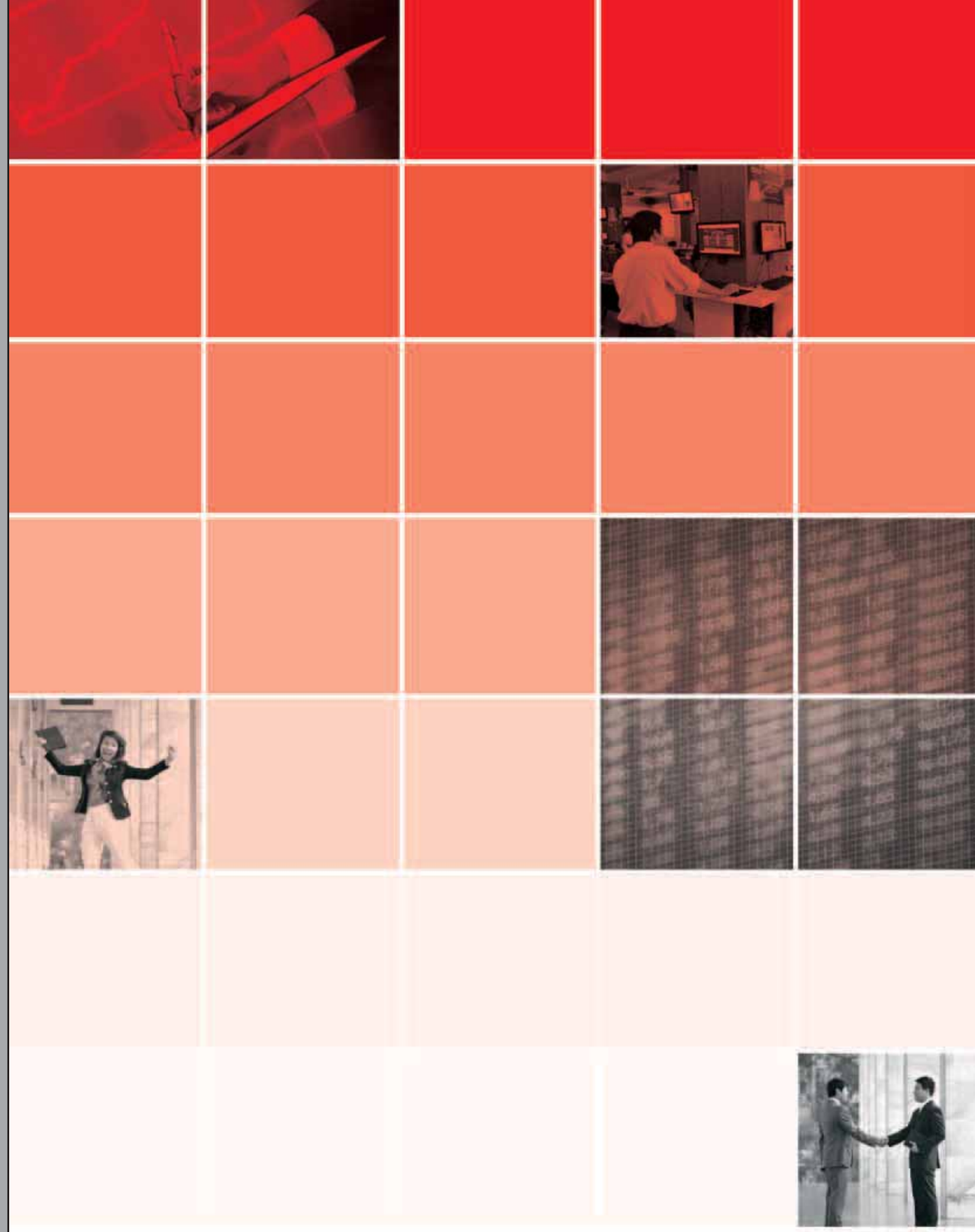


Ông Nguyễn Huỳnh Bách Khoa
Trưởng phòng
PGD 3/2



Ông Lâm Thiên Phi
Trưởng phòng
PGD Hồng Bàng

Yếu tố thúc đẩy THÀNH CÔNG



CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN

Công nghệ thông tin ngày càng khẳng định vai trò chiến lược trong sự phát triển của ngành tài chính ngân hàng nói chung và chứng khoán nói riêng. Đối với các công ty chứng khoán, các hoạt động nghiệp vụ ngày càng đa dạng và phức tạp, khách hàng mong muốn được cung cấp các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao, có tính cạnh tranh, đúng thời điểm họ cần và đặc biệt là với mức giá, phí dịch vụ hợp lý. Để có thể đạt được những yêu cầu này, SSI đặt công nghệ thông tin (IT) là một bài toán chiến lược ưu tiên phát triển hiện tại và trong những năm tới với việc triển khai đồng bộ các sáng kiến khả thi.



Duy trì hệ thống hạ tầng công nghệ ổn định, bảo mật, an toàn và đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho các hoạt động kinh doanh hàng ngày

Một công ty hoạt động trong ngành chứng khoán như SSI hiện nay sở hữu những thông tin khách hàng vô cùng quan trọng liên quan đến thông tin cá nhân, thông tin tài khoản giao dịch, và mỗi thất thoát về thông tin sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến khách hàng và uy tín Công ty. Tương tự, một sự cố nhỏ trong vận hành hệ thống giao dịch cũng sẽ dẫn đến những rủi ro lớn về tài chính cho khách hàng và Công ty. Để có thể hạn chế tối đa những rủi ro xảy ra, IT SSI nỗ lực duy trì hệ thống "ổn định, hiệu suất, an toàn, bảo mật" bằng cách triển khai các biện pháp đồng bộ.

Vận hành hệ thống:

- Để đảm bảo các hoạt động vận hành hệ thống hàng ngày hiệu quả, SSI nâng cấp, phát triển các quy trình vận hành hệ thống, tái cơ cấu nhân sự vận hành với vai trò chuyên trách, gắn trách nhiệm với mỗi vị trí công việc, tổ chức đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật nội bộ Công ty, đảm bảo mỗi sự cố nhỏ xảy ra liên quan đến IT tại các bộ phận được giải quyết một cách nhanh nhất, giảm thiểu mọi ảnh hưởng trực tiếp, rủi ro xảy ra đối với hoạt động kinh doanh, qua đó có thể gián tiếp ảnh hưởng đến khách hàng của SSI
- Hệ thống máy chủ, mạng được trang bị hiện đại, nâng cấp chất lượng, đáp ứng nhu cầu hiện tại và sẵn sàng chuẩn bị cho sự phát triển hệ thống tương lai. Các thiết bị, phần mềm an toàn, bảo mật (hệ thống firewall, phòng chống virus) phát huy chức năng tối đa, ngăn chặn mọi nguy cơ xâm nhập kẽ hở bảo mật dẫn đến thất thoát thông tin giao dịch liên quan đến khách hàng. SSI cũng đi đầu trong việc triển khai dự án phòng chống thảm họa nhằm nâng cao hiệu suất và an toàn khi có sự cố xảy ra.

Hệ thống giao dịch:

- Hệ thống giao dịch luôn được thông suốt là mục tiêu quan trọng nhất của Bộ phận Công nghệ thông tin. SSI phát triển các biện pháp kỹ thuật tối ưu để duy trì tính ổn định của hệ thống và khả năng khắc phục nhanh chóng nhất nếu có những gián đoạn xảy ra với bất cứ lý do chủ quan hay khách quan. SSI cũng là 1 trong số những Công ty đầu tiên thực hiện thành công thông sàn HNX, UPCOM trong năm 2010
- Hệ thống giao dịch trực tuyến của SSI bao gồm Smart Trading và Web Trading dần thay thế phương thức giao dịch truyền thống và trở thành kênh giao dịch thu hút đông đảo nhà đầu tư. Smart Trading với phương thức bảo mật dùng mã số tài khoản, mật khẩu và xác thực Token khi đặt lệnh luôn đảm bảo sự an toàn tuyệt đối cho người dùng. Trong năm 2010, SSI cũng chính thức đưa hệ thống WebTrading vào hoạt động với nhiều tính năng ưu việt ngoài giao dịch lệnh, người dùng có thể chuyển tiền trực tuyến, quản lý danh mục, tra cứu thông tin nhanh chóng và tiến tới là tài khoản Margin, đăng ký dịch vụ sao kê trực tuyến và các công cụ cảnh báo danh mục hữu ích. Hệ thống WebTrading tạo sự linh hoạt cho người sử dụng trong việc lựa chọn mã pin hoặc Token làm công cụ xác thực, đảm bảo tính bảo mật, an toàn khi dùng hệ thống
- Contact Center (Trung tâm dịch vụ khách hàng) được SSI đưa vào hoạt động cuối năm 2009 là một trong những hệ thống tổng đài đầu tiên với nhiều tính năng hiện đại áp dụng trong lĩnh vực chứng khoán. Hệ thống hỗ trợ nhà đầu tư trong việc giao dịch lệnh, chuyển tiền, tra cứu thông tin,… với công cụ bảo mật 2 lớp gồm mã số tài khoản và Token, giúp nhà đầu tư hoàn toàn yên tâm khi thực hiện giao dịch với SSI
- Ngoài ra, hệ thống SMS cũng là một công cụ đắc lực trong việc cập nhật thông báo về giao dịch, sự kiện của Công ty đến từng khách hàng. Thông qua các cú pháp SMS, khách hàng cũng có thể tra cứu số dư tài khoản, thông tin về thị trường, mã chứng khoán.

Nâng cấp, phát triển hệ thống hiện đại, đảm bảo hỗ trợ tối đa sự tăng trưởng của Công ty, đón đầu xu hướng phát triển công nghệ, trở thành công ty chứng khoán hàng đầu về công nghệ

Đón đầu xu hướng công nghệ trong lĩnh vực hoạt động, áp dụng hiệu quả công nghệ mới vào phát triển hệ thống, các phần mềm ứng dụng phục vụ hoạt động kinh doanh là mục tiêu song hành với nhiệm vụ vận hành hệ thống hiệu quả nói trên.

SSI hiểu rõ những hạn chế của hệ thống giao dịch vận hành hiện tại, và những hạn chế càng bộc lộ rõ hơn khi thị trường chứng khoán Việt Nam được dự đoán ngày càng phát triển với các sản phẩm tài chính đa dạng, phức tạp và bản thân nhu cầu của nhà đầu tư cũng ngày càng nâng cao. Đáp ứng sự phát triển đó, SSI chủ động nghiên cứu các giải pháp công nghệ tiên tiến, phối hợp cùng với đối tác là những nhà cung cấp phần mềm tài chính nổi tiếng trên thế giới để thực hiện các bước phân tích yêu cầu, phân tích hiện trạng, hướng tới xây dựng một hệ thống giao dịch đảm bảo các tiêu chí hiện đại, đủ tính năng, khả năng mở rộng quy mô, và đặc biệt là có lợi thế cạnh tranh về giảm thiểu chi phí trên mỗi giao dịch.

Hệ thống Smart Trading, WebTrading tiếp tục được nâng cấp những tính năng nổi trội, giao diện thân thiện, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nhà đầu tư, đảm bảo tốc độ nhanh và bảo mật, an toàn cho nhà đầu tư khi thực hiện giao dịch qua những hệ thống này.

Các thiết bị cầm tay như điện thoại di động, máy tính bảng ngày càng trở thành công cụ sử dụng phổ biến, hữu dụng trong mọi lĩnh vực. Trong năm 2011, SSI đặt mục tiêu phát triển và giới thiệu đến nhà đầu tư sớm nhất có thể các ứng dụng di động với các tính năng ưu việt, giúp nhà đầu tư có thể thực hiện giao dịch mọi nơi, mọi lúc, đảm bảo an toàn và bảo mật tối đa.



SSI đặt công nghệ thông tin là một **bài toán chiến lược** ưu tiên phát triển

Bên cạnh các dịch vụ trực tuyến tối ưu hỗ trợ nhà đầu tư, SSI tiếp tục phát triển các phần mềm hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh hàng ngày như hệ thống quản trị thông tin khách hàng, tự động hóa các thao tác nghiệp vụ, hệ thống cảnh báo rủi ro, tuân thủ, phần mềm Research,… nhằm giảm thiểu tối đa các công việc thủ công, hạn chế rủi ro và tăng hiệu suất công việc.

Nhận rõ vai trò hiệu quả của cổng thông tin điện tử của từng doanh nghiệp (website doanh nghiệp) trong việc quảng bá sản phẩm dịch vụ và công bố thông tin của chính doanh nghiệp đó, website SSI không ngừng được nâng cấp cả về giao diện, nội dung và tốc độ nhanh, với tiêu chí hiện đại, thân thiện, thông tin được công bố nhanh chóng, chính xác. Ngoài ra, website SSI còn đưa ra các công cụ phân tích hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định và là cửa ngõ của dịch vụ giao dịch điện tử SSI.

Cơ chế Quản trị Công nghệ Thông tin

Khẳng định vai trò chiến lược của Công nghệ thông tin trong những năm tới, SSI đã thiết lập Hội đồng Công nghệ thông tin với chức năng hoạch định các chiến lược phát triển Công nghệ thông tin, ra các quyết định đầu tư đối với các dự án IT trọng điểm và các vấn đề quản trị, nhân sự liên quan.

Hội đồng Công nghệ thông tin cũng thực hiện vai trò giám sát triển khai, đánh giá hiệu quả các dự án thực hiện, hỗ trợ Giám đốc Công nghệ thông tin (CIO) trong các nhiệm vụ quản lý, vận hành bộ máy tổ chức, nhân sự IT và giải quyết các vướng mắc trong quá trình vận hành, triển khai dự án.

VẬN HÀNH

Khi lợi thế cạnh tranh dần không còn được thể hiện nhiều ở mảng sản phẩm, dịch vụ bởi tốc độ lan truyền mạnh của truyền thông, khả năng sao chép của đối thủ cạnh tranh, các chuyên gia trong ngành đều đồng quan điểm cho rằng, yếu tố cạnh tranh chính và bền vững của một công ty tài chính sẽ nằm ở vận hành và con người.

SSI cũng nhận thấy vai trò của vận hành trong chiến lược phát triển chung và xác định rõ những nhiệm vụ chính vận hành SSI đã và sẽ tiếp tục thực hiện trong thời gian tới:

- Xây dựng, phát triển và đồng bộ hóa các Quy trình vận hành nhằm loại bỏ sự sai khác, trùng lặp, công đoạn thừa trong quá trình cung cấp sản phẩm dịch vụ đến khách hàng đúng theo nhu cầu, thời gian và địa điểm khách hàng cần
- Tự động hóa các thao tác nghiệp vụ, hướng đến giảm thiểu các công đoạn thủ công, hạn chế tối thiểu các rủi ro vận hành xảy ra
- Phối hợp với các bộ phận liên quan trong Công ty hoàn thiện Quy trình kiểm soát tuân thủ vận hành, đảm bảo Quy trình triển khai hiệu quả
- Tiếp tục nghiên cứu mô hình vận hành tiên tiến và mang tính khả thi với thực tiễn SSI, hướng đến mục tiêu chiến lược trong việc phát triển hệ thống bán lẻ chuẩn mực, giảm thiểu chi phí vận hành và tối đa hóa hiệu suất kinh doanh.

Trong năm 2010, vận hành SSI đã hoàn thành những bước đi đầu tiên về chuẩn hóa các quy trình và thực hiện đồng bộ trên toàn hệ thống. Quy trình mới được thiết kế trên nền tảng mô hình vận hành trung tâm, với các chức năng và nhiệm vụ chuyên trách gắn liền với trách nhiệm của mỗi cá nhân phụ trách những công đoạn cụ thể trong chuỗi giá trị sản phẩm và dịch vụ cung cấp đến khách hàng. Quy trình mới gắn liền với các tiêu chí về chất lượng, tốc độ, mức độ cải tiến, quản trị rủi ro và khả năng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

Quá trình nâng cấp và phát triển quy trình tác nghiệp còn thể hiện ở nhiệm vụ tự động hóa toàn bộ các thao tác nghiệp vụ, Vận hành SSI đặt ưu tiên hoàn thành tự động hóa các nghiệp vụ liên quan đến dịch vụ chứng khoán trong 6 tháng đầu năm 2011. Theo đó, nhân viên nghiệp vụ, môi giới sẽ giảm bớt được áp lực công việc thủ công, có điều kiện và thời gian nâng cao năng lực chuyên môn, tích lũy và phát triển kinh nghiệm làm việc, đặc biệt là dành nhiều thời gian chăm sóc khách hàng, tìm hiểu nhu cầu khách hàng, từ đó tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp đến khách hàng.

Bên cạnh đó, SSI sẽ thực hiện tái cấu trúc bộ máy nhân sự nghiệp vụ, phân bổ lại các vị trí phòng ban, cá nhân cho phù hợp năng lực, kinh nghiệm và theo đúng mô hình vận hành mới. Cùng với những kiến thức cơ bản đảm bảo yêu cầu của Cơ quan quản lý, mỗi nhân viên nghiệp vụ sẽ được trang bị những kiến thức nâng cao, những kỹ năng mềm để luôn đảm bảo hoàn thành công việc tốt nhất, khách hàng hài lòng nhất về chất lượng sản phẩm và dịch vụ của SSI.

Vận hành SSI không ngừng cải tiến, nâng cấp, luôn đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, xu hướng phát triển của lĩnh vực hoạt động và quan trọng hơn cả là đáp ứng tối đa nhu cầu phát triển đa dạng, phức tạp của khách hàng.



NGUỒN NHÂN LỰC



Qua 10 năm phát triển, SSI đạt được những thành tựu như hôm nay là nhờ vào sự cống hiến của các lớp cán bộ quản lý, chuyên viên và nhân viên đã và đang làm việc tại Công ty. SSI trân trọng giá trị mỗi cá nhân đóng góp cho Công ty và coi con người là một lợi thế cạnh tranh chính tạo nên sự tăng trưởng mạnh, bền vững. Vì lẽ đó, SSI luôn cố gắng tạo ra một môi trường làm việc hiệu quả, mỗi cá nhân được cung cấp, hỗ trợ các yếu tố cần thiết thúc đẩy sự phát triển, sáng tạo, hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất, và đặc biệt chú trọng đến việc nuôi dưỡng tài năng, đào tạo các lớp lãnh đạo kế cận. SSI hiểu rằng áp dụng hệ thống chính sách quản trị nguồn nhân lực tối ưu là một trong những phương thức hiệu quả nhất để nâng cao sự hài lòng của khách hàng, gia tăng giá trị mang lại cho cổ đông, và rộng hơn là cộng đồng.

Hiện nay, SSI đang trong giai đoạn hoàn thiện hệ thống chính sách quản trị nguồn nhân lực toàn diện, cụ thể gồm:

Chính sách tuyển dụng & đào tạo

Tuyển dụng và đào tạo luôn song hành với nhau trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực và là yếu tố then chốt tác động trực tiếp đến việc thu hút và nuôi dưỡng tài năng.

Tại SSI, với cơ cấu hoạt động kinh doanh đặc thù, phức tạp, đối tượng khách hàng trải rộng từ những cá nhân nhỏ lẻ đến các tổ chức có quy mô lớn hàng đầu trên thế giới. Do đó, Công ty xây dựng mô hình tuyển dụng đa dạng và linh hoạt phù hợp với đặc điểm của từng mảng kinh doanh. Bộ phận Nhân sự chuyên trách thiết lập ra các nguyên tắc chung, quy trình và các yêu cầu cơ bản của hoạt động tuyển dụng và theo đó, từng bộ phận sẽ xây dựng những yêu cầu và lợi ích cụ thể cho từng nhu cầu tuyển dụng.

Tuyển dụng được nhân tài mới chỉ là bước khởi đầu, làm sao để nhân viên có thể hiểu rõ và nhanh chóng bắt kịp vào bộ máy đang hoạt động của Công ty, đồng thời liên tục phát triển chuyên môn nghiệp vụ là vai trò của chính sách đào tạo. Hiểu rõ điều đó, SSI đã không ngừng hoàn thiện chính sách, chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu cũng như xu hướng phát triển của thị trường và chiến lược chung của toàn Công ty. Ngay khi gia nhập SSI, mỗi cá nhân sẽ tiếp nhận những khóa đào tạo cơ bản về hoạt động & thương hiệu Công ty, những quy định nội bộ, quy trình tác nghiệp liên quan đến vị trí, và các khóa học bắt buộc của các cơ quan quản lý nhà nước. Ngoài kiến thức chuyên môn là yêu cầu bắt buộc, đặc thù hoạt động của Công ty đặt ra những yêu cầu khá cao về kỹ năng mềm, do đó mỗi cá nhân trong Công ty cũng sẽ được tham gia những khóa đào tạo phát triển kỹ năng mềm như Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, Kỹ năng đàm phán, Kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp v.v.. Bên cạnh chính sách đào tạo chung của Công ty, mỗi bộ phận cũng đều xây dựng cho mình những chương trình đào tạo đặc thù nhằm nâng cao năng lực chuyên môn.

Bên cạnh việc thuê chuyên gia trong lĩnh vực hoạt động đến giảng dạy, hay tổ chức các chuyến đi đào tạo thực địa tại các đối tác của SSI, hoạt động đào tạo nội bộ tại các phòng ban liên tục phát triển và là kênh hiệu quả để những cá nhân có nhiều kinh nghiệm truyền đạt và đào tạo những nhân viên khác. Mặt khác, SSI luôn đề cao vai trò tự đào tạo của mỗi cá nhân và khuyến khích mỗi cá nhân dành thời gian cho việc tự nghiên cứu, nâng cao kiến thức cũng như tích lũy kinh nghiệm từ các kênh khác nhau.

Hệ thống đánh giá hiệu quả và chính sách khen thưởng

Đánh giá hiệu quả công việc chính xác, khách quan là nền tảng xây dựng cơ chế chi trả thu nhập dựa trên hiệu quả hoạt động (Performance-based). Đây là mục tiêu quan trọng mà SSI đã và đang nỗ lực hoàn thiện.

Mỗi vị trí trong bộ máy đều được mô tả công việc rõ ràng phục vụ cho công tác tuyển dụng và xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động. Các chỉ tiêu kèm theo các hệ số đánh giá sẽ được xây dựng từ chiến lược và mục tiêu chung của Công ty, xuống đến mục tiêu của mỗi Khối Kinh doanh/Bộ phận Hỗ trợ và được phát triển tiếp đến từng cá nhân. Mỗi cá nhân hiểu rõ cơ chế đánh giá và phương pháp đánh giá, có sự trao đổi trực tiếp giữa cá nhân và lãnh đạo là những yếu tố đảm bảo sự công bằng, khách quan và minh bạch trong hệ thống đánh giá và là mục tiêu SSI đang dần hoàn thiện.

Chính sách khen thưởng luôn thu hút sự quan tâm của mọi nhân viên và là một trong những động lực chính khuyến khích nhân viên phát huy năng lực. Khen thưởng dựa trên hiệu quả công việc trở thành nguyên tắc xuyên suốt trong cơ chế quản trị nhân sự của SSI.

Tại SSI, sự kiện trao giải “Nhân viên tiêu biểu của năm” và “Lãnh đạo tiêu biểu của năm” nhằm tôn vinh những cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm trở thành hoạt động thường niên và với mục tiêu khích lệ những cá nhân mới nỗ lực phấn đấu giành danh hiệu và những cá nhân đạt được thành tích sẽ tiếp tục phát huy để xứng đáng với danh hiệu.

Chính sách khuyến khích và phát triển nghề nghiệp

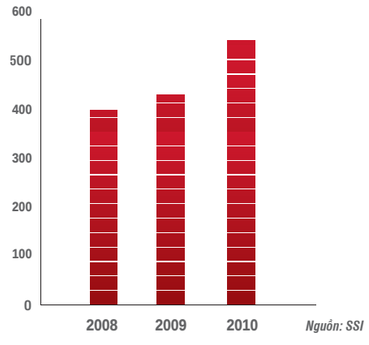
Thu hút nhân tài là chuyện khó và giữ chân nhân tài cũng không kém phần thách thức và là nhiệm vụ quan trọng của một tổ chức. Ngoài những ưu đãi về gói thu nhập cạnh tranh, các chính sách khuyến khích hỗ trợ khác để mỗi cá nhân nhìn thấy rõ khả năng phát triển cơ hội nghề nghiệp tại SSI cần phải được xây dựng, duy trì và phát triển theo từng thời kỳ.

SSI luôn chú trọng xây dựng và phát triển các tầng lớp kế cận, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy năng lực và tạo cơ hội thăng tiến khi thời cơ phù hợp. Công ty hướng tới việc phát triển một thị trường tuyển dụng ngay nội bộ Công ty để mỗi cá nhân có thể tìm kiếm những vị trí phù hợp nhất, phát huy năng lực tối đa.

Với chiến lược và chính sách quản trị nguồn nhân lực toàn diện, đội ngũ SSI lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Tính đến cuối năm 2010, tổng số nhân viên SSI là 520 người, trong đó nhân viên nữ xấp xỉ 51%. Nhiều nhân viên nữ được bổ nhiệm vào những vị trí lãnh đạo chủ chốt và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tỷ lệ nhân viên nghỉ việc bình quân 8% trong năm 2010 cũng cho thấy sự ổn định về nhân sự SSI. Số lượng nhân viên có trình độ cao học đạt 15% trong đó phần lớn tốt nghiệp từ những trường quốc tế danh tiếng tại Mỹ, Anh, Úc, Hà lan, Singapore,… SSI khuyến khích và có chính sách hỗ trợ nhân viên thi các chứng chỉ tài chính quốc tế và cho đến nay nhiều cá nhân đã có chứng chỉ nghề CFA, ACCA hoặc CPA.

Tăng trưởng số lượng nhân viên SSI (2008-2010)



Nguồn: SSI



Các quy định cơ bản về hoạt động quản trị rủi ro của SSI

SSI thiết lập nên các quy định quản trị rủi ro cơ bản bao trùm toàn bộ các hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- Mỗi bộ phận chịu trách nhiệm chính bởi Giám đốc Khối/ Trưởng bộ phận có nhiệm vụ xác định các loại rủi ro, phối hợp với bộ phận chuyên trách để xây dựng các phương pháp quản trị khả thi các rủi ro đặc thù trong phạm vi hoạt động của bộ phận

- Đối với các rủi ro tổng thể trên phạm vi Công ty, bộ phận chuyên trách về quản trị rủi ro sẽ thiết lập nên cấu trúc quản trị rủi ro chung và phù hợp trong từng giai đoạn và tập trung vào các đặc tính cơ bản của các loại rủi ro

- Thiết lập tập hợp các chính sách rủi ro khép kín và các quy trình quản trị rủi ro phải được xây dựng và truyền đạt rõ ràng trong nội bộ Công ty cũng như truyền thông đến khách hàng về các nguyên tắc SSI thực hiện nhằm bảo vệ lợi ích tối đa cho khách hàng.

Các loại rủi ro & phương pháp quản trị rủi ro

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, SSI đối diện với rất nhiều rủi ro vốn là đặc thù của ngành tài chính và có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh. SSI tin rằng, việc xác định, đánh giá các loại rủi ro rõ ràng, đầy đủ và đưa ra các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp sẽ duy trì năng lực tài chính mạnh và tối thiểu hóa các khoản lỗ/thất thoát tài chính phát sinh từ những nguy cơ rủi ro.

Hệ thống quản trị rủi ro

Rủi ro chính	Bộ phận chịu trách nhiệm chính	Vị trí chịu trách nhiệm chính
Rủi ro thị trường **Rủi ro thanh khoản** **Rủi ro tín dụng**	Bộ phận Quản trị rủi ro	Giám đốc quản trị rủi ro (*)
Rủi ro vận hành	Các khối/ bộ phận chịu trách nhiệm trong phạm vi hoạt động kết hợp với Kiểm soát nội bộ	Trưởng mỗi bộ phận/Giám đốc Khối + Giám đốc Kiểm soát nội bộ
Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin	Bộ phận Công nghệ thông tin	Giám đốc công nghệ thông tin
Rủi ro tuân thủ	Bộ phận Kiểm soát nội bộ	Giám đốc Kiểm soát nội bộ
Rủi ro thương hiệu	Khối Truyền thông	Giám đốc Khối Truyền thông

(*): Bộ phận quản trị rủi ro đã hình thành và hoạt động tại SSI nằm trong Khối Quản trị Tài chính, dự kiến chính thức tách thành khối độc lập trong năm 2011.

Các loại rủi ro chính, quan trọng và cần phải xây dựng hệ thống quản trị bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro vận hành, rủi ro liên quan đến hệ thống IT, rủi ro bảo mật thông tin, rủi ro pháp luật & tuân thủ, và rủi ro thương hiệu.

Rủi ro thị trường

Thị trường tài chính nói riêng và nền kinh tế nói chung thường xuyên biến động dưới tác động của nhiều yếu tố gồm cả các yếu tố nội tại của thị trường, cũng như do các thay đổi trong chính sách tài khoá, tiền tệ và các chính sách điều tiết thị trường của Chính phủ. Những thay đổi này được thể hiện qua biến động trong các yếu tố như mặt bằng lãi suất, tỷ giá hối đoái, mức độ chấp nhận rủi ro, thanh khoản của thị trường, mức độ sẵn có của tín dụng, chi phí giá vốn…, khiến giá trị của các khoản đầu tư tài chính cũng biến động theo. Hoạt động đầu tư của SSI vào chứng khoán và các sản phẩm đầu tư không tránh khỏi các rủi ro do giảm giá đầu tư hay biến động lãi suất. Rủi ro này có thể tiếp tục phát sinh trong tương lai khi mức độ biến động của thị trường tăng lên kèm theo tính thanh khoản bị suy giảm.

Dưới ảnh hưởng của rủi ro thị trường, SSI xác định rõ nhiệm vụ quan trọng là phải lượng hóa được mức độ ảnh hưởng của các thay đổi đề cập trên đối với giá trị tài sản tài chính của SSI, bao gồm cả các khoản nợ, trên cơ sở đó có cái nhìn khách quan, dài hạn và xây dựng các biện pháp quản trị rủi ro mang tính khả thi hơn. Bằng phương pháp xây dựng và phân tích các kịch bản (scenario analysis), thiết lập mức độ rủi ro cao nhất có thể chấp nhận dựa trên đặc tính của từng loại rủi ro, SSI luôn chuẩn bị sẵn sàng phương án cho mỗi sự thay đổi và giảm thiểu các khoản lỗ, mất mát phát sinh. Xác định năm 2010 và 2011 thị trường đứng trước rủi ro lạm phát và tỷ giá, SSI đã xác định quan điểm đầu tư thận trọng và luôn có cơ chế dự phòng (back up) như tập trung vào đầu tư giá trị và vào những ngành thu ngoại tệ xuất khẩu đạt hiệu quả cao, huy động quỹ đầu tư ra nước ngoài…

Rủi ro tín dụng

SSI cũng chịu rủi ro phát sinh các khoản lỗ liên quan đến tín dụng trong trường hợp các cá nhân, đối tác hoặc tổ chức phát hành mất khả năng hoặc không sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng đã thoả thuận. Rủi ro xảy ra khi khách hàng, đối tác gặp khó khăn tài chính và khi giá trị của chứng khoán SSI nắm giữ làm tài sản bảo đảm bị sụt giảm. Rõ ràng nếu SSI phát sinh nhiều khoản lỗ do yếu tố rủi ro này, khả năng sinh lời của SSI sẽ bị ảnh hưởng.

Trong quản trị rủi ro tín dụng, SSI tiến hành đánh giá và xếp hạng tín dụng đối với khách hàng và đối tác dựa trên thông tin thị trường, thông tin về khách hàng và đối tác cùng lịch sử hợp tác trước đó. Tiếp đến, SSI thực hiện phân bổ hạn mức tín dụng cho từng đối tác tiềm năng và tiến hành giao dịch tuân thủ các hạn mức đã thiết lập. Trong suốt quá trình thực hiện, bộ phận chuyên trách sẽ theo dõi, đánh giá, ước tính giá trị của các khoản vốn hỗ trợ khách hàng và đối tác trên cơ sở áp dụng mô hình đánh giá tín dụng xét đến đầy đủ các yếu tố thời hạn cam kết hỗ trợ vốn, tài sản bảo đảm, thanh khoản để đưa ra các biện pháp khắc phục rủi ro kịp thời.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ đến hạn. Khả năng thanh khoản của SSI có thể bị suy yếu trong trường hợp không thể phản ứng kịp với những biến cố của thị trường nói chung hoặc của thị trường cho một loại tài sản cụ thể nào đó nói riêng. Ngoài ra, nếu rất nhiều công ty khác cũng đang muốn bán cùng một loại tài sản với Công ty tại cùng một thời điểm, khả năng thanh lý tài sản để tạo thanh khoản của SSI cũng sẽ bị ảnh hưởng.

SSI luôn duy trì một tỷ lệ tài sản và nợ hợp lý, đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản cao là nguyên tắc cơ bản của quản trị rủi ro thanh khoản. Để đảm bảo khả năng thu xếp nguồn vốn ngắn hạn, SSI duy trì danh mục gồm các tài sản như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác có tính thanh khoản cao. Về dài hạn, SSI tìm kiếm các hạn mức tín dụng từ các tổ chức tín dụng khác nhau trên thị trường cũng như hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán của SSI tại các ngân hàng khác nhau. Các phương thức thu xếp nguồn vốn, đảm bảo khả năng thanh toán của SSI còn bao gồm sử dụng các công cụ phát sinh như repo, mua bán kỳ hạn, phát hành các giấy tờ có giá nhằm huy động nguồn vốn trung và dài hạn. Trong năm vừa qua, SSI đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính đến đối tượng khách hàng cá nhân vừa đảm bảo 2 mục tiêu song hành là đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu của khách hàng và tăng tính thanh khoản.

Rủi ro vận hành

Hoạt động kinh doanh của SSI cũng bị ảnh hưởng lớn bởi các sự cố về vận hành hoặc do các sự kiện không thuận lợi xảy ra ngoài dự tính. Các rủi ro này bao gồm: nguy cơ trộm cắp hoặc lừa đảo, nhân viên có hành vi kinh doanh không hợp lệ, thực hiện giao dịch trái phép, cũng như lưu trữ, đánh giá và hạch toán giao dịch sai nguyên tắc. Những rủi ro này có thể khiến SSI phải gánh chịu các khoản lỗ tài chính, thậm chí dẫn đến việc hoạt động kinh doanh bị gián đoạn, mất khả năng thực hiện trách nhiệm đối với khách hàng, chịu sự can thiệp từ chính quyền, uy tín của SSI do vậy sẽ bị ảnh hưởng rất lớn.

Khi quy mô của SSI càng lớn, các hoạt động kinh doanh trở nên phức tạp, đa dạng hơn thì những rủi ro vận hành cũng theo đó phức tạp, khó lường hơn và các biện pháp quản trị rủi ro cũng phát triển dần theo mỗi năm. Do đặc thù riêng của mỗi khối/bộ phận trong SSI, bộ phận chuyên trách quản trị rủi ro sẽ thiết lập những quy định mang tính bắt buộc chung như phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cá nhân, xây dựng các quy trình, hướng dẫn tác nghiệp hoạt động kinh doanh



hàng ngày, luôn đảm bảo có kiểm soát chéo trong mọi giao dịch, phát triển tự động hóa vận hành nhằm giảm thiểu những lỗi do công việc thủ công, chủ quan con người gây ra và các biện pháp khác khi cần thiết nhằm giảm thiểu rủi ro vận hành. Các bộ phận sẽ chủ động giảm thiểu tối đa rủi ro vận hành trong phạm vi hoạt động và dựa trên những nguyên tắc chung nêu trên. Rủi ro vận hành cũng được kiểm soát thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ được trình bày ở mục Rủi ro tuân thủ.

Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin

Các rủi ro về hệ thống và bảo mật thông tin liên quan đến sự cố ngừng hệ thống, đường truyền, hệ thống máy chủ và máy tính cá nhân ngừng hoạt động, hỏng hóc,… các sự việc liên quan đến khả năng xâm nhập và lây lan virus, khả năng tấn công hệ thống của hacker,… Tất cả các phát sinh trên đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của SSI và gây ra những rủi ro, thiệt hại tài chính có thể không nhỏ cho chính SSI và khách hàng của SSI, suy giảm uy tín SSI.

Công nghệ thông tin SSI thiết lập và tuân thủ chặt chẽ các quy trình, hướng dẫn vận hành hệ thống trong đó quy định rõ các bước thực hiện đối với các hoạt động hàng ngày để đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu suất, an toàn, bảo mật, và các biện pháp khắc phục khi có bất cứ sự cố nào xảy ra. IT cũng thiết lập đường dây nóng hỗ trợ các bộ phận trong Công ty khi có sự cố xảy nhằm giảm thiểu mọi sự ngừng trệ trong hoạt động kinh doanh. Các dự án Phòng chống thảm họa, áp dụng công nghệ tiên tiến trong hệ thống firewall, ngăn chặn virus cũng đóng góp vào hạn chế rủi ro xảy ra đối với an toàn, bảo mật thông tin. Song song chủ động thực hiện các biện pháp bởi bộ phận chuyên trách, SSI cũng hướng tới nâng cao các kiến thức công nghệ cơ bản cho mỗi cá nhân trong Công ty, phổ biến ý thức sử dụng an toàn, phòng tránh các sự cố xảy ra đối với hệ thống, máy tính và các máy móc liên quan đến hoạt động hàng ngày. Ngoài ra, SSI liên tục tự đánh giá và kết hợp với các đơn vị hàng đầu đánh giá định kỳ về an toàn hệ thống đặc biệt là giao dịch điện tử đảm bảo an toàn tối đa cho khách hàng.

Rủi ro tuân thủ

SSI ban hành những quy định nội bộ, quy chế hoạt động, quy trình tác nghiệp,… nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh hàng ngày, hoạt động phối hợp giữa các bộ phận/cá nhân thực hiện một cách hiệu quả. Tuy nhiên, trong quá trình thao tác, những sai lầm, thiếu sót xảy ra do không tuân thủ các quy định nói trên có thể dẫn tới những thiệt hại về tài chính và làm suy giảm uy tín Công ty.



Ngay từ những năm đầu thành lập, SSI đã thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ hoàn chỉnh thực hiện chức năng giám sát tuân thủ nhằm đảm bảo việc tuân thủ Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật, bảo đảm hoạt động của Công ty an toàn và hiệu quả, trung thực trong việc lập Báo cáo tài chính. Trong năm 2010, hệ thống kiểm soát nội bộ có 10 nhân viên bao gồm 4 nhân viên thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ và 6 nhân viên kiểm soát nội bộ. Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý và bất thường kiểm tra hoạt động của các bộ phận trong Công ty nhằm hạn chế thấp nhất các yếu tố gây ra rủi ro tuân thủ. Trong năm 2010, nhóm Kiểm soát nội bộ thực hiện 37 lượt kiểm soát các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động của tất cả phòng ban trên toàn bộ hệ thống. Tần suất kiểm soát là 8-10 tuần/lần đối với Hội sở, Chi nhánh Hà Nội, Trần Bình Trọng và Nguyễn Công Trứ, 6 tháng/lần đối với các chi nhánh khác và các phòng giao dịch. Công tác tái kiểm soát được thực hiện sau thời gian kiểm soát khoảng 04 tuần nhằm bảo đảm các thiếu sót nêu ra đã được khắc phục. Nhóm Kiểm toán nội bộ đã thực hiện được 19 cuộc kiểm toán nội bộ tại Hội sở và các chi nhánh.

Cũng trong năm 2010, Kiểm soát nội bộ đã phối hợp cùng Bộ phận Luật đã tổ chức một số buổi thuyết trình và kiểm tra nhận thức về quy trình nội bộ của nhân viên tại các chi nhánh. Hiệu ứng từ các buổi thuyết trình và kiểm tra quy trình nội bộ khá tốt, tạo được ý thức tuân thủ nội quy, quy trình, quy chế của Công ty, quy định của pháp luật có liên quan.

Nhờ có môi trường kiểm soát tốt cùng sự quan tâm, hỗ trợ của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc mà hệ thống kiểm soát nội bộ của SSI ngày càng hoạt động hiệu quả hơn. Các báo cáo kiểm soát đã giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi qui trình nghiệp vụ và đề xuất nhiều biện pháp khắc phục sai sót, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động. Trong suốt năm 2010, SSI không bị phạt vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về chứng khoán.

Hệ thống phòng ngừa rủi ro tuân thủ còn có sự hỗ trợ đắc lực của bộ phận Luật SSI bao gồm 5 chuyên viên luật, trong đó có 4 luật sư chính thức có kiến thức về tài chính và kinh nghiệm làm việc lâu năm. Bộ phận Luật thực hiện chức năng cập nhật quy định của pháp luật, tư vấn pháp luật thường xuyên cho nội bộ, rà soát tính pháp lý của các văn bản nội bộ và văn bản gửi ra bên ngoài.

Trong năm 2011, để tăng cường hiệu quả của hoạt động kiểm soát, bên cạnh việc duy trì quy mô và tần suất kiểm soát nội bộ như đã thực hiện trong năm 2010, Kiểm soát nội bộ sẽ chú trọng hoàn thiện công cụ giám sát tuân thủ, giám sát hậu kiểm soát; tăng số lượng các buổi thuyết trình, đào tạo nội bộ nhằm mục đích nâng cao hơn nữa ý thức và vai trò của nhân viên trong việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả. Kiểm toán nội bộ tiếp tục duy trì tần suất mỗi năm hai lần kiểm toán tại các chi nhánh, các công ty con và định kỳ vẫn kiểm tra soát xét lại các loại báo cáo như báo cáo vốn khả dụng an toàn tài chính, báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm… để bảo đảm thông tin tài chính được công bố và báo cáo là chính xác.

Rủi ro thương hiệu

Rủi ro thương hiệu liên quan đến việc phát tán các lời đồn, không đúng sự thật về Công ty, truyền thông sai về hình ảnh của Công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến danh tiếng của Công ty và gây ra những hậu quả khó lường như suy giảm niềm tin của nhà đầu tư, cổ đông, cộng đồng đối với SSI và có thể gây thiệt hại về tài chính cho Công ty.

Rủi ro thương hiệu khó đưa ra các biện pháp quản lý cụ thể vì tính phức tạp và không thể đoán trước sự việc. Để có thể giảm thiểu nhất các thiệt hại xảy ra, SSI đã xây dựng và phát triển các quy định liên quan đến Thương hiệu, công bố thông tin. Khối Truyền thông đã hoàn thiện Bộ chuẩn thương hiệu SSI trong đó quy định rõ các nguyên tắc về hình ảnh, màu sắc, cách dùng từ ngữ, mẫu biểu nội bộ và với bên ngoài… , phối hợp với các bộ phận khác trong Công ty thực hiện đào tạo nội bộ nhằm đảm bảo việc sử dụng thống nhất, chính xác các chuẩn thương hiệu và tạo nên hình ảnh SSI chuyên nghiệp.

Bên cạnh đó, SSI thiết lập các nguyên tắc liên quan đến công bố thông tin, bao gồm cả những sự việc thường xuyên và sự việc bất thường, theo đúng quy định pháp luật và chủ động, kịp thời khi xảy ra tin đồn thất thiệt. SSI tuân thủ việc công bố các thông tin tài chính (báo cáo tài chính theo quý, bán niên, năm), kể cả việc lựa chọn và sử dụng một trong các công ty kiểm toán Big4, tuân thủ nghiêm ngặt việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và năm với mục tiêu duy trì thông tin minh bạch, chính xác, kịp thời đến với cộng đồng nhà đầu tư.

TRÁCH NHIỆM

CỘNG ĐỒNG






VỚI CỘNG ĐỒNG

Theo tôn chỉ kinh doanh "Chúng ta cùng thành công", SSI tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng. SSI tập trung vào việc phát triển giáo dục, thể chất cho thế hệ trẻ để đào tạo nên những tài năng tương lai cho đất nước, xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn.

Đầu tư giáo dục

- Tiếp tục hoàn thành dự án tài trợ học bổng trong 4 năm học (2007 – 2010) với Hội khuyến học Việt Nam: tính đến hết năm 2010, gần 2.000 suất học bổng đã được trao cho học sinh tiểu học các tỉnh gặp nhiều khó khăn tại khu vực miền Bắc Việt Nam như Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Lào Cai, Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Yên Bái, Tuyên Quang, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình
- Tài trợ học bổng cho trường Đại học Kinh tế thuộc Đại học quốc gia Hà Nội: các suất học bổng này được dành tặng cho các sinh viên giỏi với mong muốn sẽ đào tạo nên một thế hệ trẻ tài năng cho ngành tài chính Việt Nam
- Tài trợ Đội tuyển bóng chày U12 của CLB Bóng chày thiếu niên Hà Nội tham gia "Giải vô địch bóng chày PONY khu vực châu Á – Thái Bình Dương" tại Đài Loan

Chung tay cùng cộng đồng

- Trước những tổn thất lớn lao mà nhân dân miền Trung phải chịu qua đợt lũ lịch sử 09/2010, SSI đã thực hiện ý tưởng xây dựng trường học kiên cố đồng thời kết hợp làm nơi tránh lũ cho nhân dân khi xảy ra mưa lũ thiên tai tại 4 huyện Hương Khê, Hương Sơn, Vũ Quang và Đức Thọ thuộc tỉnh Hà Tĩnh
- Tiếp tục phong trào trao quà từ thiện cho bệnh nhân: trong năm 2010, SSI đã đến thăm hỏi và trao quà cho bệnh nhân tại các bệnh viện K, bệnh viện Nhi Trung Ương, bệnh viện Bạch Mai. Ngoài ra, cán bộ công nhân viên của SSI cũng đã có nhiều đợt quyên góp cho các trường hợp khó khăn tại viện Bỏng, bệnh viện Việt Đức
- Và nhiều hoạt động khác: Đóng góp Quỹ "Vận động chăm lo cho người khó khăn năm Tân Mão 2011" do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Ủy ban Nhân dân phường Bến Nghé (TP. Hồ Chí Minh) tổ chức, trợ cấp cho những cá nhân bị bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh khó khăn tại quận Hoàn Kiếm (Hà Nội) trong tết Tân Mão 2011; đóng góp xây dựng nhà tình thương (TP. Hồ Chí Minh); đóng góp cho Quỹ " Đền ơn đáp nghĩa" do UBND Quận 6 (TP. Hồ Chí Minh) tổ chức nhân kỷ niệm Ngày Thương binh liệt sỹ 27/07/2010.

VỚI NHÂN VIÊN

Trong giai đoạn thực hiện những bước đi mới về cơ cấu tổ chức bộ máy và chiến lược phát triển kinh doanh, SSI nhận thấy việc thu hút nhân viên các cấp tham gia bày tỏ ý kiến của mình sẽ tăng mức độ cam kết, gắn bó của mỗi cá nhân đối với Công ty. Mỗi cá nhân cũng sẽ nhận thức được vai trò của mình trong quá trình phát triển SSI, cũng như sự quan tâm của Lãnh đạo Công ty.

Các kênh truyền thông nội bộ được SSI đặc biệt chú trọng trong giai đoạn chuyển đổi. Qua các thông điệp của Chủ tịch gửi tới toàn bộ nhân viên, các cuộc trưng cầu ý kiến trực tuyến trên toàn Công ty, các công cụ hỗ trợ thông tin nội bộ, SSI hướng tới duy trì và phát triển văn hóa công ty cởi mở, chia sẻ, hợp tác, và tinh thần trách nhiệm.

Trong năm 2010, SSI đã tổ chức các sự kiện nội bộ dành cho cấp quản lý, toàn thể nhân viên quán triệt sâu sắc thông điệp Từ tầm nhìn đến hành động thống nhất cao trong toàn thể thành viên hướng tới thời kỳ phát triển mới với một tầm cao mới. Các sự kiện này cũng giúp mỗi cá nhân hiểu rõ hơn về chiến lược phát triển của Công ty, giảm bớt tâm lý lo lắng, tạo nên sự đồng lòng, cam kết và quyết tâm ở mỗi cá nhân.

SSI cũng duy trì tổ chức gặp mặt toàn thể nhân viên thường niên, cùng tổng kết những kết quả đã làm được trong năm, cùng trao đổi định hướng và kế hoạch trong năm tới và tổ chức Hội thảo văn hóa doanh nghiệp.

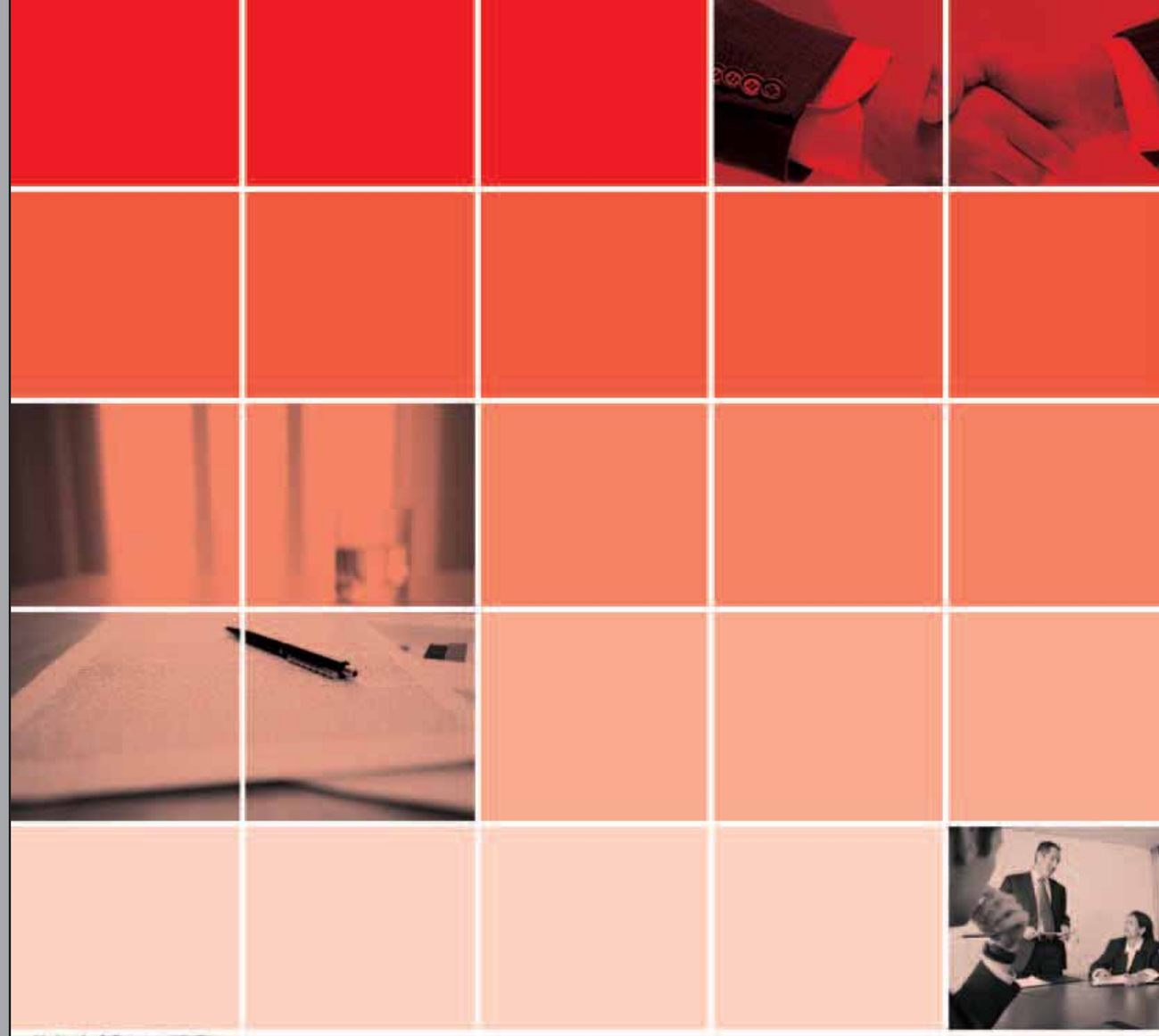
Bên cạnh việc hoàn thành tốt công việc chuyên môn, SSI hướng nhân viên tham gia tích cực vào các hoạt động văn nghệ, thể thao. Trong năm 2010, SSI cũng tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa trong ngành như Hội thi văn nghệ ngành, Giải bóng đá HNX và các hoạt động ngoại khóa khác.

Chính sách bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên luôn được coi trọng tại SSI. Mỗi nhân viên đều được hưởng chính sách bảo hiểm toàn diện với mức bảo hiểm cao và hưởng những dịch vụ chăm sóc y tế tốt. Hàng năm, SSI cũng tổ chức đợt khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ nhân viên tại các trung tâm y tế uy tín.

Đối với SSI bên cạnh chính sách thu nhập cạnh tranh, văn hóa công ty và sự quan tâm, hỗ trợ đối với từng cá nhân chính là nhân tố quan trọng tăng tính gắn bó, đoàn kết và phát huy hiệu quả công việc trong Công ty.

Báo cáo TÀI CHÍNH 2010

SAIGON SECURITIES INC





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 68

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo của kiểm toán độc lập 72

Bảng cân đối kế toán hợp nhất 73

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 77

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 78

Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất 80



BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB, do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu, Hải Phòng, Nha Trang và Quảng Ninh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI, Quỹ Đầu tư Thành viên SSI và một (01) công ty con sở hữu gián tiếp là Công ty Quốc tế SSI.

Tên công ty	*Được thành lập theo*	*Ngành hoạt động*	*Vốn điều lệ*	*% sở hữu*
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	30 tỷ đồng Việt Nam	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản. Thời gian hoạt động là 31 năm	360 tỷ đồng Việt Nam	80%
Công ty Quốc tế SSI	Số đăng ký SRV 090813396-4724807 ngày 27 tháng 8 năm 2009 tại bang Delaware, Mỹ. Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 249/BKH-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 03 tháng 7 năm 2009, và: Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 249/BKH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 8 năm 2010.	Đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Thời gian hoạt động là 30 năm.	18,5 triệu đô la Mỹ	80%, sở hữu gián tiếp thông qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Năm 2010	***Năm 2009***
Lợi nhuận thuần sau thuế	688.587.115.937	804.079.895.938
Cổ tức đã trả trong năm	328.127.562.750	595.560.000
Cổ tức công bố trong năm nhưng chưa trả tại thời điểm cuối năm	678.172.950	153.322.201.000
Cổ tức công bố năm trước nhưng chưa trả tại thời điểm cuối năm	1.102.774.300	1.030.438.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối vào cuối năm	1.399.114.338.962	1.049.533.539.162

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Ngày 30 tháng 1 năm 2010, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 2.222.240 trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ 1:10, tăng vốn điều lệ thêm 222.224.000.000 đồng Việt Nam và trả lãi cho số trái phiếu này. Đây là lần chuyển đổi cuối cùng của số trái phiếu chuyển đổi đã phát hành từ năm 2006.

Ngày 26 tháng 3 năm 2010, Công ty đã phát hành 2.000.000 trái phiếu chuyển đổi SSICB 2010 mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu với lãi suất 4%/năm. Thời gian chuyển đổi là 12 tháng kể từ ngày phát hành hoặc có thể sớm hơn tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Ngày 29 tháng 3 năm 2010 là ngày đăng ký cuối cùng để phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, vốn điều lệ của Công ty sau lần phát hành cổ phiếu thưởng này là 3.511.117.420.000 đồng Việt Nam.

Ngày 20 tháng 6 năm 2010, Công ty đã tham gia góp vốn vào Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF) với tổng số vốn góp là 288.000.000.000 đồng Việt Nam, chiếm 80% tổng số vốn điều lệ của Quỹ. Đây là quỹ đầu tư chứng khoán thành viên do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn và Công ty TNHH Nguyễn Duy Hưng tham gia góp vốn, Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM) làm đại diện huy động vốn và làm công ty quản lý của Quỹ. Thời gian hoạt động của quỹ là 31 năm. Hoạt động chính của quỹ là đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản.

Trong năm 2010, Quỹ Đầu tư Thành viên SSI đã góp vốn đầu tư vào Công ty Quốc tế SSI với tổng vốn góp là 2.000.000 đô la Mỹ, sở hữu 100% tổng số vốn của công ty này. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn sở hữu gián tiếp Công ty Quốc tế SSI với tỷ lệ sở hữu là 80%. Thời gian hoạt động của Công ty Quốc tế SSI là 30 năm. Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư là đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ.

Trong năm 2010, Công ty đã mua thêm 16 triệu chứng chỉ quỹ của Quỹ Tầm nhìn SSI từ Credit Suisse AG chi nhánh Singapore, theo đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã sở hữu được 37,94% tổng giá trị vốn góp của Quỹ đầu tư này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	*Chức vụ*	*Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu ngày 01 tháng 11 năm 1999 Được bầu lại ngày 28 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Hồng Nam	Uỷ viên	Được bầu ngày 01 tháng 11 năm 1999 Được bầu lại ngày 24 tháng 04 năm 2009
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Được bầu ngày 21 tháng 04 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2010
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu ngày 21 tháng 04 năm 2007
Ông Alistair Marshall Bulloch	Ủy viên	Được bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2010
Ông Mark David Whelan	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 04 năm 2009 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2010
Bà Đàm Bích Thuỷ	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 04 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 04 năm 2009
Ông Yuichi Akai	Ủy viên	Được bầu ngày 28 tháng 04 năm 2010

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	*Chức vụ*	*Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Được bầu ngày 01 tháng 11 năm 1999 Được bầu lại ngày 8 tháng 04 năm 2006
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 03 năm 2005 Được bầu lại ngày 28 tháng 04 năm 2010
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Được bầu ngày 21 tháng 04 năm 2007

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO CỦA
KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60755007/14721203

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất") được trình bày từ trang 73 đến trang 112. Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn và các công ty con đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyễn Phương Nga
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0763/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 03 tháng 3 năm 2011

B01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**6.366.260.016.716**	**4.688.668.073.128**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***2.969.211.607.544***	***2.650.001.084.717***
111	1. Tiền		1.242.775.103.795	1.885.001.084.717
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.726.436.503.749	765.000.000.000
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***		***2.547.214.987.361***	***1.322.333.322.462***
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	2.663.571.961.736	1.311.570.716.264
122	2. Đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	7	111.601.461.516	91.506.676.040
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	6.2	(227.958.435.891)	(80.744.069.842)
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***	***8***	***833.140.464.747***	***709.548.355.978***
131	1. Phải thu của khách hàng		701.200.855.316	525.202.888.075
132	2. Trả trước cho người bán		5.381.629.435	5.885.406.051
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		12.115.851	54.495.327.058
138	4. Các khoản phải thu khác		126.545.864.145	123.964.734.794
139	5. Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư ngắn hạn		-	-
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***	***9***	***16.692.957.064***	***6.785.309.971***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		14.234.333.847	4.335.919.919
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		2.458.623.217	2.449.390.052
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.426.634.549.267**	**2.388.317.348.381**
220	***I. Tài sản cố định***		***179.887.068.428***	***163.678.835.756***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	40.419.238.801	33.898.059.463
222	*Nguyên giá*		*89.554.391.895*	*69.051.933.321*
223	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(49.135.153.094)*	*(35.153.873.858)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	128.833.600.459	128.836.899.293
228	*Nguyên giá*		*145.785.353.179*	*138.376.050.786*
229	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(16.951.752.720)*	*(9.539.151.493)*
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		10.634.229.168	943.877.000
240	***II. Bất động sản đầu tư***	***12***	***33.671.559.285***	***-***
241	1. Nguyên giá		33.671.559.285	-
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	***III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***		***2.159.596.487.905***	***2.181.537.032.057***
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	13	567.438.087.550	454.205.459.050
253	3. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn	14	1.439.817.191.957	1.635.996.635.108
254	*Chứng khoán sẵn sàng để bán*		*1.439.817.191.957*	*1.635.996.635.108*
255	*Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn*		-	-
258	4. Đầu tư dài hạn khác	15	226.171.390.000	126.393.890.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	14	(73.830.181.602)	(35.058.952.101)
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***53.479.433.649***	***43.101.480.568***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	30.696.711.905	6.273.425.927
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	34	5.532.841.362	21.592.340.859
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	17	10.389.932.650	8.389.932.650
268	4. Tài sản dài hạn khác		6.859.947.732	6.845.781.132
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**8.792.894.565.983**	**7.076.985.421.509**

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 41 là một phần của báo cáo tài chính này.

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số trình bày lại (*)
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**3.260.700.650.860**	**2.258.484.090.721**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***3.118.393.046.643***	***1.895.263.622.976***
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	2.000.000.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		6.371.739.825	594.694.015
313	3. Người mua trả tiền trước	19	56.382.853.469	2.229.777.500
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	26.349.567.740	54.050.999.468
315	5. Phải trả người lao động		24.348.181	-
316	6. Chi phí phải trả	21	69.046.222.196	33.407.614.418
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22	835.511.208.250	1.452.544.964.388
321	8. Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	23	4.261.464.657	157.993.026.898
322	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		2.398.853.100	3.269.421.100
323	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24	69.431.253.766	30.646.720.748
328	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25	48.615.535.459	160.526.404.441
330	***II. Nợ dài hạn***		***142.307.604.217***	***363.220.467.745***
333	1. Phải trả dài hạn khác	26	13.068.415.136	13.000.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	27	-	222.224.000.000
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34	881.886.941	-
336	4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.759.653.696	4.189.051.696
341	5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	28	124.597.648.444	123.807.416.049
400	**B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**29**	**5.459.312.028.182**	**4.818.501.330.788**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***5.459.312.028.182***	***4.818.501.330.788***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.511.117.420.000	1.533.334.710.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		340.921.476.378	2.095.966.265.902
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		(12.365.677.000)	(449.664.524)
416	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	6. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định		220.524.469.842	140.116.480.248
419	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	8. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		1.399.114.338.962	1.049.533.539.162
500	**C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**35**	**72.881.886.941**	**-**
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**8.792.894.565.983**	**7.076.985.421.509**

(*) Số trình bày lại liên quan đến việc phân loại Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi từ Nguồn vốn chủ sở hữu sang Nợ phải trả (xem Thuyết minh 2.5 và 24).

B01-CTCK

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
001	**1. Tài sản cố định thuê ngoài**	**-**	**-**
002	**2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ**	**-**	**-**
003	**3. Tài sản nhận ký cược**	**-**	**-**
004	**4. Nợ khó đòi đã xử lý**	**-**	**-**
005	**5. Ngoại tệ các loại**	**-**	**-**
006	**6. Chứng khoán lưu ký**	**11.820.316.310.000**	**7.337.135.000.000**
	Trong đó		
007	***6.1. Chứng khoán giao dịch***	***9.076.671.230.000***	***5.860.423.890.000***
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	765.510.730.000	887.204.350.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	6.943.224.410.000	4.042.599.460.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.367.936.090.000	930.620.080.000
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	***6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch***	***2.100.775.920.000***	***592.490.970.000***
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	5.000.000.000	15.166.000.000
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	2.074.807.380.000	545.295.080.000
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	20.968.540.000	32.029.890.000
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	***6.3. Chứng khoán cầm cố***	***378.700.390.000***	***625.912.680.000***
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	378.700.390.000	625.912.680.000
020	6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	***6.4. Chứng khoán tạm giữ***	***-***	***-***
027	***6.5. Chứng khoán chờ thanh toán***	***246.968.100.000***	***243.940.700.000***
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	91.296.100.000	16.542.700.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	150.535.200.000	220.938.500.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	5.136.800.000	6.459.500.000
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
032	***6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút***	***-***	***-***
037	***6.7. Chứng khoán chờ giao dịch***	***17.200.670.000***	***14.366.760.000***
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	16.716.960.000	11.597.360.000
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	483.710.000	2.769.400.000
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	***6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay***	***-***	***-***
047	***6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch***	***-***	***-***

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
050	**7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết**	**191.936.160.000**	**85.362.510.000**
	Trong đó:		
051	***7.1. Chứng khoán giao dịch***	***190.637.660.000***	***85.124.510.000***
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	11.347.210.000	-
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	173.917.160.000	85.124.510.000
054	7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	5.373.290.000	-
055	7.1.4. Chứng khoán giao dịch của của tổ chức khác	-	-
056	***7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch***	***522.900.000***	***50.000.000***
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	522.900.000	50.000.000
059	7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
060	7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
061	***7.3. Chứng khoán cầm cố***	***309.600.000***	-
066	***7.4. Chứng khoán tạm giữ***	-	-
071	***7.5. Chứng khoán chờ thanh toán***	***466.000.000***	***188.000.000***
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	466.000.000	188.000.000
074	7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
075	7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
076	***7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút***	-	-
081	***7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch***	-	-
082	**8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng**	-	-
083	**9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán**	-	-
084	**10. Chứng khoán nhận uỷ thác đấu giá**	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG	**12.012.252.470.000**	**7.422.497.510.000**

Người lập | *Người phê duyệt* | *Người phê duyệt*

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu**	**30**	**1.503.616.689.880**	**1.121.557.943.660**
	Trong đó:			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		176.043.714.129	196.203.846.337
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		710.010.595.072	603.679.970.807
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		13.140.023.320	9.236.390.000
	- Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư		19.811.488.075	88.419.267.954
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		108.242.078.334	50.301.749.737
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		2.421.084.957	1.756.798.538
01.7	- Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		930.873.701	666.456.491
01.9	- Doanh thu khác		473.016.832.292	171.293.463.796
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**30**	**250.000.000**	**31.888.000**
10	**3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**	**30**	**1.503.366.689.880**	**1.121.526.055.660**
11	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh**	**31**	**592.325.572.635**	**233.474.467.665**
	Trong đó:			
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		406.339.977.085	433.866.184.044
	Chi phí/ (thu nhập hoàn nhập) dự phòng chứng khoán		185.985.595.550	(200.391.716.379)
20	**5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**		**911.041.117.245**	**888.051.587.995**
25	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**32**	**11.145.589.606**	**6.261.966.451**
30	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**899.895.527.639**	**881.789.621.544**
31	**8. Thu nhập khác**	**33**	**5.826.330.656**	137.062.842
32	**9. Chi phí khác**	**33**	**5.638.799.981**	103.548.166
40	**10. Lợi nhuận khác**	**33**	**187.530.675**	**33.514.676**
41	**11. Lãi từ các công ty liên kết**	**13**	**2.736.427.943**	**73.888.378.228**
50	**12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**902.819.486.257**	**955.711.514.448**
51	**13. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**34**	**195.700.683.962**	**173.223.959.369**
52	**14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**34**	**17.649.799.417**	**(21.592.340.859)**
60	**15. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**689.469.002.878**	**804.079.895.938**
61	**16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số**	**35**	**881.886.941**	**-**
62	**17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ**		**688.587.115.937**	**804.079.895.938**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**37**	**1.982**	**5.360**

Người lập | *Người phê duyệt* | *Người phê duyệt*

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	***1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế***		***902.819.486.257***	***955.711.514.448***
	2. Điều chỉnh cho các khoản		***(264.214.675.780)***	***(488.132.881.362)***
02	Khấu hao tài sản cố định		22.079.250.762	19.171.072.970
03	Các khoản lập dự phòng		185.985.595.550	(200.391.716.379)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		4.692.095.549	-
05	Lãi lỗ hoạt động đầu tư		(541.749.415.450)	(344.021.621.733)
06	Chi phí lãi vay		64.777.797.809	37.109.383.780
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động***		***638.604.810.477***	***467.578.633.086***
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(520.433.692.386)	(352.684.398.697)
10	Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn		(1.207.906.296.852)	(948.205.475.039)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(562.771.659.083)	670.390.239.891
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(33.486.758.656)	(684.888.508)
13	Tiền lãi vay đã trả		(30.372.378.398)	(61.363.069.931)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(230.330.622.825)	(129.768.923.112)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.900.000	2.478.260.000
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(41.881.240.175)	(56.248.253.430)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(1.988.556.937.898)**	**(408.507.875.740)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(69.145.751.017)	(21.598.623.229)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		4.953.545.455	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(49.273.190.684)	(319.053.256.381)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.808.931.503	893.810.436.429
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(652.820.981.370)	(567.726.396.888)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.164.542.233.334	1.113.965.753.107
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		151.333.746.803	271.056.901.643
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**570.398.534.024**	**1.370.454.814.681**

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 41 là một phần của báo cáo tài chính này.

B03-CTCK

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		963.585.000	219.606.045.000
	Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số		72.000.000.000	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(2.775.000.000)	(31.940.761.891)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.000.000.000.000	110.000.000.000
	Trả lại vốn ủy thác cho người ủy thác đầu tư		-	(110.000.000.000)
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(110.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(328.127.562.750)	(595.560.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**1.742.061.022.250**	**77.069.723.109**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**323.902.618.376**	**1.039.016.662.050**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**	**4**	**2.650.001.084.717**	**1.610.984.422.667**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.692.095.549)	-
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**2.969.211.607.544**	**2.650.001.084.717**

Người lập	*Người phê duyệt*	*Người phê duyệt*
Bà Hoàng Thị Minh Thủy	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Ông Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 41 là một phần của báo cáo tài chính này.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB, do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu, Nha Trang và Quảng Ninh.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 là 6.000.000.000 đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.511.117.420.000 đồng Việt Nam.

Trong năm 2010, Công ty tăng vốn điều lệ như sau:

Vốn tăng lên (đồng Việt Nam)	*Được chấp thuận theo*	*Ngày*
1.755.558.710.000	Giấy phép điều chỉnh số 305/UBCK-GP	3 tháng 3 năm 2010
3.511.117.420.000	Giấy phép điều chỉnh số 322/UBCK-GP	18 tháng 5 năm 2010

Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	*Chức vụ*	*Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu ngày 1 tháng 11 năm 1999 Được bầu lại ngày 28 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu ngày 1 tháng 11 năm 1999 Được bầu lại ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Được bầu ngày 21 tháng 4 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2010
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Alistair Marshall Bulloch	Ủy viên	Được bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2010
Ông Mark David Whelan	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 4 năm 2009 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2010
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Yuichi Akai	Ủy viên	Được bầu ngày 28 tháng 4 năm 2010

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	*Chức vụ*	*Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Được bầu ngày 1 tháng 11 năm 1999 Được bầu lại ngày 8 tháng 4 năm 2006
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 3 năm 2005 Được bầu lại ngày 28 tháng 4 năm 2010
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Được bầu ngày 21 tháng 4 năm 2007

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	*Chức vụ*	*Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2000 Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2003

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh và hai (02) phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, ba (03) chi nhánh tại Hà Nội, một (01) chi nhánh tại Hải Phòng, một (01) chi nhánh tại Vũng Tàu, một (01) chi nhánh tại Nha Trang và một (01) chi nhánh tại Quảng Ninh.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	*Được thành lập theo*	*Ngành hoạt động*	*Vốn điều lệ*	*% sở hữu*
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	30 tỷ đồng Việt Nam	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	360 tỷ đồng Việt Nam	80%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có một (01) công ty con sở hữu gián tiếp như sau:

Tên công ty	*Được thành lập theo*	*Ngành hoạt động*	*Vốn điều lệ*	*% sở hữu*
Công ty Quốc tế SSI	Số đăng ký SRV 090813396-4724807 ngày 27 tháng 8 năm 2009 tại bang Delaware, Mỹ. Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 249/BKH-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 03 tháng 7 năm 2009, và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 249/BKH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 8 năm 2010	Đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ	18,5 triệu đô la Mỹ	80%, sở hữu gián tiếp thông qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI

Đầu tư vào Quỹ Tầm nhìn SSI

Năm 2007, Công ty đầu tư vào Quỹ đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485 tỷ đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quỹ. Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700.000.000.000 đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007. Trong năm, Công ty đã mua thêm 16 triệu chứng chỉ quỹ từ Credit Suisse AG chi nhánh Singapore, theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã sở hữu được 37,94% tổng giá trị vốn góp của Quỹ.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 520 người (năm 2009 là 417 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không

được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

2.5 Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm 2010, Công ty thực hiện áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2010:

- Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu;
- Phân loại lại Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi từ Nguồn vốn chủ sở hữu sang Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi trên Nợ phải trả.

Ngoài ra, trong năm Công ty cũng thực hiện áp dụng Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010.

Ngoài việc phân loại lại Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và năm tài chính kết thúc cùng ngày không bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc áp dụng các chính sách kế toán nêu trên do Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư 203/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố.

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào *"Chi phí quản lý doanh nghiệp"* trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	5 - 7 năm

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản

3.7 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các chứng khoán này được ghi nhận tiếp theo theo giá gốc trừ khoản lãi dồn tích trước ngày mua thực nhận, nếu có.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

3.9 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Danh sách công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 13.

3.10 Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/ chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/ khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.18 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	*Mức trích lập tối đa*
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*
Tiền mặt	339.243.758	304.139.392
Tiền gửi ngân hàng	1.242.435.860.037	1.884.696.945.325
Trong đó:		
Tiền gửi ngân hàng	*239.629.743.431*	*114.905.705.646*
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	*990.064.923.184*	*1.708.767.592.927*
Tiền của người ủy thác đầu tư	*12.741.193.422*	*61.023.646.752*
Các khoản tương đương tiền	1.726.436.503.749	765.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	*1.726.436.503.749*	*750.000.000.000*
Tiền của người ủy thác đầu tư	-	*15.000.000.000*
	2.969.211.607.544	**2.650.001.084.717**

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

		Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm *Đơn vị*	*Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm* *VNĐ*
1.	Của Công ty chứng khoán	159.919.088	6.777.550.478.387
	Cổ phiếu	*135.606.753*	*4.773.290.113.387*
	Trái phiếu	*19.428.875*	*1.915.863.534.000*
	Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	*4.883.460*	*88.396.831.000*
2.	Của nhà đầu tư	2.484.499.196	86.279.501.190.092
	Cổ phiếu	*2.424.241.286*	*83.885.600.854.202*
	Trái phiếu	*14.686.670*	*1.937.795.841.890*
	Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	*45.571.240*	*456.104.494.000*
		2.644.418.284	**93.057.051.668.479**

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

6.1 *Đầu tư ngắn hạn*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*
Chứng khoán thương mại	1.950.141.961.736	1.231.570.716.264
Đầu tư ngắn hạn khác	713.430.000.000	80.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	*713.430.000.000*	*80.000.000.000*
	2.663.571.961.736	**1.311.570.716.264**

Chứng khoán thương mại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*
Cổ phiếu niêm yết	1.156.347.569.054	788.340.547.571
Cổ phiếu chưa niêm yết	571.005.729.998	143.230.168.693
Trái phiếu, kỳ phiếu các loại	222.788.662.684	300.000.000.000
	1.950.141.961.736	**1.231.570.716.264**

6.2 *Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*
Cổ phiếu niêm yết	219.948.936.180	51.269.055.074
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.009.499.711	29.475.014.768
	227.958.435.891	**80.744.069.842**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN CỦA NGƯỜI ỦY THÁC ĐẦU TƯ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*
Cổ phiếu	111.367.461.516	41.506.676.040
Trái phiếu, kỳ phiếu các loại	-	50.000.000.000
Các khoản đầu tư khác	234.000.000	-
	111.601.461.516	**91.506.676.040**

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

		Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
1.	Phải thu của khách hàng	701.200.855.316	525.202.888.075
	Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	*38.485.273.958*	*136.470.715.606*
	Phải thu khách hàng về hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	*657.874.361.876*	*322.681.414.013*
	Phải thu phí tư vấn	*1.697.000.000*	*1.454.685.890*
	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	*487.203.174*	*63.113.447.672*
	Phải thu khác	*2.657.016.308*	*1.482.624.894*
2.	Ứng trước cho người bán	5.381.629.435	5.885.406.051
3.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	12.115.851	54.495.327.058
	Phải thu của Sở Giao dịch Chứng khoán	-	*53.000.000.000*
	Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	*12.115.851*	*1.495.327.058*
4.	Phải thu khác	126.545.864.145	123.964.734.794
	Lãi tiền gửi	*34.830.697.536*	*3.015.653.278*
	Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán (trái tức, cổ tức, lãi kỳ phiếu)	*48.910.424.579*	*42.941.825.174*
	Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	*28.897.544.000*	*64.892.544.000*
	Phải thu phí từ hoạt động dịch vụ tài chính	*5.901.299.761*	*13.114.712.342*
	Phải thu khách hàng về phí dịch vụ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	*5.246.949.952*	-
	Phải thu khác	*2.758.948.317*	-
		833.140.464.747	**709.548.355.978**

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tạm ứng cho nhân viên	1.904.906.217	2.118.390.052
Chi phí trả trước ngắn hạn	14.234.333.847	4.335.919.919
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	553.717.000	331.000.000
	16.692.957.064	**6.785.309.971**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa,vật kiến trúc VNĐ	Máym óc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2010	2.609.391.520	51.107.050.301	13.817.726.903	1.517.764.597	69.051.933.321
Tăng trong kỳ	-	17.920.803.686	3.058.089.500	250.754.600	21.229.647.786
Mua mới	-	*17.920.803.686*	*3.058.089.500*	*250.754.600*	*21.229.647.786*
Giảm trong kỳ	-	(727.189.212)	-	-	(727.189.212)
Bán thanh lý	-	*(727.189.212)*	-	-	*(727.189.212)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	2.609.391.520	68.300.664.775	16.875.816.403	1.768.519.197	89.554.391.895
Hao mòn lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2010	405.842.321	27.699.580.593	6.204.038.703	844.412.241	35.153.873.858
Tăng trong kỳ	449.269.148	11.256.637.619	2.556.839.628	403.903.135	14.666.649.530
Khấu hao	*449.269.148*	*11.256.637.619*	*2.556.839.628*	*403.903.135*	*14.666.649.530*
Giảm trong kỳ	-	(685.370.294)	-	-	(685.370.294)
Bán thanh lý	-	*(685.370.294)*	-	-	*(685.370.294)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	855.111.469	38.270.847.918	8.760.878.331	1.248.315.376	49.135.153.094
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2010	2.203.549.199	23.407.469.708	7.613.688.200	673.352.356	33.898.059.463
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	1.754.280.051	30.029.816.857	8.114.938.072	520.203.821	40.419.238.801

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tài sản vô hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2010	22.204.897.698	114.481.726.400	1.689.426.688	138.376.050.786
Tăng trong kỳ	12.219.470.793	-	-	12.219.470.793
Mua mới	*12.219.470.793*	-	-	*12.219.470.793*
Giảm trong kỳ	-	(4.810.168.400)	-	(4.810.168.400)
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	34.424.368.491	109.671.558.000	1.689.426.688	145.785.353.179
Hao mòn lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2010	8.196.391.924	-	1.342.759.569	9.539.151.493
Tăng trong kỳ	7.244.262.292	-	168.338.935	7.412.601.227
Khấu hao	*7.244.262.292*	-	*168.338.935*	*7.412.601.227*
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	15.440.654.216	-	1.511.098.504	16.951.752.720
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2010	14.008.505.774	114.481.726.400	346.667.119	128.836.899.293
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	18.983.714.275	109.671.558.000	178.328.184	128.833.600.459

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và đất (*) *VNĐ*	*Bất động sản đầu tư khác* *VNĐ*	*Tổng cộng* *VNĐ*
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2010	-	-	-
Tăng trong kỳ	33.671.559.285	-	33.671.559.285
Mua mới	*33.671.559.285*	-	*33.671.559.285*
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	33.671.559.285	-	33.671.559.285
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2010	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	-	-
Khấu hao	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	-	-	-
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2010	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	33.671.559.285	-	33.671.559.285

(*) Đây là tòa nhà tại 1731 Riggs Place NW, Washington, DC 20009, Hoa Kỳ, mà Công ty Quốc tế SSI đã mua với mục đích cho thuê. Nguyên giá của toà nhà là 1.726.747 USD.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty đầu tư vào Quỹ đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư ban đầu là 485 tỷ đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quỹ. Trong năm 2010, Công ty đã mua thêm 16 triệu chứng chỉ quỹ từ Credit Suisse. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã sở hữu 37,94% tổng giá trị vốn góp của Quỹ. Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007.

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm 2010 như sau:

Tên đơn vị nhận vốn đầu tư	*Tổng vốn góp của đơn vị nhận đầu tư* *VNĐ*		*% sở hữu của Công ty* %	*Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ* *VNĐ*
Quỹ Tầm nhìn SSI	1.700.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	28,53%	454.205.459.050
		Ngày 31 tháng 12 năm 2010	**37,94%**	**567.438.087.550**

Biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm 2010 như sau:

	% sở hữu	*VNĐ*
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	28,53%	454.205.459.050
Giá trị chứng chỉ quỹ mua thêm trong kỳ		110.496.200.557
Lãi/lỗ từ đầu tư vào công ty liên kết		2.736.427.943
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	**37,94%**	**567.438.087.550**

14. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*
Chứng khoán sẵn sàng để bán		
Trái phiếu	682.424.100.095	703.023.732.968
- Niêm yết	*421.311.977.898*	*441.911.610.771*
- Chưa niêm yết	*261.112.122.197*	*261.112.122.197*
Cổ phiếu	757.393.091.862	932.972.902.140
- Niêm yết	*646.290.077.926*	*767.170.400.621*
- Chưa niêm yết	*111.103.013.936*	*165.802.501.519*
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-
	1.439.817.191.957	**1.635.996.635.108**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*
Cổ phiếu niêm yết	61.649.284.780	8.959.144.379
Cổ phiếu chưa niêm yết	12.180.896.822	26.099.807.722
	73.830.181.602	**35.058.952.101**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn của Công ty vào các đơn vị nhận đầu tư với mục tiêu nắm giữ dài hạn. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	% sở hữu của công ty	*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
	%	*VNĐ*	*VNĐ*
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	9,98%	201.171.400.000	101.393.900.000
Công ty Xi măng Vissai Miền Trung	10%	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	14,99%	14.999.990.000	14.999.990.000
		226.171.390.000	**126.393.890.000**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Xăng dầu Petrolimex, tiền thân là Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười, một ngân hàng TMCP nông thôn thành lập năm 1993. Năm 2006, khi ngân hàng này thực hiện tăng vốn cho mục đích chuyển đổi sang mô hình ngân hàng TMCP đô thị, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã góp vốn vào ngân hàng với tư cách cổ đông chiến lược và có một đại diện trong Hội đồng Quản trị của ngân hàng. Hoạt động chính của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex là cung cấp các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính có liên quan tại Việt Nam. Trong năm, Công ty thực hiện góp thêm 99.777.500.000 đồng vào Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex trong đợt tăng vốn năm 2010 của Ngân hàng. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi mua thêm không thay đổi, và là 9,98%.

Khoản góp vốn vào Công ty Xi măng Vissai Miền Trung, tiền thân là Công ty Xây dựng và Đầu tư Đại Việt, được thực hiện năm 2007. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: khai thác sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, ngoại thất; thi công lắp đặt, hoàn thiện và trang trí nội ngoại thất cho các công trình xây dựng.

Năm 2007, Công ty cũng thực hiện góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI với tư cách là cổ đông sáng lập. Hiện tại, chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn cũng đồng thời là chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: kinh doanh nhà; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng; dịch vụ quản lý, cho thuê mặt bằng, văn phòng.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
	VNĐ	*VNĐ*
Chi phí tư vấn trả trước	21.949.061.192	-
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	8.747.650.713	6.273.425.927
	30.696.711.905	**6.273.425.927**

17. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
	VNĐ	*VNĐ*
Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	9.120.436.954	8.087.814.535
Tiền lãi phân bổ hàng năm	1.269.495.696	302.118.115
	10.389.932.650	**8.389.932.650**

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
	VNĐ	*VNĐ*
Nợ ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi	2.000.000.000.000	-
	2.000.000.000.000	**-**

Nợ ngắn hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh giá trị của 2.000.000 trái phiếu chuyển đổi SSICB 2010 được Công ty phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2010. Chi tiết được trình bày dưới đây:

Tên Trái phiếu	*Ngày phát hành*	*Mệnh giá (VNĐ)*	*Số lượng*	*Kỳ hạn (tháng)*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tổng giá trị VNĐ*
SSICB 2010	26/3/2010	1.000.000	2.000.000	12	4%	2.000.000.000.000
						2.000.000.000.000

Thời gian chuyển đổi:	12 tháng kể từ ngày phát hành hoặc có thể sớm hơn tuỳ theo quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Quyền chuyển đổi trái phiếu thuộc về trái chủ.
Giá chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi:	Giá chuyển đổi được xác định là 72.250 đồng/cổ phần, tương đương 85% giá thị trường tại thời điểm phát hành. Giá này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định về điều khoản chống pha loãng. Ngày 29 tháng 3 năm 2010, Công ty đã chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 1:1, theo đó, giá chuyển đổi được điều chỉnh sau ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ phiếu thưởng là 36.125 đồng/cổ phần. Ngày 21 tháng 5 năm 2010, Công ty đã chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức đợt 2 năm 2009 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5%/mệnh giá, theo đó, giá chuyển đổi hiện nay là 35.639 đồng/cổ phiếu - đã được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng sau ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức.
Phương thức trả gốc:	Trả gốc một lần vào ngày phát hành của năm đáo hạn trái phiếu trong trường hợp trái chủ không thực hiện quyền chuyển đổi.
Phương thức trả lãi:	Trả lãi một lần vào ngày phát hành của năm đáo hạn trái phiếu. Lãi trái phiếu sẽ được trả trong trường hợp trái chủ quyết định thực hiện quyền chuyển đổi hoặc không thực hiện quyền chuyển đổi.

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
	VNĐ	*VNĐ*
Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.933.308.000	2.229.777.500
Ứng trước trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	45.180.000.000	-
Quỹ Tầm nhìn SSI trả trước phí quản lý cho SSIAM	6.269.545.469	-
	56.382.853.469	**2.229.777.500**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*
Thuế Giá trị Gia tăng	1.565.617.793	288.711.888
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (*)	17.494.080.074	48.781.140.010
Thuế Thu nhập Cá nhân	5.741.963.172	3.291.599.454
Thuế khác	1.547.906.701	1.689.548.116
	26.349.567.740	**54.050.999.468**

(*) Chi phí thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành ước tính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 34.

Bảng tổng hợp tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày dưới đây:

STT	*Chỉ tiêu*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*	*Số phải nộp trong năm* *VNĐ*	*Số đã nộp trong năm* *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2010* *VNĐ*
I	**Thuế**	**54.050.999.468**	**290.417.405.043**	**318.118.836.771**	**26.349.567.740**
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	288.711.888	19.169.367.358	17.892.461.453	1.565.617.793
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-
3	Thuế nhập khẩu	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.781.140.010	199.043.562.888	230.330.622.824	17.494.080.074
5	Thuế nhà đất	-	-	-	-
6	Tiền thuê đất	-	-	-	-
7	Các loại thuế khác	4.981.147.570	72.204.474.797	69.895.752.494	7.289.869.873
	Thuế thu nhập cá nhân	*3.155.616.155*	*19.867.354.902*	*20.495.944.326*	*2.527.026.731*
	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	*135.983.299*	*35.084.704.340*	*32.005.751.198*	*3.214.936.441*
	Thuế môn bài	*-*	*19.500.000*	*19.500.000*	*-*
	Thuế khác	*1.689.548.116*	*17.232.915.555*	*17.374.556.970*	*1.547.906.701*
II	**Các khoản phải nộp khác**	**-**	**747.466.524**	**747.466.524**	**-**
1	Các khoản phí, lệ phí	-	76.500.000	76.500.000	-
2	Các khoản phải nộp khác	-	670.966.524	670.966.524	-
		54.050.999.468	**291.164.871.567**	**318.866.303.295**	**26.349.567.740**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	62.483.242.021	28.769.221.158
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký Chứng khoán	3.758.643.012	3.075.622.430
Phải trả Công ty Tài chính Dầu khí	91.874.435	-
Chi phí lãi hợp đồng mua và bán lại chứng khoán, hợp tác kinh doanh phải trả	-	518.618.187
Các khoản khác	2.712.462.728	1.044.152.643
	69.046.222.196	**33.407.614.418**

22. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh	37.901.932.740	-
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán	797.609.275.510	1.452.544.964.388
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại trụ sở chính	*502.359.236.030*	*848.109.982.724*
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Chi nhánh Hà Nội	*129.743.140.621*	*413.502.905.278*
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác	*165.506.898.859*	*190.932.076.386*
	835.511.208.250	**1.452.544.964.388**

23. PHẢI TRẢ CỔ TỨC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 *VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* *VNĐ*
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	2.480.517.407	3.640.387.898
Phải trả cổ tức cho cổ đông SSI	1.780.947.250	154.352.639.000
	4.261.464.657	**157.993.026.898**

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 (số trình bày lại)	30.646.720.748
Trích lập quỹ trong năm	80.407.989.596
Sử dụng quỹ trong năm	41.623.456.578
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	**69.431.253.766**

Năm 2010, Công ty đã phân loại lại Quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ Nguồn vốn chủ sở hữu sang Quỹ Khen thưởng, phúc lợi trên Nợ phải trả theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi sử dụng trong năm chủ yếu cho mục đích thưởng cho Ban Điều hành và nhân viên. Ngoài ra, Quỹ được sử dụng cho các mục đích phúc lợi khác.

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* VNĐ
Phải trả hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	-	27.742.500.000
Doanh thu nhận trước	2.354.447.214	87.410.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải nộp	-	48.194.852
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	22.311.739.854	80.000.000.000
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	16.359.209.923	44.023.133.000
Các khoản khác	7.590.138.468	8.625.166.589
	48.615.535.459	**160.526.404.441**

26. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* VNĐ
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	13.000.000.000	13.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	68.415.136	-
	13.068.415.136	**13.000.000.000**

Số dư phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền đặt cọc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) cho giao dịch mua bán cổ phiếu với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* VNĐ
Trái phiếu chuyển đổi SSICB0306	-	222.224.000.000
	-	**222.224.000.000**

Nợ dài hạn phản ánh số dư trái phiếu chuyển đổi với chi tiết tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 như được trình bày dưới đây:

Tên Trái phiếu	*Ngày bắt đầu*	*Mệnh giá (VNĐ)*	*Số lượng*	*Kỳ hạn (tháng)*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tổng giá trị VNĐ*
SSICB0306	30/11/2006	100.000	2.000.000	38	13,80%	200.000.000.000
	29/08/2007	100.000	222.240	38	13,80%	22.224.000.000
						222.224.000.000

Tỷ lệ chuyển đổi:	Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu bằng mệnh giá, 1 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng Việt Nam chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam.
Thời gian chuyển đổi	Chậm nhất vào 30 tháng 1 hàng năm, bắt đầu từ ngày 30 tháng 1 năm 2008, thời hạn chuyển đổi có thể sớm hơn tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
Các điều kiện khác:	Các trái phiếu này không được bảo đảm. Công ty có quyền không trả trái tức cho các nhà đầu tư nếu như việc chi trả gây lỗ cho Công ty, trong trường hợp này, số trái tức chưa trả sẽ được cộng chung vào tiền gốc trái phiếu kỳ hạn tiếp theo để tính lãi. Trong trường hợp Công ty bị phá sản, các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu sẽ là đối tượng cuối cùng được nhận thanh toán.

Ngày 30 tháng 1 năm 2010, Công ty đã thực hiện chuyển đổi toàn bộ 2.222.240 trái phiếu chuyển đổi SSICB0306 sang cổ phiếu phổ thông với tỷ lệ 1:10 (01 trái phiếu SSICB0306 chuyển đổi thành 10 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng). Sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, vốn điều lệ của Công ty đã tăng thêm 222.224.000.000 đồng Việt Nam.

28. VỐN NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009* VNĐ
Vốn nhận từ các khách hàng ủy thác quản lý danh mục đầu tư	124.597.648.444	123.807.416.049
	124.597.648.444	**123.807.416.049**

Khoản vốn này được quản lý tại công ty con của Công ty là SSIAM.

29. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

29.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu *VNĐ*	*Thặng dư vốn cổ phần* *VNĐ*	*Cổ phiếu quỹ* *VNĐ*	*Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính* *VNĐ*	*Lợi nhuận chưa phân phối* *VNĐ*	*Tổng cộng* *VNĐ*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	1.533.334.710.000	2.095.966.265.902	(449.664.524)	140.116.480.248	1.049.533.539.162	4.818.501.330.788
Trích thuế TNDN bổ sung theo quyết toán thuế TNDN năm 2008 và 2009	-	-	-	-	(2.776.148.543)	(2.776.148.543)
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	222.224.000.000	-	-	-	-	222.224.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tỉ lệ 1:1 từ nguồn thặng dư vốn	1.755.558.710.000	(1.755.558.710.000)	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(12.365.677.000)	-	-	(12.365.677.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	513.920.476	449.664.524	-	-	963.585.000
Trích lập quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2009	-	-	-	80.407.989.594	(80.407.989.594)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2009	-	-	-	-	(80.407.989.593)	(80.407.989.593)
Trích cổ tức đợt 2 năm 2009 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	-	(175.555.871.000)	(175.555.871.000)
Thuế hoãn lại 5% của dự phòng trợ cấp thôi việc bị trừ ra khi tính thuế TNDN năm 2008	-	-	-	-	141.682.596	141.682.596
Lợi nhuận sau thuế năm 2010	-	-	-	-	688.587.115.937	688.587.115.937
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	**3.511.117.420.000**	**340.921.476.378**	**(12.365.677.000)**	**220.524.469.842**	**1.399.114.338.962**	**5.459.312.028.182**

Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Việc trích lập sẽ được thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sẽ hạch toán trong năm 2011.

29. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

29.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu *VNĐ*	*Thặng dư vốn cổ phần* *VNĐ*	*Cổ phiếu quỹ* *VNĐ*	*Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính* *VNĐ*	*Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)* *VNĐ*	*Lợi nhuận chưa phân phối* *VNĐ*	*Tổng cộng* *VNĐ*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.366.666.710.000	1.996.057.965.000	(88.206.646.731)	115.064.783.174	84.134.993.178	423.185.498.706	3.896.903.303.327
Hoàn lại thuế năm 2008	-	-	-	-	-	642.042.592	642.042.592
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	166.668.000.000	-	-	-	-	-	166.668.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(31.940.761.891)	-	-	-	(31.940.761.891)
Bán cổ phiếu quỹ	-	99.908.300.902	119.697.744.098	-	-	-	219.606.045.000
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	25.051.697.074	-	(25.051.697.074)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(53.488.272.430)	-	(53.488.272.430)
Trích cổ tức đợt 1 năm 2009 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	-	-	(153.322.201.000)	(153.322.201.000)
Lợi nhuận sau thuế năm 2009	-	-	-	-	-	804.079.895.938	804.079.895.938
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 - Số đã báo cáo	**1.533.334.710.000**	**2.095.966.265.902**	**(449.664.524)**	**140.116.480.248**	**30.646.720.748**	**1.049.533.539.162**	**4.849.148.051.536**
Phân loại lại Quỹ Khen thưởng, phúc lợi sang Nợ phải trả *(*)*	-	-	-	-	(30.646.720.748)	-	(30.646.720.748)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 - Số trình bày lại	**1.533.334.710.000**	**2.095.966.265.902**	**(449.664.524)**	**140.116.480.248**	**-**	**1.049.533.539.162**	**4.818.501.330.788**

(*) Năm 2010, Công ty đã phân loại lại Quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ Nguồn vốn chủ sở hữu sang Quỹ Khen thưởng, phúc lợi trên Nợ phải trả theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009. Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 24.

29. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

29.2 *Cổ phiếu*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**351.111.742**	**153.333.471**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**351.111.742**	**153.333.471**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	351.111.742	153.333.471
Cổ phiếu phổ thông	*351.111.742*	*153.333.471*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	**(399.770)**	**(11.270)**
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(399.770)	(11.270)
Cổ phiếu phổ thông	*(399.770)*	*(11.270)*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ do công ty con hoặc công ty liên kết của Công ty nắm giữ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**350.711.972**	**153.322.201**
Cổ phiếu phổ thông	*350.711.972*	*153.322.201*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

30. DOANH THU

	Năm nay VNĐ	*Năm trước* VNĐ
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	**1.503.616.689.880**	**1.121.557.943.660**
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	176.043.714.129	196.203.846.337
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	710.010.595.072	603.679.970.807
Cổ tức	*85.226.610.964*	*68.927.058.408*
Trái tức	*86.296.822.398*	*97.009.269.949*
Lãi kỳ phiếu	*238.888.889*	*8.012.625.001*
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	*513.321.632.833*	*423.371.678.909*
Doanh thu tự doanh từ ủy thác danh mục tại SSIAM	*19.363.775.626*	-
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	*5.562.864.362*	*6.359.338.540*
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	13.140.023.320	9.236.390.000
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	108.242.078.334	50.301.749.737
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	2.421.084.957	1.756.798.538
Doanh thu quản lý DM đầu tư cho người UTĐT	19.811.488.075	88.419.267.954
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	930.873.701	666.456.491
Thu lãi tiền gửi	363.863.270.171	156.376.283.043
Doanh thu hoạt động dịch vụ tài chính	108.110.455.716	14.466.368.402
Doanh thu khác	1.043.106.405	450.812.351
Các khoản giảm trừ doanh thu	**250.000.000**	**31.888.000**
Doanh thu thuần	**1.503.366.689.880**	**1.121.526.055.660**

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VNĐ	*Năm trước* VNĐ
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	35.971.502.034	32.496.891.591
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	38.178.928.212	173.800.890.090
Chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	185.985.595.550	(200.391.716.379)
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	109.003.096.841	69.862.731.578
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính, tư vấn khác	1.341.597.990	-
Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	221.844.852.008	157.705.670.785
Chi phí nhân viên	*104.823.936.168*	*60.882.781.828*
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	*4.429.956.308*	*3.058.075.611*
Chi phí khấu hao và phân bổ	*26.093.891.419*	*22.693.658.134*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	*55.214.691.945*	*40.154.789.823*
Chi phí thuê văn phòng	*29.445.252.699*	*20.430.701.554*
Chi phí khác	*1.837.123.469*	*10.485.663.835*
	592.325.572.635	**233.474.467.665**

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VNĐ	*Năm trước* VNĐ
Chi phí nhân viên	8.831.154.274	4.573.200.827
Chi phí khấu hao và phân bổ	954.118.418	856.923.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.360.316.914	831.841.831
	11.145.589.606	**6.261.966.451**

33. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VNĐ	*Năm trước* VNĐ
Thu nhập khác	**5.826.330.656**	**137.062.842**
Thu nhập do nhượng bán, thanh lý TSCĐ	5.672.168.455	-
Thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh	154.162.201	137.062.842
Chi phí khác	**5.638.799.981**	**103.548.166**
Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ	4.965.987.318	-
Chi phí khác ngoài hoạt động kinh doanh	672.812.663	103.548.166
Lợi nhuận khác	**187.530.675**	**33.514.676**

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Năm kinh doanh có lãi đầu tiên của công ty là 2001. Công ty được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh năm 1999. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất 20%. Mức thuế suất cho các năm tiếp theo là 25%.

Theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5428/TC-CST ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài chính, các công ty mới niêm yết trên thị trường chứng khoán được giảm trừ 50% thuế TNDN tính từ năm đầu tiên niêm yết. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006, theo đó, mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm 2009 là 20% (2008: 10%). Từ năm 2010, mức thuế suất áp dụng cho Công ty là 25%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty cho năm 2010 và năm 2009 được trình bày dưới đây:

B09-CTCK

	Năm nay *VNĐ*	*Năm trước* *VNĐ*
Lợi nhuận thuần trước thuế	**902.819.486.257**	**955.711.514.448**
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	**(142.580.659.777)**	**(222.566.138.699)**
Các khoản điều chỉnh tăng	20.496.200.219	55.574.822.490
Lỗ từ công ty con	*386.803.686*	-
Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết của năm nay	*20.109.396.533*	*55.574.822.490*
Các khoản điều chỉnh giảm	(163.076.859.996)	(278.140.961.189)
Lợi nhuận từ công ty con	*(27.819.647.766)*	*(77.314.356.893)*
Lợi nhuận từ công ty liên kết (*)	*(2.736.427.943)*	*(1.138.378.228)*
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	*(76.134.278.797)*	*(68.745.858.408)*
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết (đã tính thuế năm trước)	*(55.574.822.490)*	*(130.942.367.660)*
Chi phí trợ cấp thôi việc trích trước năm 2008 tính thuế cho năm 2010	*(811.683.000)*	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	**760.238.826.480**	**733.145.375.749**
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành của Công ty mẹ	190.059.706.620	146.629.075.147
Thuế TNDN phải nộp bổ sung do phần dự phòng chứng khoán chưa niêm yết chưa được khấu trừ thuế trong năm 2008	-	13.094.236.766
Thuế TNDN phải trả của công ty con	5.640.977.343	13.500.647.456
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**195.700.683.963**	**173.223.959.369**
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	(57.721.377)
Thuế TNDN bổ sung theo quyết toán thuế TNDN năm 2008 và 2009	3.342.878.926	
Thuế TNDN phải trả đầu năm	**48.781.140.010**	**5.383.825.130**
Thuế TNDN đã trả trong năm	(230.330.622.825)	(129.768.923.112)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**17.494.080.074**	**48.781.140.010**

(*): Ghi nhận theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu (không bao gồm phần thực nhận).

34.2 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Biến động của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm 2010 như sau:

	Số tiền *VNĐ*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	**21.592.340.859**
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	(16.767.912.476)
Thuế TNDN hoãn lại theo thuế suất 20% của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trích trước năm 2008	566.730.383
Trích bổ sung chênh lệch thuế suất 5% cho khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trích trước năm 2008	141.682.596
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	**5.532.841.362**

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm 2010 như sau:

	Số tiền *VNĐ*
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	(881.886.941)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	**(881.886.941)**

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2010 như sau:

	Năm nay *VNĐ*
Tăng/ (giảm) chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế năm nay	(35.465.425.957)
Tăng/(giảm) chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc trích trước năm 2008 tính thuế cho năm 2010	(811.683.000)
Lãi chưa thực hiện của Quỹ Đầu tư Thành viên SSI	(3.527.547.764)
Tổng	**(39.804.656.721)**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại theo thuế suất 25%	**9.951.164.179**
Điều chỉnh thuế TNDN hoãn lại theo công văn hướng dẫn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về thuế TNDN đối với chia lợi tức từ quỹ đầu tư chứng khoán.	7.698.635.238
	17.649.799.417

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 chuyển sang khấu trừ thuế trong các năm tiếp theo với mức thuế suất áp dụng là 25% của năm 2010.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh liên quan đến khoản chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc trích trước năm 2008 được chuyển sang tính thuế cho năm 2010.

35. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Số tiền *VNĐ*
Ngày 1 tháng 1 năm 2010	-
Vốn góp ban đầu của cổ đông thiểu số	72.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số năm nay	881.886.941
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	**72.881.886.941**

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2010 bao gồm:

Bên liên quan	***Mối quan hệ***	***Nội dung nghiệp vụ***	***Số tiền*** *(VNĐ)*
Quỹ Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động môi giới	6.204.464.503
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH	Phát hành trái phiếu chuyển đổi	200.000.000.000
		Trả cổ tức bằng tiền	28.505.036.000
		Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	266.682.903.333
		Thanh lý 1 phần/toàn bộ hợp đồng hợp tác kinh doanh	266.682.903.333
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch HĐQT	Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	9.096.473.373
		Thanh lý một phần/toàn bộ hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.993.937.805
		Nhận lại tiền hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	15.000.000.000
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	33.653.200.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	4.708.643.567
		Trả cổ tức bằng tiền	58.569.100.000
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Trả cổ tức bằng tiền	33.901.600.000
		Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	15.698.200.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	2.179.997.540
		Phát hành trái phiếu chuyển đổi	240.000.000.000
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Tổng Giám đốc Công ty CP Xuyên Thái Bình là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	2.041.400.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	285.625.883
		Phát hành trái phiếu chuyển đổi	80.000.000.000
		Nhận trước tiền bán chứng khoán	25.100.000.000
		Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	100.692.650.395
		Thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh	100.692.650.395

Số dư của Công ty với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

Công ty liên quan	*Mối quan hệ*	*Các giao dịch*	*Khoản phải thu (VNĐ)*	*Khoản phải trả (VNĐ)*
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	-
		Thực hiện hợp đồng mua bán lại chứng khoán	4.892.544.000	-
		Lãi hợp tác kinh doanh còn phải thu	1.056.544.872	-
		Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	1.102.535.568
		Lãi hợp tác kinh doanh còn phải trả	-	9.187.796
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH	Nợ ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi	-	143.000.000.000
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Tiền gửi của nhà đầu tư tại ngân hàng ANZ	1.080.454.024	-
		Tiền gửi của Công ty tại NH ANZ	2.922.657.489	-
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Nợ ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi	-	240.000.000.000
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Tổng Giám đốc Công ty CP Xuyên Thái Bình là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI	Nợ ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi	-	80.000.000.000
		Nhận trước tiền bán chứng khoán	-	25.100.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2010 là 13.523.836.210 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính hoặc do thiếu thông tin về thị trường.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

	Năm nay *VNĐ*	*Năm trước* *VNĐ*
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VNĐ	688.587.115.937	804.079.895.938
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	347.449.772	150.001.987
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VNĐ	1.982	5.360

38. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

	Môi giới và dịch vụ khách hàng *VNĐ*	*Tự doanh* *VNĐ*	*Kinh doanh nguồn vốn* *VNĐ*	*Quản lý danh mục* *VNĐ*	*Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác* *VNĐ*	*Tổng cộng* *VNĐ*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	178.464.799.086	712.747.022.844	473.016.832.292	19.811.488.074	127.889.306.430	1.511.929.448.726
2. Các chi phí trực tiếp	35.971.502.034	224.164.523.761	104.459.100.828	-	6.265.766.444	370.860.893.067
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	141.111.707.773	21.659.006.309	34.785.676.800	11.814.003.441	28.878.675.079	238.249.069.402
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**1.381.589.279**	**466.923.492.774**	**333.772.054.664**	**7.997.484.633**	**92.744.864.907**	**902.819.486.257**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010						
1. Tài sản bộ phận	1.443.938.377.280	4.210.384.258.093	2.738.419.483.681	129.521.055.809	1.697.000.000	8.523.960.174.863
2. Tài sản phân bổ	138.675.998.076	21.285.153.193	34.185.246.037	11.610.083.560	28.380.204.257	234.136.685.123
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	34.797.705.997
Tổng tài sản	**1.582.614.375.356**	**4.231.669.411.286**	**2.772.604.729.718**	**141.131.139.369**	**30.077.204.257**	**8.792.894.565.983**
1. Nợ phải trả bộ phận	850.266.640.387	76.463.803.372	2.084.976.155.668	131.053.523.245	4.933.308.000	3.147.693.430.672
2. Nợ phân bổ	58.970.900.902	9.051.347.580	14.537.012.780	4.937.098.680	12.068.463.440	99.564.823.382
3. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	13.442.396.806
Tổng công nợ	**909.237.541.289**	**85.515.150.952**	**2.099.513.168.448**	**135.990.621.925**	**17.001.771.440**	**3.260.700.650.860**

39. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

39.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
	VNĐ	*VNĐ*
Đến 1 năm	28.106.295.744	18.087.757.380
Trên 1 - 5 năm	80.387.468.112	67.347.105.210
Trên 5 năm	19.797.949.680	28.855.586.760

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 18.932 đồng.

39.2 Cam kết hỗ trợ hợp đồng hợp tác đầu tư

Công ty đã ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư đối với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ góp vốn đầu tư bằng tiền để mua chứng khoán. Giá trị các cam kết góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 và 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Chi nhánh	*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*
	VNĐ	*VNĐ*
Trụ sở chính (TP Hồ Chí Minh)	3.236.811.628	119.582.256
Chi nhánh Hà Nội	148.387.638	-
Trần Bình Trọng	677.131.884	12.586.186
Hải Phòng	220.393.566	66.882.463
Nguyễn Công Trứ	9.363.226	-
Nha Trang	13.812.998	-
Vũng Tàu	12.332.165	-
Quảng Ninh	10.413.313	-
Mỹ Đình	14.970.084	
	4.343.616.502	**199.050.905**

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Công văn số 165/2011/CV-SSIHO ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn gửi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tiến hành thủ tục chuyển đổi 2.000.000 trái phiếu SSICB2010 mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông vào ngày 26 tháng 3 năm 2011 và trả lãi cho số trái phiếu này. Giá chuyển đổi trái phiếu được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng của Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi SSICB2010 là 35.639 đồng/cổ phiếu. Trái chủ có quyền lựa chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc không chuyển đổi và nhận lại tiền gốc và lãi.

41. DỮ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và các hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, do đó một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập	*Người phê duyệt*	*Người phê duyệt*
Bà Hoàng Thị Minh Thủy	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Ông Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

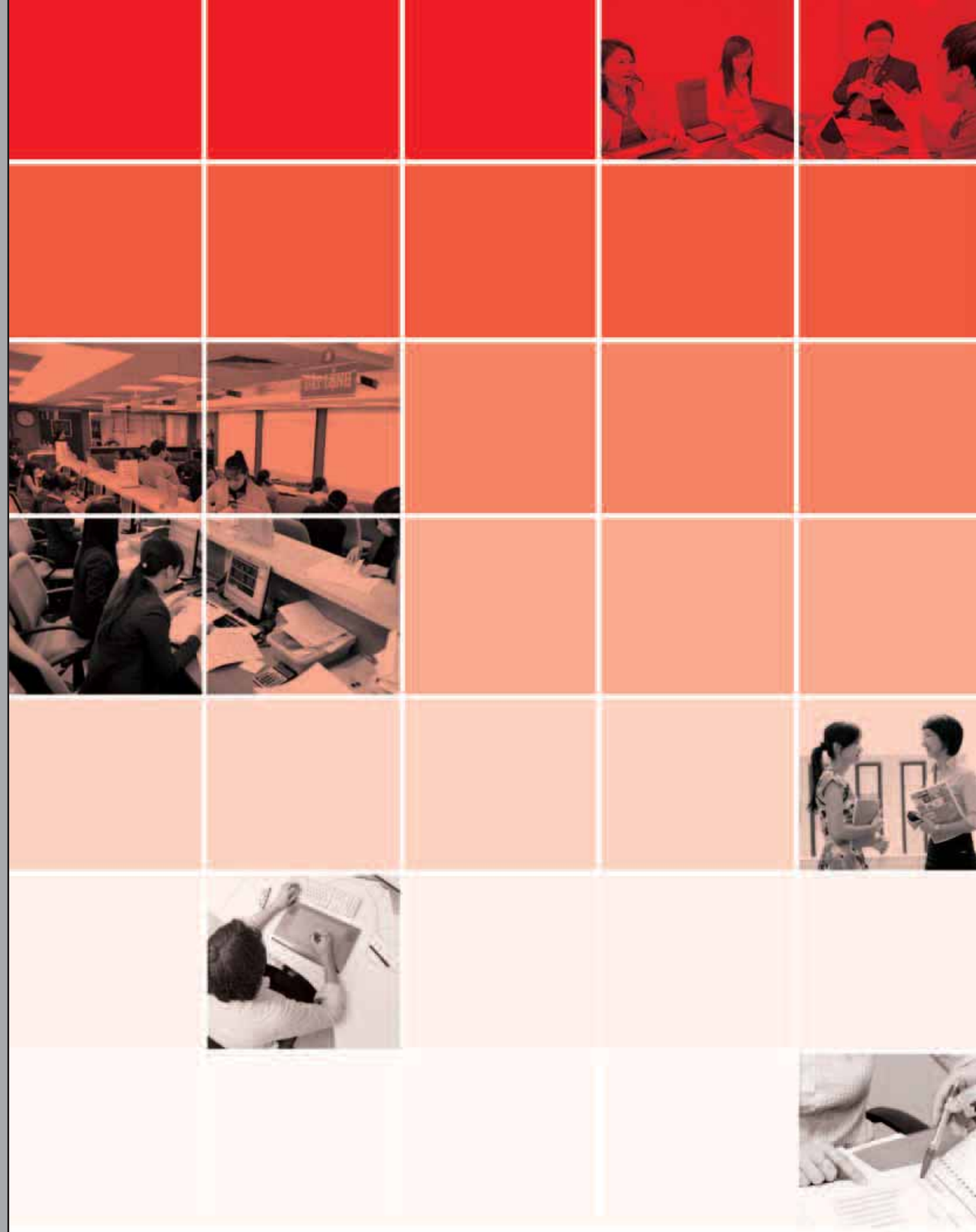
Ngày 2 tháng 3 năm 2011

Nhận xét của Kiểm toán nội bộ

+Nhận xét chung:
Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2010, và cũng tuân thủ theo các quy định có liên quan. Tỷ lệ vốn khả dụng và các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty luôn được duy trì theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Các sai sót trong công tác kế toán đã được khắc phục, chỉnh sửa kịp thời theo đúng kiến nghị của kiểm toán nội bộ.
Các nhận xét đặc biệt: Không có
TM Kiểm toán nội bộ SSI

Ông Trần Dương Anh Việt
Giám đốc

THÔNG TIN KHÁC



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị / Ban Kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban Kiểm soát: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được trình bày chi tiết tại mục Cơ Cấu Tổ Chức.
- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và nhân viên Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CMND	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	010026227	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
2	Nguyễn Kim Long	Giám đốc Luật & KSNB	023385350	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
3	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế Toán trưởng	023529105	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
4	Phạm Thị Xuân Mỹ	Chuyên viên Luật	205104388	35 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
5	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	023133210	29 QTCT 158/QĐ-TTNC	08/09/2009
6	Nguyễn Duy Hưng	CTHĐQT/TGĐ	220895567	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
7	Nguyễn Thị Thanh Hà	GĐ Tài Chính	011751289	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
8	Trần Thị Thúy	GĐ CN tại Hà Nội	012181128	37 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
9	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	011855565	18 QTCT 17/QĐ-TTNC	20/01/2010
10	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HDQT Phó TGĐ	024214771	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
11	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	021680111	22 QTCT 123/QĐ-TTNC	29/01/2010

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ, Kế Toán trưởng

Loại cổ đông		STT	Họ tên (Bao gồm chức vụ)	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	CP hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
TRONG NƯỚC	Hội đồng Quản trị	1	NGUYỄN DUY HƯNG – CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TGĐ	220895567	-	-	-	-
		2	NGUYỄN HỒNG NAM – TV HĐQT KIÊM PHÓ TGĐ	024214771	-	15.687.968	15.687.968	4,47%
		3	NGÔ VĂN ĐIỂM – TV HĐQT	010026227	-	20.000	20.000	0,01%
		4	BÙI QUANG NGHIÊM – TV HĐQT	023133210	-	177.920	177.920	0,04%
	Ban Tổng Giám đốc	1	NGUYỄN DUY HƯNG – CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TGĐ	220895567	-	-	-	-
		2	NGUYỄN HỒNG NAM – TV HĐQT KIÊM PHÓ TGĐ	024214771	-	15.687.968	15.687.968	4,47%
	Ban Kiểm soát	1	NGUYỄN VĂN KHẢI – TRƯỞNG BKS	021680111	-	100.012	100.012	0,03%
		2	ĐẶNG PHONG LƯU – TV BKS	023455504	-	208.840	208.840	0,06%
		3	HỒ THỊ HƯƠNG TRÀ – TV BKS	011855565	-	12.168	12.168	0,00%
	Kế Toán trưởng	1	HOÀNG THỊ MINH THỦY – KẾ TOÁN TRƯỞNG	023529105	-	200	200	0,00%
NƯỚC NGOÀI	Hội đồng Quản trị	1	ĐÀM BÍCH THỦY	010353600	-	-	-	-
			CÁ NHÂN SỞ HỮU	-	-	-	-	-
			ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN: AUSTRALIA AND NEW ZEALAND BANKING GROUP LIMITED	ACN 005357522	-	61.934.420	61.934.420	17,64%
		2	ALISTAIR MARSHALL BULLOCH	761277034	-	-	-	-
		3	YUICHI AKAI	TG0304746	-	-	-	-
			CÁ NHÂN SỞ HỮU	-	-	-	-	-
			ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN: DAIWA SECURITIES GROUP INCORPORATION	0199-01-008855	-	35.471.420	35.471.420	10,10%
			TỔNG CỘNG:		**-**	**113.572.948**	**113.572.948**	**32,35%**

Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cổ phiếu của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn được niêm yết vào giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã giao dịch SSI và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu: Đến ngày 31/12/2010, vốn điều lệ của SSI là 3.511.117.420.000 đồng được chia thành 351.111.742 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông. Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2011 là 399.770 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 350.711.972 cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông của Công ty và tỉ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 21/05/2010 và công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ đến ngày 31/12/2010.

Phụ lục 1: Giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan:

- Giao dịch cổ phiếu:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu SH đầu kỳ		Số cổ phiếu SH cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (*)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (**)	
1	Australia And New Zealand Banking Group Limited	Người có liên quan của thành viên HĐQT (bà Đàm Bích Thủy và ông Alistair Marshall Bulloch)	27.601.890	18,001%	61.934.420	17,640%	- Tăng 3.365.320 cổ phiếu do chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 ngày 30/01/2010 - Tăng 30.967.210 cổ phiếu do nhận cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1 ngày 10/05/2010
2	Daiwa Securities Group Inc.	Người có liên quan của thành viên HĐQT (ông Yuichi Akai)	16.165.890	10,543%	35.471.420	10,103%	Tăng 1.569.820 cổ phiếu do chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 ngày 30/01/2010 Tăng 17.735.710 cổ phiếu do nhận cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1 ngày 10/05/2010
3	Công ty TNHH Nguyễn Duy Hưng	Cổ đông lớn - Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT (ông Nguyễn Duy Hưng)	14.252.518	8,12%	28.705.036	8,18%	Tăng 14.252.518 cổ phiếu do nhận cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1 ngày 10/05/2010 Mua 200.000 cổ phiếu trên sàn, giao dịch báo cáo ngày 18/01/2011.
4	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ/Cổ đông lớn	7.843.984	4,47%	15.687.968	4,47%	Tăng 7.843.984 cổ phiếu do nhận cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1 ngày 10/05/2010
5	Nguyễn Mạnh Hùng	Người có liên quan của TV HĐQT (em ruột ông Nguyễn Duy Hưng và ông Nguyễn Hồng Nam)	2.716.840	1,772%	0	0%	Giảm 2.716.840 cổ phiếu do góp vốn bằng cổ phiếu vào Công ty TNHH Nguyễn Sài Gòn ngày 26/3/2010
6	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	46.390	0,030%	177.920	0,051%	Tăng 22.570 cổ phiếu do chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 ngày 30/01/2010 Tăng 68.960 cổ phiếu do nhận cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1 ngày 10/05/2010 Mua 40.000 cổ phiếu trên sàn ngày báo cáo giao dịch 01/11/2010.
7	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	10.000	0,01%	20.000	0,01%	Tăng 10.000 cổ phiếu do nhận cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1 ngày 10/05/2010
8	Ngô Anh Thư	Người có liên quan TV HĐQT (con ruột của ông Ngô Văn Điểm)	2.000	0%	0	0%	Bán cổ phiếu trên sàn giao dịch
10	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	181.236	0,118%	100.012	0,030%	Bán 131.230 cổ phiếu từ ngày 07/01 - 04/03/2010 Tăng 50.006 cổ phiếu do nhận cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1 ngày 10/05/2010
11	Nguyễn Văn Thành	Người có liên quan của Trưởng BKS (ông Nguyễn Văn Khải)	900	0,001%	0	0%	Bán 900 cổ phiếu vào ngày 23/03/2010
12	Công ty CP Xuyên Thái Bình	Người có liên quan của Trưởng BKS (ông Nguyễn Văn Khải)	0	0%	999.960	0,28%	Tăng 204.140 cổ phiếu do chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 ngày 30/01/2010 Bán 204.140 cổ phiếu từ ngày 02/03 - 19/03/2010 Mua 999.960 cổ phiếu trên sàn. Đăng ký mua 2 triệu cp, bán 1 triệu cp, thời gian giao dịch từ 09/12/2010 đến 09/02/2011, chưa có báo cáo vì chưa kết thúc thời gian giao dịch.
13	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	104.420	0,06%	208.840	0,06%	Tăng 104.420 cổ phiếu do nhận cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1 ngày 10/05/2010
14	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	6.084	0,00%	12.168	0,00%	Tăng 6.084 cổ phiếu do nhận cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1 ngày 10/05/2010
15	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế Toán trưởng	60	0,000%	200	0,000%	Tăng 40 cổ phiếu do chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 ngày 30/01/2010 Tăng 100 cổ phiếu do nhận cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1 ngày 10/05/2010

Ghi chú: (*) Tính trên vốn điều lệ 1.755.558.710.000 đồng
(**) Tính trên vốn điều lệ 3.511.117.420.000 đồng

- Các giao dịch khác (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty):

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
1	Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN)	Người có liên quan của Trưởng BKS	Mua trái phiếu chuyển đổi SSICB2010 giá trị 80 tỷ (theo mệnh giá)	Giao dịch đã được HĐQT chấp thuận
2	Daiwa Securities Group Incorporation	Cổ đông lớn, người có liên quan của thành viên HĐQT	Mua trái phiếu chuyển đổi SSICB2010 giá trị 240 tỷ (theo mệnh giá)	Giao dịch đã được HĐQT chấp thuận
3	Công ty TNHH Nguyễn Duy Hưng	Cổ đông lớn, người có liên quan của thành viên HĐQT	Mua trái phiếu chuyển đổi SSICB2010 giá trị 200 tỷ (theo mệnh giá)	Giao dịch đã được HĐQT chấp thuận

Phụ lục 2: Cơ cấu vốn cổ đông và tỷ lệ sở hữu đến ngày 21/05/2010 (ngày chốt danh sách cổ đông để chia thành cổ tức đợt 2 năm 2009)

1. Cơ cấu cổ đông:

DANH MỤC	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC		CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)
TỔNG SỐ VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU	**1.965.786.900.000**	**55,99%**	**1.545.330.520.000**	**44,99%**	**3.511.117.420.000**	**100,00%**
CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	-	-	-	-	-	-
CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TRÊN 5%	285.050.360.000	8,12%	974.058.400.000	27,74%	1.259.108.760.000	35,86%
CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 1 ĐẾN 5%	211.216.480.000	6,02%	47.869.800.000	1,36%	259.086.280.000	7,38%
CỔ ĐÔNG SỞ HỮU DƯỚI 1 %	1.469.520.060.000	41,85%	523.402.320.000	14,91%	1.992.922.380.000	56,76%
CỔ PHIẾU QUỸ	-	-	-	-	-	-

Giá trị cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2010 là 3.997.700.000 đồng

2. Cơ cấu tỷ lệ sở hữu:

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
	Tổng số lượng cổ phiếu	**351.111.742**	**100,00%**	**33.848**	**285**	**33.563**
1	Cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% cp trở lên)	125.910.876	38,86%	3	3	-
2	Cổ đông khác	225.200.866	64,14%	33.845	282	33.563
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
4	Trong đó:					
	- Vốn nhà nước:	-	-	-	-	-
	- Vốn nước ngoài:	115.101.052	16,17%	1.896	96	1.800

Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2010 là 339.770 cổ phiếu

3. Loại hình sở hữu:

Đối tượng	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
1	2	3	4=2+3	5
I. Cổ đông đặc biệt		**16.167.108**	**16.167.108**	**4,60%**
1. Hội đồng Quản trị:		15.845.888	1.845.888	4,51%
Trong đó - Nước ngoài	-	-	-	-
- Trong nước		15.845.888	15.845.888	4,51%
2. Ban Giám đốc	-	15.687.968	15.687.968	4,47%
3. Ban Kiểm soát	-	321.020	321.020	0,09%
4. Kế Toán trưởng	-	200	200	0,00%
II. Cổ phiếu quỹ	**-**	**-**	**-**	**-**
III. Cổ đông khác		**334.944.634**	**334.944.634**	**95,40%**
1. Trong nước	-	180.411.582	180.411.582	51,38%
1.1 Cá nhân		*131.961.427*	*131.961.427*	*37,58%*
1.2 Tổ chức (Trong đó Nhà nước)		*48.450.155*	*48.450.155*	*13,80%*
2. Nước ngoài	-	154.533.052	154.533.052	44,01%
2.1 Cá nhân	-	*8.305.442*	*8.305.442*	*2,36%*
2.2 Tổ chức	-	*146.227.610*	*146.227.610*	*41,65%*
CỘNG:		**351.111.742**	**351.111.742**	**100,00%**

Phụ lục 3: Thống kê tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	CÔNG TY TNHH NGUYỄN DUY HƯNG	0104008260	Số 54 ngõ 62, ngách 61/17, Đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy	28.505.036	8,12%
2	DAIWA SECURITIES GROUP INCORPORATION	0199-01-008855	64 OTEMACHI 2-CHOME, CHIYODA-KU, TOKYO, JAPAN	35.471.420	10,10%
3	AUSTRALIA AND NEW ZEALAND BANKING GROUP LIMITED	ACN005357522	Level 6, 100 Queen Street, Melbourne, Victoria, Australia	61.934.420	17,64%
TỔNG CỘNG:				**125.910.876**	**35,86%**

MẠNG LƯỚI
HOẠT ĐỘNG



Chi nhánh Quảng Ninh: Tầng 2 Tòa nhà Đại Hải, số 156B Đường Lê Thánh Tông, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
Điện thoại: (033) 3815678, Fax: (033) 3815680

Chi nhánh Hải Phòng: 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại: (031) 3569123, Fax: (031) 3569130

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài gòn tại Hà Nội: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 39366321, Fax: (04) 39366311

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại (04) 39366321, Fax: (04) 39366337

Chi nhánh Hàm Long: 14 – 16 Hàm Long, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 39426718, Fax: (04) 39426719

Chi nhánh Mỹ Đình: Tầng G, Tòa nhà The Manor – Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 3794 6699, Fax: (04) 3794 6677

Chi nhánh Nha Trang: Tầng 3 Cao ốc Queen, 50 Lê Thành Phương, Phường Phương Sài, TP. NhaTrang, Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: (058) 3816969, Fax: (058) 3816968

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (08) 38242897, Fax: (08) 38242997

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ: 92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (08) 38218567, Fax: (08) 38213867

Phòng giao dịch 3/2: Số 3, Đường 3/2, Quận 10, TP. HCM
Điện thoại: (08) 38181450, Fax: (08) 38181451

Phòng giao dịch Hồng Bàng: Số 769, Hồng Bàng, Quận 6, TP. HCM
Điện thoại: (08) 39695898, Fax: (08) 39695894

Chi nhánh Vũng Tàu: 4 Lê Lợi, TP. Vũng Tàu
Điện thoại: (064) 3521906, Fax: (064) 3521907

THÔNG TIN

DOANH NGHIỆP

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Tên tiếng Anh:	Saigon Securities Inc (SSI)
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc:	Ông Nguyễn Duy Hưng
Ngày thành lập:	30/12/1999
Vốn điều lệ (tại 31/12/2010):	3.511.117.420.000 đồng
Trụ sở chính:	72 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM
Tổng số nhân viên (tại 31/12/2010):	520

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành: (tại thời điểm 31/12/2010)	350.711.972 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2010):	399.770 cổ phiếu
Sàn niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)
Mã chứng khoán niêm yết:	**SSI**
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2010):	32.000 đồng
Chia cổ phiếu thưởng :	Tỷ lệ 1:1
Ngày giao dịch không hưởng quyền	25/03/2010
Ngày chốt danh sách cổ đông chia cổ phiếu thưởng	29/03/2010
Chia cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt	5%
Ngày thực hiện	09/06/2010
Ngày giao dịch không hưởng quyền	19/05/2010
Ngày chốt danh sách cổ đông chia cổ tức bằng tiền mặt	21/05/2010

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Khối Truyền Thông – Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn
1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Tel. +84 (4) 39366321 Fax: +84 (4) 39366311
www.ssi.com.vn/InvestorRelations/
Email: pr@ssi.com.vn

CỔNG THÔNG TIN SSI

www.ssi.com.vn

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Cung cấp các thông tin cổ đông, thông tin tài chính, công bố báo chí, lịch sự kiện,... cho nhà đầu tư





CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nhấn vào đây để xem các Công bố thông tin mới nhất





THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Nhấn vào đây để xem các Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và Báo cáo tài chính năm





THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Nhấn vào đây để xem thông tin mới nhất liên quan đến cổ phiếu SSI



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG

Nhấn vào đây để xem các tin tức mới nhất về thị trường chứng khoán





CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

- Tổng quan thị trường
- Tra cứu thông tin theo mã cổ phiếu
- Quản lý danh mục
- So sánh và lọc cổ phiếu





GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

Nhấn vào đây để xem và đăng ký dịch vụ giao dịch điện tử

